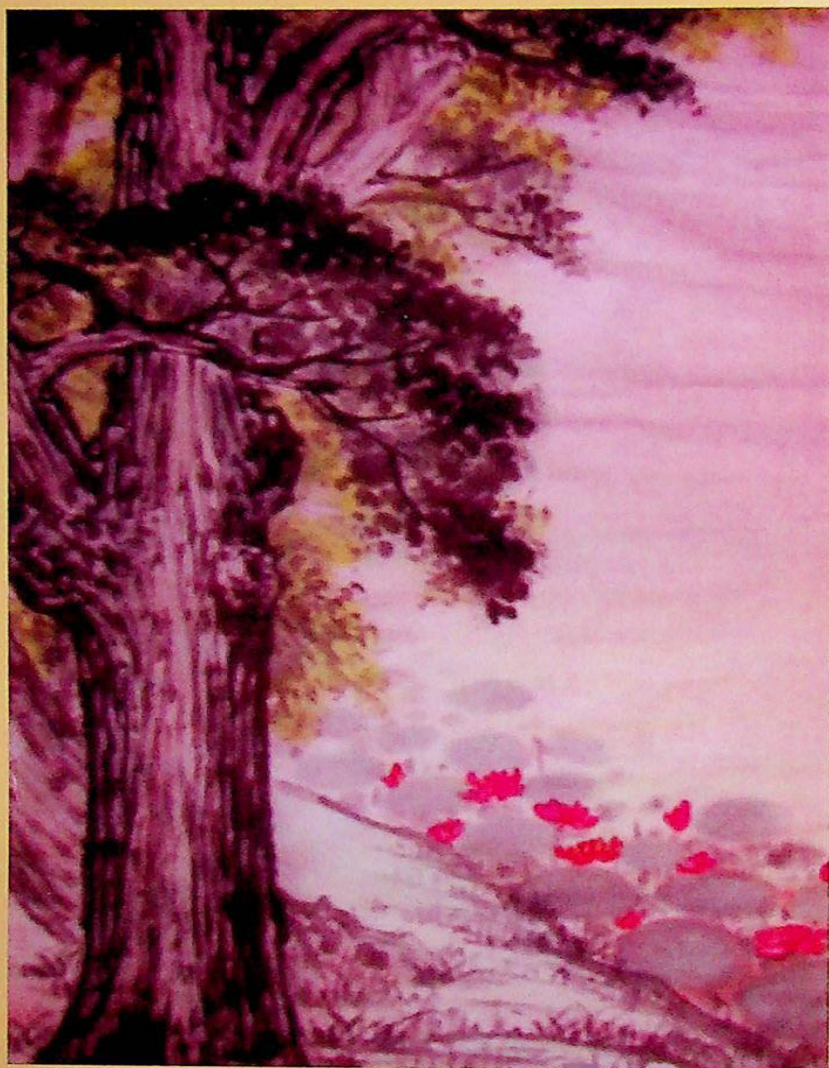


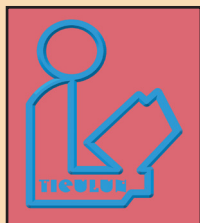
NGUYỄN TƯỜNG BÁCH VÀ TÔI

HỒI KÝ GIA ĐÌNH
HỨA BẢO LIÊN



2005

**NGUYỄN TƯỜNG BÁCH
VÀ TÔI
HỘI KÝ GIA ĐÌNH
HỨA BẢO LIÊN**



MỤC LỤC

Mấy Giòng Tâm Sự	4
I. Tuổi Nhỏ Của Tôi Tại Hà Nội Xa Xưa	7
II. Trường Trung Học Trung Hoa	30
III. Nhà Thương Phủ Doãn	45
IV. Bị Nhật Bắt Giam	57
V. Tiền Duyên Đã Định	64
VI. Những Nhân Vật Của Thời Đại	71
VII. Thời Kỳ Biến Loạn	76
VIII. Từ Biệt Hà Nội	85
IX. Côn Minh Và Trường Đại Học Vân Nam	92
X. Gặp Lại Người Thân	99
XI. Thành Phố Quảng Châu	106
XII. Đứa Con Đầu Lòng	110
XIII. Bạch Hạc Động	113
XIV. Tang Tóc Không Ngờ	119
XV. Tết Lưu Vong	124
XVI. Tới Thăm Hồng Kông	129
XVII. Thành Phố Phật Sơn	134
XVIII. Làm Nghề Tay Trái	137
XIX. Những Thành Viên Mới	144
XX. Những Vận Động Chính Trị	149
XXI. Lên Núi Xuống Đồng	175

XXII. Trong Gia Đình Tôi	182
XXIII. Yêu Chuộng Thê Thao	188
XXIV. Đời Sống Giáo Viên	191
XXV. Ca Nhạc Trong Gia Đình	205
XXVI. Đối Với Các Con	208
XXVII. Danh Thắng Trung Quốc	212
XXVIII. Mắc Bệnh Không Ngờ	222
XXIX. Trở Lại Với Văn Nghệ	226
XXX. Di Dân Sang Hoa Kỳ	230
Trích Ý Kiến Từ Đại Gia Đình Và Thân Hữu	241
Hơn Nửa Thế Kỷ Bao Táp	
Của Cách Mạng Việt Nam	252

Mấy Giòng Tâm Sự

Năm 1988 chúng tôi sang định cư tại Hoa Kỳ, do đó có dịp may mắn gặp lại nhiều người thân trong đại gia đình Nguyễn Tường, cùng nhiều bạn bè cũ và mới, cho nên trong đời sống yên bình ở đây, chúng tôi cảm thấy đầm ấm và thân thiết.

Từ khi đến Hoa Kỳ, anh Bách vẫn không ngừng hoạt động và có viết nhiều bài bình luận trên các báo. Một hôm ông L.M.CH., một người bạn già của anh ngỏ ý với tôi :

«Anh Bách toàn viết những bài về chính trị. Nhưng về mặt sinh hoạt, mấy chục năm trong cuộc đời bôn ba, chắc cũng có nhiều thứ độc đáo, chị nghĩ xem có nên viết ra không ?»

Tôi cũng muốn kể lại những năm sống lưu lạc đã qua, nhưng còn ngần ngại, vì tôi đâu phải là văn sĩ, vả lại cũng không biết nên kể về gì đây ?

Có những người cháu thân tình, trong lúc tâm sự, thường hỏi tôi về quá khứ hơn nửa thế kỷ qua :

«Hồi còn là sinh viên trường thuốc tại Hà Nội, tại sao chú thím lại gặp nhau ? Chuyện của chú thím không

những chúng cháu muốn biết, mà cả những người quen biết chú cũng muốn rõ».

«Hồi đó chú vừa học giỏi, viết văn, làm thơ, lại cũng dễ thương, chắc chắn có nhiều người thầm mến, nhưng sao chú chỉ thương thím ?»

«Cuộc đời của chú thím cũng nhiều gian truân, thăng trầm, nhưng chú thím đều vượt qua được, cho tới ngày nay cảm tình riêng vẫn không phai nhạt, thím nên viết ra để mọi người hiểu biết thêm. Đó là những kinh nghiệm sống động để các con cháu có thể suy nghĩ.»

Vì có nhiều người khuyến khích và cổ vũ, nên sau một thời gian ôn về quá khứ, tôi mới cầm bút viết. Ban đầu tôi viết có vài ba chục trang «Một người chồng, người cha tốt». Nhưng sau đưa cho một số người thân đọc, thì họ đều cho rằng tôi viết quá ngắn ngủi, sơ sài, cần viết cụ thể hơn, nên thêm vào những nhân vật có quan hệ mật thiết mà tôi đã gặp, và nên kể thêm về mình nữa.

Tôi đang cố gắng định viết, thì tai bay vạ gió, tôi mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, phải mổ và chữa chạy hơn một năm trời. Phải chạy điện, tiêm thuốc, ròng rã thực là khổ sở. Nhìn những giọt thuốc từ từ rỏ vào mạch máu, vì không muốn bỏ phí thì giờ trôi đi lãng phí,

tôi cố gắng cầm bút, có khi ngồi, có khi nằm, nguệch ngoạc viết. Tôi cố thuật lại những sự kiện đã qua, vì tôi nghĩ rằng có nhiều sự kiện chỉ có tôi biết thôi, anh Bách thì chắc chắn sẽ không viết, nếu tôi không viết ra thì phí mất. Cuối cùng tôi viết ra được cuốn hồi ký nhỏ này, ít ra cũng là thành thực và khách quan.

Mục đích của tôi là để thêm vào những khía cạnh trong đời sống lưu lạc, với những cảnh ngộ đặc biệt và kỳ lạ. Là người tất có khuyết điểm và sai lầm, nhưng dù sao anh Bách vẫn là một người không vì danh, không vì lợi và là một người chồng - người cha tốt.

Đó là lý do tôi viết cuốn hồi ký nhỏ này.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả những người trong đại gia đình và thân hữu gần xa, đã nhiệt tình giúp đỡ, góp ý kiến cổ vũ tôi và đã giới thiệu cuốn sách nhỏ này tới độc giả bốn phương.

Hứa Bảo Liên

I. Tuổi Nhỏ Của Tôi Tại Hà Nội Xưa

Ngay bây giờ, trong lúc đứng trên những mảnh đồi xanh mướt, hay những bãi cát vàng vô tận, gợn sóng bạc nhấp nhô của bờ biển Tây Thái Bình Dương Hoa Kỳ, tôi lại nhớ. Nhớ tha thiết tới những cánh đồng lúa tại ngoại thành Hà Nội, hay mặt nước xanh êm đềm của hồ Hoàn Kiếm hay hồ Tây mênh mang.

Hà Nội là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi, là nơi mà tôi không bao giờ quên được, là nơi mà mỗi khi lưu lạc chốn nào trên thế giới, tôi vẫn thường nhớ tới. Vì quãng đời thơ ấu và tuổi trẻ của tôi, những ngày có bao nhiêu kỷ niệm tươi đẹp, nhưng vẫn pha lẫn bao u buồn, đều đã qua tại thành phố đặc biệt ấy.

Thành phố Thăng Long vốn là cố đô của nước Việt, cũng là thủ đô của cả Đông Dương với ba nước Việt, Miên và Lào. Nhưng đây cũng chỉ là một thành phố nhỏ vắng, so với các đô thị mà tôi đã đi qua sau này. Song chính cái nhỏ và vắng ấy đã để lại ấn tượng sâu đậm trong đầu óc tôi - một cô bé đã từng chập chững bước trên hè những đường phố hẹp, dưới những mái nhà thấp nhỏ cũ kỹ mọc rêu xanh, và trong một xã hội vừa quen thuộc vừa xa lạ, một xã hội mà tôi không có quyền lựa

chọn khi sinh ra đời, nhưng làm cho tôi triu mến vì đã sinh ra trong đó, tại Hà Nội thương yêu.

Được sinh ra và lớn lên tại Hà Nội là may mắn cho tôi, một người con gái trong một gia đình Hoa Kiều, vào gần cuối thập niên 20. Nghe mẹ tôi kể lại, tôi ra đời tại một nhà hộ sinh ở phố Hàng Đồng, một đường phố nhỏ nằm trong một khu đông đúc nhất của thành phố, không cách xa những phố sầm uất như hàng Ngang, hàng Đào bao nhiêu. Đáng lẽ tôi có thể ra đời tại Nam-Định, vì bố tôi và gia đình đều cư ngụ ở đó, nhưng vận mệnh đã khiến tôi sinh ra tại thủ đô nước Việt Nam, với tất cả những hậu quả xảy ra sau này...

Thủa nhỏ, tôi sống cùng bà ngoại và mẹ trên một gác nhà ở phố Hàng Lược. Mùa đông không lạnh lắm, nhưng mùa hè thì quá nóng bức, oi ả lạ lùng, đến tối vẫn mồ hôi chảy ướt cả áo.

Người đẩy đà, mẹ tôi là một phụ nữ hiền lành, nhút nhát, suốt đời an phận làm việc nội trợ trong nhà. Mẹ tôi lại là thầy dạy học vỡ lòng của tôi. Lúc còn nhỏ, bà dạy tôi viết chữ Hán, đã nhiều lần tôi nằm bò trên mặt bàn lớn, dùng bút lông để viết trên những tấm giấy bản mỏng, lồng trong một tờ giấy in sẵn chữ Hán để tôi tập viết. Tuy chẳng biết gì mấy, nhưng tôi thích viết, nhiều khi không những tay, mặt, cả áo cũng có vết mực, trông

như bé lọ lem, làm cả nhà không nhìn được cười. Độ 4, 5 tuổi, bà dạy tôi đánh vần từng chữ trên tờ nhật báo chữ Việt, ngày ngày tôi lớn tiếng đánh vần từng chữ một, đó là tôi đọc báo cho mẹ nghe. Dần dần tôi tự đọc được, tuy rất chậm, thế là từ đó tôi bắt đầu làm biếng, không lớn tiếng đọc nữa, mà là tự đọc một mình, thỉnh thoảng có chữ gì không biết mới hỏi mẹ. Đó là nền tảng để sau này tôi tự học chữ Việt. Đến tuổi đi học, mẹ tôi đưa tôi đến trường Hoa Kiều ở phố Hàng Buồm để học chữ Hoa, đồng thời mẹ tôi còn mướn thầy giáo dạy tôi chữ Pháp, vì bố tôi cho là học chữ Pháp thực tế và có ích hơn.

Bố tôi người cao gầy, từ lúc tôi biết nhớ, ông lúc nào cũng nghiêm nghị trong bộ áo tây chững chạc. Nghe nói lúc trẻ, ông rất thông minh lanh lợi, nói thạo tiếng Pháp, lại còn có tài buôn bán nữa, nên chẳng bao lâu, từ chỗ làm công, đổi sang làm ông chủ lớn ở thành phố Nam Định. Sau này ông lại được độc quyền bán đồ điện, giàu sang hơn và đã từng được mọi người nâng lên chức Bang trưởng Hoa Kiều, thành một người có địa vị tại thành phố.

Ông rất đa tình, đã có một đời vợ trước, sinh hạ được bốn người con, ba gái một trai. Tuy đã vào quốc tịch Pháp, song tư tưởng ông vẫn bảo thủ, trọng nam khinh

nữ, lấy vợ cốt để có con trai, nối dõi tông đường.

Mẹ tôi chỉ vì sinh ra một mình tôi, lại là con gái, nên sau này ông lấy thêm mấy bà nữa, nhưng đều không có con. Cuối cùng, ông lấy một bà vợ trẻ, sinh ra được sáu người con, cả trai lẫn gái. Gia đình dân số không phải là ít, nhưng không phải là một điều hiếm có tại xã hội Việt Nam cổ hủ lúc đó.

Ông có điểm tốt, là để cho chúng tôi sống tại Hà Nội. Lúc đó trong nhà có hai chiếc xe hơi, nhưng mỗi khi lên Hà Nội thăm vợ con và buôn bán, thì tuy có mướn người lái xe, ông vẫn thường tự lái lấy. Mỗi lần ông tới là cả nhà nhộn nhịp hầu hạ, không ai dám lớn tiếng. Còn tôi, lúc nào cũng nơm nớp sợ, không dám đến gần ông.

Bà tôi người cao gầy, ít nói, nhưng rất chăm chỉ, suốt ngày làm lụng trong nhà. Lúc mới sinh ra tôi bé nhỏ yếu ớt, chỉ bằng chiếc phích nước nhỏ. Bà tôi phải tìm một người phu khỏe mạnh, cho tôi uống mấy thìa nước đường đầu tiên. Quả nhiên, sau này tôi háu ăn mau lớn và khỏe mạnh, dưới sự săn sóc yêu thương của bà và mẹ tôi. Hai người thương tôi nhất và tôi cũng thương họ nhất trên đời.

Bà tôi may vá giỏi, lại khéo tay, những quần áo trong nhà đều là bà may cả. Trong họ nếu ai có chuyện cưới xin gì, đều mang chăn màn đến để bà may. Nhiều khi trong lúc đêm khuya, bà ngồi khâu gấp, tôi thường xuyên kim giúp bà. Bà thường kể chuyện cổ tích cho tôi nghe. Nào chuyện «Tám Cám», chuyện «Hoàng tử lấy vợ cóc», chuyện «Thần giữ cửa» mà tôi còn nhớ đến ngày nay. Tết Đoan Ngọ bà thường dùng những miếng vải vụn, đủ các màu, khâu cho tôi những con vật đẹp mắt, vừa để đeo vừa là đồ chơi, ai trông thấy cũng khen là đẹp !

Lúc tôi hiểu biết nhiều hơn, bà tôi còn kể thân thế của mình cho tôi nghe - bà sinh trưởng tại một gia đình nghèo khó, tại một làng nhỏ ngoại thành Hà Nội. Bố mẹ chết sớm, phải đến ở nhờ nhà ông chú, các con ông chú đều được đi học, còn bà thì phải nấu cơm, giặt giũ chẳng khác gì người ở. Vừa mới lớn lên, thì bị ông chú gả bán cho một ông Hoa Kiều già góa vợ, là chủ một quán ăn lớn ở phố Hàng Buồm cạnh đền Bạch Mã, và sau này sinh ra mẹ tôi.

Có một lần, bà đưa tôi tới một làng nhỏ, đi quanh co trên bờ ruộng rất lâu, tới góc một thửa ruộng ngập đầy nước có một chỗ nhô lên, chỉ cho tôi biết, đây là mộ của ông ngoại. Bà nhắc đi, nhắc lại nhiều lần vì sợ tôi quên.

Bà bảo tôi phải ghi nhớ : «Đây là Khương đình tổng, nhân mộc xã, giáp nhất thôn, đồng dưới xứ».

Với đường sá quanh co xa lạ như vậy, tôi thấy chỗ nào cũng như chỗ nào, khó mà nhận được nơi đó. Một lại ở một góc ruộng không có bia, sau này rất có thể bị người ta cuốc phẳng đi để tiện trồng lúa, thì tôi làm sao mà tìm ra được ?

Sau khi ông ngoại mất, bà thường cùng bạn đi lễ ở những nơi rừng xa hẻo lánh, theo lời bà kể, bà đã từng trông thấy những con bướm lớn bằng chiếc quạt ? Bà còn trông thấy cả rắn hổ dữ tợn, nhưng chúng về châu Phật, nên không hại người ? Trở về già, bà thường đi lễ tại những đền chùa ở ngay Hà Nội, như chùa Bà Đá, đền Ngọc Sơn... bà ăn chay niệm Phật, nhưng suốt đời bà chẳng sống sung sướng an nhàn gì.

Từ nhỏ bà thường dạy tôi, nên tần tiện, không nên hoang phí, vì là của Trời ! Bà còn cho tôi biết, nhiều người chỉ vì lúc trẻ sống phung phí, nên lúc già phải sống khó khăn khổ sở... Lời giáo huấn này rất có ảnh hưởng đến đời sống sau này của tôi.

Tôi sống trong hạnh phúc trẻ thơ cho tới năm 10 tuổi, thì tai họa giáng xuống gia đình đương đêm ám của chúng tôi. Bà tôi mắc bệnh liên miên, phải vào bệnh

viện mấy lần, nhưng vẫn không khỏi và càng ngày càng gầy yếu, trước sự lo âu tha thiết của mẹ tôi. Tuy còn nhỏ, tôi cũng cảm thấy một bầu không khí u buồn trùm lên cả gian nhà gác. Mỗi lần tan học về, không còn tiếng vui rộn của bà ra thang gác đón tôi, lấy cơm cho tôi ăn nữa. Bà nằm trên giường và đôi mắt vô cùng trìu mến, nhìn tôi với nụ cười yếu ớt trên khuôn mặt gầy xanh hơn trước nhiều.

«Thưa bà, cháu đã về !»

Tôi cố gọi và rom róm nước mắt.

«Ừ, cháu về rồi. Đói chưa, ăn cơm đi.» Bà khẽ nói.

«Cháu chưa đói, bà ạ.»

Nói xong, tôi chạy lại cạnh giường. Bàn tay gân guốc và hơi lạnh của bà nắm lấy bàn tay nhỏ bé của tôi. Bất giác, tôi nắm chặt lấy tay bà, như sợ bà đi mất.

Những hy vọng mỗi khi đi học về được bà ngoại chăm đón, không còn được bao lâu. Một ngày vào mùa đông năm 1938, bệnh bà phát triển không có cách gì trị được nữa, bà đã từ giã cõi đời trong hôn mê, giữa tiếng khóc của mẹ tôi và những người thân. Đó là ngày đầu tiên tôi tiếp xúc với sinh ly tử biệt. Nhưng mãi mãi cho tới bây giờ, tôi không sao quên được gương mặt hiền từ của bà,

như là bà vẫn còn phảng phất đâu đây bên cạnh tôi.

Nhưng sống tại thành phố này, cũng có nhiều cái vui và lạ. Thửa còn nhỏ, đôi mắt ngơ ngác của tôi, thường bị những cảnh lạ hấp dẫn. Ngay khi còn ở phố Hàng Lược, tôi thấy cả một dãy bên kia đường là nhà thờ của người Hồi giáo. Thường ngày ở đây đóng cửa im ỉm, ít khi thấy có người ra vào. Nhưng vào những ngày cuối tuần, tôi thấy những ông «Tây đen», đội mũ chụp có đuôi, mà người ta thường thấy ngồi bán vải ở phố Hàng Đào tới đây lễ. Đứng bên góc đường bên này nhìn sang, tôi thấy họ thì thụp lễ có vẻ thành kính ! Bức tường của nhà thờ này vừa dài vừa sạch sẽ, nên Tết đến, nơi này thành một chợ hoa Tết rất náo nhiệt !

Ngoài ra, mỗi cuối tháng vào ngày cuối tuần, ở đây cũng là một nơi náo nhiệt nhất vì gần trại lính Hàng Đậu, nên «rước đèn» nhất định phải đi qua phố này. Chưa tới 7 giờ, mọi người đã đứng chật ních hai bên vệ đường, có người còn bắc ghế ra ngồi để đợi xem. Tôi cũng ngồi bên balcon để đợi sẵn, đó là một tối náo nhiệt nhất, vui vẻ nhất trong thời thơ ấu của tôi. Lúc đó tôi chưa biết chế độ thực dân Pháp là gì.

Vì có đoàn đèn dẫn đầu, nên người ta quen gọi là «rước đèn», kỳ thực là một cuộc diễn binh nhỏ - Một toán quân độ ba chục người, tay cầm những chiếc đèn,

đủ mọi kiểu mọi màu, thấp bằng nền dẫn đầu, làm sáng rực cả một đường phố. Tiếp đến là đoàn quân nhạc, cũng độ ba chục người, vận binh phục màu trắng, chúng vừa đi vừa thổi kèn, đánh trống. Chúng đỏ mặt, phồng mồm thổi những bài tiến quân ca và quốc ca Pháp có vẻ «hùng hồn». Một tên lính Pháp béo phì, đi đứng có vẻ khệ nệ, trên bụng đeo một chiếc trống lớn, vừa đi vừa đánh trống, trông có vẻ khó nhọc.

Rồi đến một toán lính, độ bốn năm chục người, trên vai vác súng trường, tiếng giầy sột soạt có nhịp trên mặt đường, nghe có vẻ «oai phong» Tiếp đến là một đoàn kỵ mã, chúng cười những con ngựa sao mà cao lớn thế! Có con có lẽ vì không quen đông người, nên cứ đứng ỳ ra không chịu đi, có con còn trèo lên lề đường, làm mọi người hốt hoảng bỏ chạy tới tấp.

Cuối cùng là mấy cỗ đại bác cổ hủ, nặng đến nỗi bốn con ngựa kéo không xuể, đằng sau có hai tên lính đẩy giúp mới di chuyển được. Đó là lực lượng võ trang của Pháp, chúng đã lợi dụng nó để dọa nạt những người dân chất phác.

Tuy còn nhỏ, nhưng tôi cũng biết ông chủ nhà này là người vui tính, ông hay đùa với tôi và có lẽ vì ông làm ăn phát tài. Ông làm việc ở chợ Đồng Xuân với công việc thu vé vào cửa của những người đem hàng vào

chợ bán. Lúc nào ông cũng vận quần áo chỉnh tề, đứng «gác» ở cổng chợ, tôi thấy ông rất «oai» !

Tôi thường theo mẹ ra chợ Đồng Xuân, giữa phố Hàng Đường và phố Hàng Giấy. Ở đây có xe điện đỗ ngay trước bãi rộng. Chiếc xe điện chỉ có tại Hà Nội, vì nó cũ kỹ chậm chạp, rất tử tốn và rất quen thuộc với tiếng leng keng của nó.

Chợ Đồng Xuân, trông bề ngoài có vẻ lớn, nhưng khi vào trong thì không được sáng sủa lắm, lại ướt át, hỗn độn và ồn ào. Trong chợ có bán đủ các thứ rau, thịt, cá, hoa quả, tạp hóa, lại còn nhiều hàng quà vật như bún, nem, bánh trái, chỉ cần ngồi trên chiếc ghế dài, là được ăn ngon với giá rẻ mạt. Tôi thích nhất là chỗ bán hoa, vừa tới đã thấy mùi thơm ngào ngạt của hoa, nhất là hoa hồng, hoa nhài, hoa ngâu... Tôi thường đứng ngắm những bông hoa tươi đẹp, và sau này tôi thường tới đây mua hoa.

Từ chỗ này đi bộ xuống Hàng Ngang Hàng Đào hai phố này vui rộn nhất Hà Nội. Hai bên cửa hàng san sát, những tiệm tạp hóa, tiệm bánh trái, vải vóc... hàng hóa nhiều và đẹp. Gần đây có phố Hàng Mã, chuyên làm những đồ giấy để đốt xuống âm phủ ? Đối diện là phố Hàng Chiếu (phố Mới), ở đây có nhiều cửa hàng bán chiếu đủ cỡ, các kiểu chiếu làm bằng cói, chỉ cuốn tròn

lại được thôi không gấp được, nếu mang đi lại thì bất tiện. Giữa phố có một tiệm cầm đồ, hai bên là ngõ Sầm Công (Quảng Lạc) và ngõ Bắc Qua. Cuối phố này có một cổng thành cổ, không biết có phải là phố Cửa Tây không ?

Đi lên một phố là phố Hàng Buồm, khu này là khu Hoa Kiều sinh sống, như những «China Town» tại các nước khác, cuối phố là phố Mã Mây, Hàng Bè và sau đó là phố Bờ Sông.

Đi lên một phố nữa là phố Hàng Bạc, chuyên bán những đồ trang sức. Đối diện với phố này, qua một phố ngắn là phố Hàng Bò. Cạnh đây là phố Hàng Quạt, ở đây có một cửa tiệm chả cá Lã Vọng có tiếng.

Thủa nhỏ nghe nói tôi sinh ra ở phố Hàng Đồng, tôi nhất định đòi mẹ tôi đưa tôi tới phố đó. Phố này nhỏ hơn và yên tĩnh, khi tới tôi chỉ thấy một bức tường dài sơn với màu vàng, ở giữa có cổng lớn, trên cổng có vòng sắt đề ba chữ «Nhà Hộ Sinh», ngoài ra không thấy gì hết, làm tôi thất vọng ra về.

Lúc tôi 7 tuổi, bố tôi dùng mấy ngàn bạc, tậu một ngôi nhà ở phố Hàng Mành để chúng tôi ở, nhà không lớn mà cũng không nhỏ. Nhà có hai gian : gian đằng trước có cửa hàng, trên có gác, gian đằng sau nở hậu

nên có sân, có bể nước bên trong có mấy buồng, nhà bếp và nhà tắm... Chúng tôi ở gác trong, có hai buồng rộng, có sân bếp đủ cả. Chiếc sân xinh xắn bày nhiều chậu hoa, mẹ tôi còn nuôi hai chuồng chim bồ câu nữa. Tôi thích nhất là giàn hoa «Tigon», mỗi năm vào mùa hè hoa nở đỏ rực một vùng, trông rất đẹp mắt.

Phố này chỉ có hai ba nhà làm mảnh tre bán thôi, ngoài ra có một tiệm bán guốc tân thời, nhà in, xưởng giặt quần áo... Bên cạnh nhà tôi có một tiệm bán đàn lớn, ngoài dương cầm còn nhiều thứ đàn nhạc Tây đất tiền. Cứ mỗi tuần ở đây có dạ hội, chuyên biểu diễn những bản nhạc cổ điển có tiếng tại Tây Âu, vì thế từ thửa nhỏ tôi đã có dịp nghe quen với những bản nhạc có tiếng trên thế giới, nhất là khi nghe bài «Blue Danube» du dương.

Sau phố này là phố Hàng Điều và chợ Hàng Da, đi qua một ngõ hẻm ra chợ rất gần, nhưng nghe nói ở đó có mấy nhà thổ, nên tôi không dám đi ngõ này, mà đi thẳng tới một bên là phố Hàng Hòm, Hàng Đàn, một bên là phố Hàng Nón. Hàng Nón đúng thực là bán nón. Họ bày từng chồng, từng chồng nón để bán, mỗi chồng mỗi giá khác nhau. Đây là một thứ nón nhẹ và đẹp, bên ngoài còn sơn một làn sơn bóng nhoáng, nếu giơ lên cao thì thấy những hình đồ án rất đẹp mắt, vì thế nón

này đã thành một đồ mỹ nghệ, một đặc sắc riêng của Việt Nam.

Cạnh đây là phố Hàng Thiếc, thửa nhỏ tôi rất có thiện cảm với phố này, vì mỗi năm cứ đến Trung Thu, mẹ tôi đưa tôi tới đây để được lựa chọn một thứ đồ chơi, nào xe hơi, tàu hỏa, quạt máy, bàn ghế, tủ, giường... họ còn sơn lên với những màu đẹp mắt để hấp dẫn trẻ con. Lúc nhỏ tôi thường. Lúc nhỏ tôi thường đem những đồ chơi này ra phố kéo với tiếng leng keng nghe rất vui tai. Phố này đi thẳng tới Phố Hàng Đồng, Hàng Cót. Bên phải là phố Hàng Bò rồi tới phố Thuốc Bắc (phố Phúc Kiến). Bên trái ra phố Cửa Đông.

Giữa Hà Nội có một danh thắng - Hồ Hoàn Kiếm. Nghe nói ngày xưa có một ông vua đi thuyền trên hồ này, vô tình đánh rơi thanh kiếm, được rùa dâng lên trả, mà thành tên. Đằng sau thấy cầu Thê Húc màu đỏ nổi bật trên màu xanh biếc của nước hồ. Qua cầu là đền Ngọc Sơn trước kia thờ ông Quan Công. Vì cùng là họ Quan với ông ngoại tôi, nên bà tôi thường tới đây cúng lễ.

Ngay trước mặt hồ là vườn hoa Paul Bert. Vườn hoa vừa đẹp vừa sạch sẽ. Có vườn hoa nhỏ hơn, người ta gọi là vườn hoa con Cóc, vì có mấy tượng con Cóc phun nước. Xa hơn nữa là tới khu Tràng Tiền, phố lịch

sự với nhà bách hóa Gô-Đa, chuyên bán những hàng sang và đắt tiền rồi đến Hàng Khay.

Cuối phố Tràng Tiền có nhà Hát lớn, là một kiến trúc đẹp nhất Hà Nội lúc đó, thường để diễn kịch hay những đại hội lớn. Gần đó trong những khu phố Tây rộng rãi bằng phẳng với những ngôi biệt thự yên tĩnh là trường Đại học Hà Nội với nhà gác cao.

Nếu từ nhà tôi ra phố Hàng Bông, ở bên trái có tiệm ăn Tụ Hưng Lầu và nhiều nhà hàng bán quà vặt như bánh giò, cơm nắm, đậu rán ròn.... Bên trái là phố Hàng Hòm, đi thẳng là phố Hàng Gai cũng đông đúc sầm uất, ở đây có nhiều nhà bán giấy. Mỗi năm cứ tới Trung Thu thì rất náo nhiệt vì có nhiều đèn xếp, đèn kéo quân bày bán. Những đèn này làm bằng tre, dùng một thứ giấy mỏng hay giấy bóng lớp lên trông rất thô sơ. Nhưng khi thắp nến lên, ở bên trong hiện ra những hình người hay vật trông rất lạ mắt, nên hấp dẫn nhiều người tới xem. Rồi đến phố Hàng Trống, phố này có trống bán thực, lại có cả đầu sư tử bán nữa, ngoài ra có nhiều tiệm tạp hóa, tiệm vàng bạc nhất là ở đây còn có một ngôi đền nhỏ, tuy nhỏ, nhưng lúc nào cũng thấy có nhiều người tới cúng lễ.

Gọi là phố Hàng Bông, không thấy có bông bán, nhưng có một tiệm ăn Quảng Sinh Long, còn có tiệm

cơm Tây, có nhà khiêu vũ, có tiệm bán thuốc Tây và thuốc ta nữa... Có xe điện tới phố Hàng Dẫy, Ngã Tư sở và Thái Hà áp... Cuối hàng Bông là Hàng Bông Thợ Ruộm, phố Cửa Nam có một vườn hoa nhỏ, một bên ra phố Hàng Dẫy rồi ra Cột Cờ. Sau đó đi tới phố Sinh Từ, phố Hàng Lọng rồi ra ga Hàng Cỏ.

Từ nhà tôi bên phải đi thẳng thì tới phố Nhà Thờ. Đây là một nhà thờ lớn của đạo Thiên Chúa, có tiếng là trang nghiêm với kiến trúc vĩ đại cổ kính. Cứ mỗi sáng chủ nhật, những ngày lễ, hay có đám cưới là tiếng chuông nhà thờ réo rất vui tai, nó đã thành một âm thanh đặc biệt quen thuộc mà mãi sau này tôi vẫn không quên.

Gần nhà thờ có một ngôi chùa cổ kính - Chùa Bà Đá. Nếu không quen thuộc, thì người ta không sao đoán được, ở bên trong chốn này lại có một ngôi chùa lớn rộng như vậy. Vì chung quanh bên ngoài toàn là những cửa hàng sang trọng - tiệm bán quần áo giày dép hợp thời, tiệm cơm Tây... Nhưng khi đi vào một cổng, qua một hành lang dài, bên trong là một chùa lớn. Gian chính cao 5, 6 mét, rộng hàng trăm mét vuông, có xây nhiều bệ gạch, trên bệ có nhiều tượng Phật lớn, cao 2, 3 mét bằng gỗ sơn màu đỏ mạ vàng, trông rất trang nghiêm. Đằng trước có nhiều tượng Phật ngồi, khói hương nghi ngút. Gian ở hai bên có nhiều tượng Phật

nhỏ hơn. Trước những tượng Phật có chỗ đủ cho mấy chục vị sư làm lễ tụng kinh. Qua một bộ gỗ là một gian nhà rộng, lát bằng ván, trên có trải chiếu, đủ chỗ cho hàng trăm thiện nam tín nữ ngồi lễ. Lúc đó, đi lễ phần nhiều là những bà cụ già, ít thấy bóng phái nam. Vào những ngày hè, tôi thường theo bà tôi tới đây, trong khi các cụ đang bận khăn vái, tôi thường tha thẩn đi rong chơi.

Cũng có khi tôi cùng mẹ tôi đến đền Quan Thánh. Qua công viên Hàng Đậu, thì tới phố Quan Thánh. Đây là một phố có nhiều cây cổ thụ cao lớn, mùa hè mát rượi. Hai bên đường toàn là những nhà sang trọng làm theo kiểu Tây, có vườn hoa nhỏ. Đền Quan Thánh thờ ông Bắc Đế bằng đồng đen cao lớn, nghe nói để chống nước triều tràn vào thành phố Hà Nội. Mỗi lần tới đây, mẹ tôi thường bảo tôi sờ vào chân tượng này để lấy may mắn !

Ra tới đường Cổ Ngư, là một con đường nên thơ. Giữa hai rặng cây, một bên là hồ Trúc Bạch, một bên là Hồ Tây rộng mênh mang. Ngoài những con thuyền thể thao ra, còn có nhiều thuyền đánh cá của những người đánh cá cư ngụ chung quanh hồ. Đường Cổ Ngư, ai cũng biết là nơi để mọi người dạo chơi và hẹn hò.

Còn vườn Bách Thú, có những chuồng hổ, gấu, những con vượn, chim, công... có những bãi cỏ rộng rãi

và những cây cao lớn. Ra ngoài một chút là khu Ngọc Hà trồng nhiều loại hoa, chuyên cung cấp cho các tiệm bán hoa, trong những ngày lễ ngày Tết.

Lúc đó, ngoài đường xe cộ rất ít, ngoài xe đạp, là xe kéo tay, mỗi khi có người phu xe già yếu kéo, trên xe ngồi hai người lớn, hay một tên Pháp béo phì hung hăng, tôi không khỏi ái ngại thay cho những người phu xe đó. Thỉnh thoảng mới có một chiếc xe hơi qua lại, thay vào những chiếc xe dùng ngựa kéo cổ kính trước kia. Xe ngựa là một lối giao thông xa xỉ của bọn thực dân. Hai chỗ ngồi rộng rãi sang trọng. Có mui vải lồi lên kéo xuống. Đằng trước có chỗ ngồi giản dị cho tay giữ cương ngựa. Thường là do một con ngựa kéo, nhưng cũng có xe sang do hai con. Phần nhiều là những vợ chồng già hoặc những phụ nữ Pháp ngồi vênh váo. Hình như những xe ngựa này chỉ dành riêng cho những dân Pháp dùng. Người Việt nào giàu lắm thì mới có xe hơi, còn thì mua một cái xe nhà do người kéo.

Hồi đó người ta ăn mặc còn bảo thủ, đàn ông đội khăn xếp và áo the màu đen, quần vải trắng, chân đi dép, trông có vẻ nhàn nhã, còn những dân lao động thì vận áo cánh với quần màu nâu, chân đi guốc. Còn phụ nữ thì vấn khăn hay vấn tóc, yếm trắng, áo ba thân với chiếc thắt lưng màu tươi đẹp, vận quần vải màu đen hay

quần lĩnh bóng nhoáng, chân đi dép hay đi guốc. Đa số đều nhuộm răng đen vì lúc đó mọi người cho rằng, răng càng đen càng bóng mới là đẹp và có duyên !

Nhưng chỉ mấy năm sau, càng ngày càng có nhiều phụ nữ để răng trắng, nhất là tụi trẻ, bắt đầu uốn tóc, búi tóc, cắt tóc hay để xõa ra đằng sau, gọn gàng xinh xắn. Họ bắt đầu vận những áo tân thời quần trắng đi giày hoặc guốc cao gót, trông có vẻ yếu điệu, xinh đẹp. Còn phái nam bắt đầu có nhiều người vận Âu phục, lúc thường vận sơ-mi, quần Tây đi giày dép, trông có vẻ chững chạc chỉnh tề.

Tôi cùng các bạn học thường hay dạo bên bờ hồ Hoàn Kiếm. Hồ tuy nhỏ nhưng dễ thương, với cầu Thê Húc, đưa tới đền Ngọc Sơn nằm sau rặng cây, với Tháp Rùa cô đơn trên đảo nhỏ. Buổi chiều dưới những gốc cây cổ thụ, bên những cành liễu rủ trên mặt hồ, người ta thường thấy những cô gái Hà Thành, thướt tha trong bộ áo dài. Ai cũng phải công nhận con gái Hà Nội là yếu điệu và xinh đẹp nhất Việt Nam. Các cô đang đi trên con đường đất nhỏ quanh co bên bờ hồ, còn bọn chúng tôi, sau khi tan học, thường cũng dạo quanh hồ. Chúng tôi đều vận áo trắng váy màu đen, phải nói thêm rằng, trong những cô bạn học của tôi, có nhiều cô cũng khá xinh đẹp. Trong bộ đồng phục học sinh, họ có một vẻ

đẹp gọn gàng tươi tắn khác hẳn. Chúng tôi vừa đi vừa chuyện trò ríu rít không ngừng, làm cho nhiều thanh niên không khỏi ngẩn ngơ nhìn theo.

Lại nhớ đến hồi còn nhỏ, mỗi năm cứ đến Giao Thừa, tôi thường theo bà ngoại tới đây, mọi người chen chúc đi trên cầu. Sau khi cúng bái, người trẻ thường mang hoa hay cành lá về để lấy may. Bà tôi chỉ lấy độ mười nén hương đã đốt về nhà, để lấy lửa thắp đèn trên bàn thờ, mở đầu một năm mới, mong đời sống tốt đẹp hơn.

Hồi đó, cứ ngày 14 tháng 7 - ngày Quốc Khánh Pháp. Ở đây náo nhiệt hơn cả, có nhiều trò chơi có treo giải thưởng như chơi kéo, giấy vòng vào đầu vịt. Mọi người thích thú nhất là trò «leo cột mỡ». Cái cột cao bị bôi đầy chất nhờn. Trên đỉnh cột treo nhiều vật dụng như : áo, mũ, ô... ai leo tới đỉnh thích gì thì lấy nó. Tôi đến, dân Hà Thành đều đổ ra bờ hồ hóng mát, chơi đùa, ăn uống... Trong ký ức tôi, đó là một đêm náo nhiệt nhất, sán lạn nhất của Thủ Đô. Sau này vì Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, ánh đèn bị hạn chế, cho tới ngày tôi già từ thành phố này. Hà Nội đêm đêm đã chìm trong bóng tối buồn tẻ.

Những hình tượng của thành phố Hà Nội xa xưa là thế đó. Hà nội, nơi đã nuôi dưỡng tôi từ thửa còn thơ tới trưởng thành, thành phố đã cho tôi những giờ phút vui

tươi, nỗi buồn thấm thiết và cũng là chốn đã cho tôi gặp được hạnh phúc.

Tôi còn nhớ như in, một buổi sáng mùa hè năm 1942, trong khi mẹ tôi đang ngồi tiếp chuyện một cô em họ tới thăm. Anh Văn, một người anh cùng cha khác mẹ của tôi, đang đi lính đóng tại Lạng Sơn về chơi. Lợi dụng lúc mẹ tôi đang bận tiếp khách đã lén vào buồng trong, sau một thời gian lục lọi, anh ta vác luôn chiếc «két» nhỏ của mẹ tôi ra ngoài. Tôi thấy mẹ tôi, mặt tái xanh, chạy ra giằng lại, nhưng sức bà làm sao đấu chọi được với một tên lính của Pháp hung hăng ?

Khoảng một thời gian sau, hắn ta mang chiếc «két» đã bị cạy khóa quăng về trả. Mẹ tôi đòi lại những vật bên trong thì hắn lạnh lùng đáp : «Quăng hết đi rồi».

Nghe mẹ tôi kể lại, trong đó chỉ có ít tư trang, nhưng quan trọng nhất vẫn là những giấy tờ và thư từ của bố tôi. Đó là những bằng chứng giữa bố mẹ tôi, bà hy vọng sau này, nhờ ở những bằng chứng đó, tôi sẽ được hưởng một phần gia tài của bố tôi. Nay những giấy tờ bị hủy cấp, hy vọng bị tan vỡ...

Bắt đầu từ đó, tôi thấy mẹ tôi ít ăn, ít nói, chỉ trong những lúc đêm khuya yên tĩnh, tôi mới nghe thấy bà ú ớ. Có lẽ chỉ ở trong lúc nằm mộng, bà mới có thể chửi

rửa con người tàn ác cho hả dạ.

Chỉ một tháng sau, đúng một tháng sau, mẹ tôi ốm nằm liệt giường, phải vào điều trị tại nhà thương Phủ Doãn. Một lần đã 9 giờ tối, người anh này từ Lạng Sơn về, hung hăng chạy vào nhà thương, không một lời hỏi thăm, lôi luôn tôi về nhà với lý do là để mở cửa, dù hẳn ta đã có chìa khóa sẵn !

Sáng hôm sau, khi tôi vào nhà thương thì mới biết mẹ tôi đã ngất đi sau khi tôi bị lôi ra khỏi phòng bệnh. Ôi ! thảm thương thay trong lúc ốm nặng, mẹ tôi còn lo cho tôi bị người anh này bức hại ! Thế thì bà sao yên tâm bỏ lại tôi một mình để vĩnh viễn ra đi ? Cho tới ngày nay, mỗi khi nghĩ tới đây, tôi không sao cầm được nước mắt!

Mẹ tôi mất vào mùa thu năm 1942. Đám tang ngoài họ hàng và bạn bè của mẹ tôi còn có thầy giáo và hàng trăm bạn học đại diện các lớp tới phúng viếng và đưa đám. Các bác sĩ Tôn Thất Tùng, Phạm Biểu Tâm và Nguyễn Trinh Cơ có tới nhà quán thăm viếng và còn phúng hai vòng hoa nữa. Vòng hoa nhiều đến độ phải thuê thêm nhiều phu mới đem được hết. Lúc đó các bạn học tôi, vận đồng phục Hướng Đạo sinh xếp hàng có thứ tự, đứng trang nghiêm giờ tay chào các bác sĩ rất trang trọng và thân mật. Cả lớp tôi, hơn bốn chục người, xếp hàng đi sau xe tang cùng với tôi, làm nhiều

người đã hiểu lầm tưởng là đám tang của một nhà giáo nào vì có nhiều học sinh đi đưa đám đông như vậy.

Lúc hạ huyết, tôi thấy như đã mất đi một thứ gì quý báu nhất trên đời. Tôi kêu gào, gọi mẹ rất thảm thiết... Vĩnh biệt ! Mẹ đã sống bao nhiêu năm đau buồn nay lại ôm hận ra đi, và điều làm bà không yên tâm là phải để lại đứa con cô đơn trên thế gian phức tạp này.

Hai người thân yêu nhất trong đời tôi đã bỏ ra đi. Nhưng hình ảnh bà ngoại hiền từ và người mẹ thân yêu đã in sâu trong lòng tôi mãi mãi không mờ...

Năm đó tôi được gọi về ăn Tết với đại gia đình. Vừa tới nhà, đã thấy trang hoàng đầy đủ, buồng khách rộng lớn đã được dọn dẹp lau chùi sạch sẽ. Những chiếc ghế gụ cổ đã được trải lên những đệm nhung đỏ chói. Cành đào cao ngất, chi chít những bông hoa đỏ thắm được cắm trong một lọ lục bình cổ lớn. Lại còn thủy tiên, thược dược và những chậu cam quýt với những quả nặng trĩu trên cành. Trên mặt bàn có đủ những hộp mứt kẹo và những chai rượu Pháp đắt tiền. Tuyệt nhiên không có một dấu tích gì về cái tang của mẹ tôi ! Gia đình này đối với tôi sao mà xa lạ thế !

Sáng mừng một Tết, tôi vận từ đầu tới chân đều một màu đen hết. Từ chiếc «nơ» cài trên đầu, quần áo, giày

và bút tất đều màu đen. Tôi vận tang phục để chúc Tết ông bố ! Ông nhìn tôi không nói gì, nhưng những người trong nhà đều cảm thấy khó chịu với hành động này vì họ sợ «rông» cả năm ! Đó là dấu hiệu phản kháng đầu tiên của tôi đối với đại gia đình.

Từ đó, cứ mỗi tháng tôi lại viết một vài bức thư dài cho bố tôi. Tôi kể cho ông nghe đời sống thực tế của mẹ tôi. Một người đàn bà vì không có con trai mà bị chồng ruồng bỏ, con chồng hạch sách... Vì bà thương người con duy nhất của mình, nên phải chấp nhận một đời sống đau buồn như vậy ! Nếu là người khác, thì đã bỏ đi lấy chồng khác từ lâu rồi, vì mấy ai chịu làm một đời «góa phụ sống». Tôi không quên kể hết sự tàn nhẫn mà người anh cùng cha khác mẹ kia đã làm hại mẹ tôi, chỉ vì sợ tôi sẽ được hưởng một phần gia tài giàu có của ông. Tôi thưa với ông rằng, tôi không cần gia tài đó, tôi chỉ muốn học nhiều hơn thôi, mong ông giúp tôi thực hiện nguyện vọng này để tôi tiếp tục đi học.

Trong những bức thư này, ít nhiều cũng tỏ ra những tư tưởng bất bình trong một gia đình bất công. Sau này, tôi được một người chị cho biết, sau khi đọc xong những bức thư này, bố tôi có nói là tôi tuy còn nhỏ mà đã có những tư tưởng táo bạo như vậy !

II. Trường Trung Học Trung Hoa

Người Hà nội ai cũng biết đến phố Hàng Buồm. Không biết trước kia có bán tê buồm không, nhưng có rất nhiều người Hoa Kiều ở, và cũng nổi danh vì có nhiều tiệm ăn có tiếng là ngon. Có Hội Quán Hoa Kiều và trường Trung Học Trung Hoa. Phố này cũng ở gần Hàng Đào, Hàng Ngang, là những phố buôn bán đông đúc, cửa hàng san sát. Người Hoa nấu món ăn rất giỏi và có đặc sắc, nên những tiệm ăn lớn nhất đều ở đây, như Đông Hưng Viên lồng lầy sang trọng nhất, với đủ món ăn điểm tâm và những yến tiệc long trọng của tiệm Mỹ Cảnh... mọi tiệc tùng, cưới hỏi đều cử hành ở đây. Ngoài ra còn có nhiều tiệm ăn Việt Nam như nem rán, phở. Nhất là có một tiệm bán bánh cuốn rất ngon. Mỗi khi bố tôi lên Hà nội, ông thường lái xe đưa chúng tôi tới đây thưởng thức.

Trường tôi ở ngay trước mặt Hội Quán Hoa Kiều, Sân đằng trước trồng hai cây phượng cao ngất, một thứ cây rất đẹp có tiếng khắp nơi tại Hà Nội, tại hai bên bờ Hoàn Kiếm và hai bên đường Cổ Ngư. Khi mùa hè, mùa thi của học sinh thì hoa nở rộ. Tôi cùng các bạn học thường hay tranh nhau cướp những vành hoa đang bay xuống rồi bỏ mảnh hoa vào giữa hai ngón tay vòng lại, đập mạnh một cái, nghe tiếng «bốp», rất vui tai để

cười đùa với nhau. Ôi ! những cảnh vui đùa trong lúc tuổi còn thơ biết bao hồn nhiên ! Cũng khó quên được là tới mùa hè, trời nóng đỏ mồ hôi, thêm tiếng ve sầu rầu rĩ không dứt, đó là một thứ tiếng rất khó tìm thấy trong những nơi mà sau này tôi đi qua.

Lúc tôi mới vào trường này, đây chỉ là một trường Tiểu học, phụ thêm mấy lớp sơ cấp trung học, học sinh chỉ độ vài trăm người. Từ nhỏ sống trong gia đình vắng vẻ, nay tới trường có nhiều bạn học, tự nhiên tôi thấy thích đi học và rất mau tôi đã thích ứng với đời sống tập thể này. Cô giáo dạy võ lòng của tôi rất xinh đẹp, độ ngoài 20 tuổi, từ Hồng Kông tới đây. Vì tôi thích học, lại hay giúp đỡ bạn học, nên rất mau cô giáo chỉ định tôi làm trưởng lớp. Sáng nào tôi cũng tới trường rất sớm, đứng trước cửa lớp để xem các bạn học lớp trên đánh bóng bàn... Rất mau, tôi biết lối đánh thế nào là được là thua, lại còn biết tính điểm nữa. Chẳng bao lâu, tôi tự lấy tiền để dành để mua bóng và vợt. Tôi không dám xin mẹ tôi vì bà cho là con gái đánh bóng người sẽ bị thô đi. Có vợt và bóng rồi, nay tôi mới có thể chiếm bàn đánh bóng và mời bạn học đánh cùng. Lúc đó những bạn học con gái đều không thích đánh bóng, họ chỉ thích đá cầu thôi, thành ra tôi phải mời bạn học con trai cùng đánh.

Sau này, mỗi kỳ học kết thúc, ngoài phần thưởng về thành tích học ra, tôi còn có thêm phần thưởng về bóng bàn nữa. Mẹ tôi chỉ hứng thú với những cuốn Tự Điển, và những phần sách thưởng thôi. Bà thường đặt những phần thưởng đó lên bàn thờ tổ tiên khấn vái tỏ lòng cảm ơn ! Còn phần thưởng về bóng bàn thì toàn là những vật kỉ niệm bằng đồng đen. Phần thưởng đầu tiên về bóng bàn của tôi là một con cá chim, mà nay tôi vẫn còn giữ vì nó nhỏ nhất. Sau này phần thưởng đánh bóng của tôi càng ngày càng nhiều, càng lớn, bày la liệt trên tầng cao của tủ buffet trong nhà.

Mẹ tôi lúc nào cũng mong tôi sống trong trường không thua em kém chị gì, nên từ chiếc cặp sách, hộp đựng bút, hay những vật cần dùng trong việc học bà đều mua cho tôi hàng khá cả. Tôi còn nhớ, một lần tôi vừa đan xong một chiếc áo len màu cẩm thạch, sau giờ học nữ công, mang từ nhà trường về. Mẹ tôi đã không quản ngại lên tận phố Tràng Tiền mua mấy chiếc khuy đẹp để đính vào chiếc áo đó, dù chiếc áo len này có nhiều mũi kim đan nhảm. Không những thế, bà còn ngồi khâu, thêu những chiếc khăn tay, những chiếc áo gối để tôi mang quyên cho nhà trường bán đấu giá giúp dân nghèo. Bà rất quý những bạn học tôi, nếu có bạn học tới nhà chơi, trong nhà có quà gì, bà đều mang ra thết. Nhiều bạn học tôi đã gọi bà là «mẹ» rất thân tình,

kể cả bạn học con trai.

Khi tôi tốt nghiệp tiểu học, thì trường này tách ra làm hai. Ban tiểu học dọn ra Ngõ Gạch, lúc đó đã có hàng ngàn học sinh rồi. Trường Hàng Buồm là một trường hoàn toàn trung học. Ban sơ cấp trung học mở thêm nhiều lớp vì có nhiều học sinh từ các tỉnh tới học. Nhà trường có ký túc xá nữa. Và trường bắt đầu mở ban cao cấp trung học, dù ban đầu chỉ có bốn học sinh. Thầy giáo phần nhiều mượn từ những trường có tiếng tại tỉnh Quảng Đông và Hồng Kông tới.

Vào khoảng cuối thập niên 30, đầu thập niên 40, chiến tranh lan rộng do quân Nhật xâm lăng Trung Quốc. Nhiều người đã bỏ chạy sang những miền khác như Vân Nam, Tứ Xuyên và lánh tới Việt Nam nữa. Vì thế một số trí thức đã tới Hà nội và nhiều người đã tới dạy ở trường này. Họ đều là những người có kiến thức cao, có người là giáo sư đại học. Theo chỗ sau này tôi biết có người là đảng viên Quốc Dân Đảng, có người là đảng viên của Đảng Cộng Sản.

Mọi khóa trình và sách giáo khoa, đều theo hệ thống giáo dục bên Trung Quốc, chỉ khác là môn ngoại ngữ, ngoài Anh Văn còn thêm Pháp văn. Ban sơ cấp trung học huấn luyện theo chương trình Hướng Đạo sinh, từ phục sức tới tập luyện đều do giáo sư chuyên khoa dạy.

Giáo sư môn này rất nghiêm ngặt, từ phục sức khăn quàng, giày, bút tất đều thống nhất và phải chỉnh tề. Lúc huấn luyện ông ta tay cầm một chiếc roi, ai nấy đều sợ, nghe theo khẩu lệnh, không dám động đậy, không tiếng ồn ào. Một lần chúng tôi yêu cầu tới chùa Voi Phục cắm trại, ông Đốc trường này là một giáo sư cao niên, đầu óc bảo thủ, nên không cho phép. Sau vì chúng tôi cứ khấn khoản đòi mãi, cuối cùng ông Đốc phải đồng ý, nhưng biệt phái thêm một bà giáo dạy thể dục đi kèm theo để yên tâm.

Thời kỳ này, Trung Quốc có vận động «Đời sống mới», hô hào thanh niên phải có một đời sống lành mạnh - vận quần áo vải, không phấn sáp diêm dúa, tư tưởng tiến bộ, bỏ phong kiến cổ hủ, không mê tín, nam nữ bình quyền, hôn nhân tự chủ, tự do luyện ái... vận động này rất có ảnh hưởng đến tư tưởng của tôi sau này.

Phòng đọc sách của nhà trường có thêm nhiều sách về tư tưởng mới. Nhiều tác phẩm của những nhà văn có tiếng hồi đó như Lỗ Tấn, Ba Kim, Mâu Thuấn... đều hô hào chống phong kiến, cải cách xã hội lúc đó. Tôi thích đọc sách và thường chọn những sách có tư tưởng tiến bộ để đọc. Tôi còn nhớ, một lần khi đọc xong một chuyện ngắn «Bãi bể người xưa» của nữ văn sĩ Lu Ân, tôi đã chui vào chăn khóc nức nở. Tôi đồng tình với

những nhân vật trong chuyện - Một toán nữ sinh ngây thơ, vừa tốt nghiệp ra trường, nhưng chỉ mười năm sau, một xã hội xấu xa phức tạp đã làm cuộc đời họ thay đổi hẳn... Tôi rất thích chuyện này, cũng như những tác phẩm khác mà tôi cho là hay như : «Khách Qua Đường», «Nỗi Buồn Đã Qua» của Lỗ Tấn... tôi đều dịch ra chữ Việt, tôi xem việc này như một thú vui thôi.

Trường này rất chú trọng môn thể dục, giáo sư môn này phải là tốt nghiệp tại học viện Thể Dục. Sáng nào, đúng 7 : 30 là chúng tôi phải có mặt tại sân vận động ở Ngô Bắc Qua để tập thể thao buổi sáng. Giờ thể dục thường học những động tác căn bản của những loại bóng hoặc các loại thể thao... Một lần có một ông giáo viên yêu cầu học sinh phải biết chơi mười lối chơi về thể dục thường ngày, còn hạn kỳ phải thi. Lăn vòng sắt là thú chơi rất thường đối với học trò con trai, nhưng chúng tôi phải mất nhiều thì giờ tập mới thạo được. Tôi sợ nhất là đi cập kênh, vì vừa mới trèo lên chân gỗ đi được vài bước là bị ngã ngay. Nhưng tôi thích đánh đu, đá cầu, bóng rổ và bóng chuyền. Lúc đó lớp tôi có nhiều người thích đánh bóng rổ, nên chúng tôi thường rủ nhau sáng nào cũng 6:30 là tới sân vận động chơi bóng rổ. Giờ thể dục chúng tôi đều có phục sức riêng do mỗi lớp tự quyết định. Lớp tôi trai gái, đều vận áo thể thao trắng, quần dài trắng, chứ không vận quần soóc,

như những lớp khác. Mỗi sáng tôi thường tiết kiệm hai xu tiền ăn sáng để thuê xe đạp. Xe đạp cho thuê lúc đó là những xe đạp trẻ con cũ kỹ đã rỉ, phanh cũng không có, nhưng vì tôi tập ở trong sân vận động, lại có nhiều bạn học chạy theo sau «hộ vệ» nên không nguy hiểm. Lúc đó con gái biết đi xe đạp không nhiều.

Tôi yêu trường, lại kính trọng thầy giáo. Tôi thường hay giúp những bạn học chậm tiến nên hạnh kiểm tôi năm nào cũng được xếp vào hạng học trò tốt. Với tính tình ngay thẳng và lạc quan, nên năm nào tôi cũng được bầu làm trưởng lớp và làm Ủy Viên Hội Học Sinh của trường này.

Từ khi hai người thân trong đời tôi đã bỏ ra đi, tôi bắt đầu cảm thấy phải biến đau thương thành một sức mạnh can đảm lên để mà sống. Cảnh khuất phục trong gia đình phong kiến của người mẹ, không thể tái diễn trong đời tôi. Nhiều đêm tôi thao thức không ngủ được, tôi nghĩ miên man, chợt nhớ đến một đoạn trong một cuốn sách mà tôi đã từng đọc, «Phụ nữ muốn tự do bình đẳng thực sự, trước hết phải sống tự lập về phương diện kinh tế, không nên ỷ lại vào ai cả, dù là người rất thân trong đời mình...» Tôi suy nghĩ rất lâu và cho là đúng lẽ.

Từ đó, tính tình tôi thay đổi hẳn, cứng rắn hơn, can đảm hơn, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn. Tôi quyết định chọn một con đường, lấy học thức làm nền tảng cho tương lai. Tôi thường bỏ qua những sự ghen tỵ nhỏ nhen của một số người trong gia đình. Những thành viên trong gia đình tôi lúc đó, bất quá là có chút tiền và dựa vào địa vị của ông bố có chút thế lực. Còn bất luận về kiến thức hay học lực đều có hạn, chẳng có gì để tôi phải chú ý cả. Trong trường tôi là một học sinh tích cực hoạt động cho tập thể, nhưng khi về tới nhà, tôi thường im thin thít, có khi cả ngày không nói một câu nào. Vào những ngày nghỉ, tôi thường tới thăm mộ bà và mẹ tôi để được khóc cho thỏa thuê... Nhưng đứng trước những thành viên trong gia đình, nhất là khi gặp người anh, tôi không bao giờ giở một giọt nước mắt.

Tôi bắt đầu quen sống một mình, tôi ăn cơm với bà chủ thuê nhà tôi, với những bữa cơm giản dị, sống quen có giờ giấc, ngoài giờ học tại trường, tôi thường chơi bóng bàn. Mỗi buổi chiều, sau khi tan học, tôi thường tới sân vận động để đánh đu, đánh bóng rổ, bóng chuyền và còn tập xe đạp nữa, nhờ thế tôi tập luyện được thân thể khỏe mạnh. Sau bữa cơm chiều, tôi tự quét dọn, giặt giũ. Đúng 7 giờ tối, tôi ngồi vào bàn để ôn lại bài vở. Có lẽ vì thân thể khỏe mạnh nên ở trường tôi nghe thầy giáo giảng bài không thấy khó, khi về nhà ôn lại bài vở

cũng thấy dễ dàng và nhờ thế tôi có nhiều thì giờ để đọc sách, mãi tới 9:30 tôi mới đi ngủ.

Cứ mỗi chiều thứ bảy, hay những ngày nghỉ lễ, tôi thường vào nhà thương Phủ Doãn, theo các bác sĩ đi vào những phòng bệnh. Có khi còn ở lại ăn cơm và đánh bóng bàn, mãi đến tối mới về. Ngày chủ nhật, tôi thường quét dọn nhà cửa vì có khi bạn học tới thăm. Tôi không có thói quen tới thăm nhà bạn học hay ra phố chơi, mua quà vật hay may sắm quần áo vì suốt tuần tôi phải vận động phục tới trường. Chỉ phải cái mỗi tháng tôi phải thay một đôi giày Bata bằng vải trắng vì tôi hay chạy nhảy nên chóng hỏng hay chất lượng hãng giày độc quyền đó quá tồi ?

Trong thời gian này, tôi có một thầy giáo đổi xuống Nam Định làm Đốc một trường tiểu học Hoa Kiều và bác sĩ Nguyễn Trinh Cơ cũng đồng thời vừa đổi xuống Nam Định làm viện trưởng nhà thương thành phố này. Không hiểu tại sao, bố tôi lại quen biết với cả hai người này, và qua sự quen biết đó, bố tôi đã hiểu tôi nhiều hơn. Sau khi mẹ tôi mất, thái độ của bố tôi đã thay đổi một phần nào đối với tôi. Ngoài lấy tiền cho thuê nhà để ăn học, ông đã giúp tôi sống đầy đủ hơn và tiếp tục để cho tôi học tại Hà nội vì ở đây có trường cao cấp hơn. Lúc đó, người con gái được học đến mười mấy năm

không nhiều vì thường phải ở nhà làm việc nội trợ hoặc đi lấy chồng.

Chiến tranh Trung Nhật càng ngày càng lan rộng. Lúc đầu tôi có tham gia một đoàn thể tuyên truyền chống Nhật : đoàn Đuốc Sáng và ban kịch Tháng Năm. Ngày ngày sau khi tan học, tôi không tới sân vận động nữa mà ở lại nhà trường để tập hát những bài cổ động kháng Nhật. Ngoài hợp xướng, còn tập hai giọng, bốn giọng... Ngoài ra còn tập diễn những vở kịch ngắn như Bỏ chiếc roi xuống... Cuối tuần chúng tôi ra phố tuyên truyền, bán hoa, quyên tiền giúp nạn nhân chiến tranh. Nhiều khi có đoàn thể Cứu Vong từ Trung Quốc sang, chúng tôi tận tình giúp đỡ, có khi cả mừng một Tết cũng không nghỉ. Với tuổi thiếu niên bồng bột, tôi làm việc rất nhiệt tình, không biết gì là mệt mỏi. Nhưng đến khi quân Nhật tiến vào Đông Dương, thì mọi tổ chức đều tan rã, một số thanh niên đã về nội địa Trung Quốc, một số nằm im, còn một số ít vẫn tiếp tục bí mật chống Nhật.

Không quên được, những lúc chúng tôi ra Ga Hàng Cỏ để tiễn đưa những thanh niên đầy nhiệt huyết, trở về một Tổ Quốc xa lạ, tất cả mọi người đều khóc nức nở... Bánh xe từ từ lìa sân Ga... Những người này đã ra đi, không một lời hẹn khi nào mới trở về, nhưng họ đã để

lại trong lòng mỗi người một thứ tình cảm vô tư, chân thực và trong trắng - tình cảm của những người cùng một chí hướng.

Thời kỳ chúng tôi lên cao cấp trung học, lớp tôi có 14 người. Đồng phục nữ sinh là áo vải trắng, váy màu đen, mùa rét áo màu xám. Thầy giáo dạy âm nhạc vì không muốn dạy chúng tôi những bài hát thân Nhật, hay ca tụng chính sách Đại Đông Á, nên chuyên dạy chúng tôi hát những bài hát có tiếng tại Tây Âu, hay những bài hát cổ điển thế giới như những bài Serenata, La Paloma, Ave Maria, Hôn lễ tiến hành khúc... và những bài dân ca có tiếng của Pháp, Ý, Án, Tây Ban Nha... Giờ thủ công trước kia dạy thêu thùa, đan áo, nay dạy gia chánh. Giờ dạy Nhật văn, tên giáo sư Nhật từ đầu giờ đến cuối giờ toàn nói trên bàn giảng, chẳng bao giờ hỏi học sinh một câu, cuối năm lại không phải thi vì thế chúng tôi tha hồ có dư thì giờ để đọc sách khác.

Trong thời gian này, có một cô bạn học đột nhiên bỏ học vì bị gia đình ép đi lấy chồng. Tôi có hai cô bạn thân nhất. Một cô tên Thái Bình, là con lớn của ông chủ xưởng thuộc da tại Hải Phòng. Cô kia là Thu Liên, con út một nhân viên cao cấp của nhà băng Đông Dương tại Hà nội. Chúng tôi đều nhận thấy sự bất công trong xã hội lúc đó, và đồng tình với những người nghèo khó.

Coi nhau như chị em, chúng tôi cùng học tập, cùng tâm sự và sau này cũng chỉ có hai cô bạn này biết tôi là bạn thân của anh Bách.

Hè năm 1945, chúng tôi tốt nghiệp. Cả lớp có 13 người, nhà trường tổ chức lễ tốt nghiệp khá trịnh trọng. Chúng tôi là ban thứ tư tốt nghiệp cao cấp trung học của trường này. Tôi đại diện bạn học cảm tạ các thầy giáo đã dạy dỗ chúng tôi trong nhiều năm qua. Dù ở trong một hoàn cảnh đặc biệt nhưng vẫn hoàn tất được những môn học chính yếu... Cuối cùng chúng tôi mời thầy giáo một bữa cơm Tây. Thế là kết thúc đời sống học sinh của tôi trong mười mấy năm qua.

Vừa ra trường thì Hội Thể Dục Hà nội được một số người yêu chuộng bóng bàn tài trợ, nên tháng 8 năm 1945 đã treo giải «Vô Địch Bắc Bộ Việt Nam». Có nhiều đấu thủ tham dự. Vì chỗ đấu lại là tại Hội quán Hoa kiều, có lẽ vì tiện, nên tôi đã được các bạn ghi tên tôi tham dự. Có nhiều đấu thủ khá, nhưng tôi hân hạnh vào được chung kết.

Hôm đấu chung kết là một buổi tối cuối tuần nên có nhiều người yêu chuộng thể thao tới tham dự. Tối hôm đó, hội quán trong và ngoài đều giăng đèn sáng như ban ngày. Chưa tới 7 giờ mà người ta đã ngồi và đứng chung quanh mỗi bàn đánh bóng. Vừa vào cửa hội quán

là bàn số một mà cũng là bàn đấu nữ. Lúc đó tôi cũng có một số thân hữu tới ủng hộ tinh thần. Đối thủ là cô Nhuận, một danh thủ của Việt Nam (12 năm sau, cô vẫn là đấu thủ đại diện đội bóng bàn của Việt Nam sang thăm Trung Quốc). Cô ta người nhỏ nhắn, độ ngoài 20 tuổi, uốn tóc, trang điểm xinh đẹp trong chiếc áo dài thướt tha, như đi dự dạ hội. Còn tôi, tóc ngắn, trông trẻ và khỏe mạnh hơn trong bộ quần áo thể thao màu trắng, ra vẻ «vận động viên».

Vì bóng bàn đối với tôi là trò chơi hàng ngày trong mười mấy năm qua, nên lúc đó tuy gọi là vào chung kết, nhưng tôi vẫn coi như thường lệ, không cảm thấy e ngại hay lo âu. Đối thủ xem ra không phải là tay vừa, đánh cũng khá hay, nhưng chưa đầy một tiếng đồng hồ, tôi đã hạ cô ta với tỷ số 3:0 mà không thấy khó khăn gì cả. Tôi phải ngồi đợi hai tiếng đồng hồ sau, tới khi mọi bàn đều kết thúc mới đến giờ phát thưởng. Phần thưởng của tôi là tượng đầu một cô gái Lào bằng đồng đen. Tôi chú ý nhất là ở bệ bức tượng này có gắn một biển đồng bóng nhoáng với dòng chữ «Vô Địch Bắc Bộ Việt Nam», dòng dưới là «1945». Tôi phải dùng hai tay và cúi về đằng trước mới vác nổi dưới tiếng vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt của khán giả.

Sáng hôm sau, các báo chữ Việt có đăng tin này. Họ đăng về giải nữ văn tắt với vài giòng :

- «Giải nữ vào tay một đầu thủ học sinh người Hoa, trước cô Nhuận với ba ván rất gay go».

Nhưng báo người Hoa thì trái lại, khi đăng về giải nữ tường tận hơn. Ngoài nêu tên tôi ra, còn bình luận về lỗi đánh của tôi. Cuối cùng lại viết thêm :

- «Được biết cô này, trong lúc còn là học sinh đã từng đoạt được nhiều giải thưởng về bóng bàn trong nhiều năm qua.»

Tôi có cắt những giòng chữ này và dán vào cuốn Nhật Ký mà tôi còn giữ cho tới ngày nay.

Trường tôi đã đào tạo biết bao nhân tài và chiến sĩ yêu nước. Trong lớp tôi đã có người có sự nghiệp thành công về kiến trúc tại Hoa Kỳ. Có người là nhà khoa học có tiếng tại Pháp... Cho tới ngày nay tại Trung Quốc hay những nơi nào có nhiều Hoa Kiều Việt Nam, như San Francisco, Los Angeles... đều có Hội Ái Hữu, dù trường này đã không còn ở đất Việt Nam.

Mấy chục năm sau khi đã định cư trên đất tự do, tôi có tới tham dự những buổi họp mặt này, nhưng đều là những bạn học lớp dưới cả vì lớp chúng tôi mọi người

đều tuổi đã cao, nên chỉ tụ họp được một số ít và dùng thư từ để liên lạc. Được biết trong các bạn học của tôi, có người đã mất tích trên đường vượt biên, có người tự sát, có người biệt vô âm tích... Một cuộc chiến đã làm chúng tôi tan tác trên khắp thế giới. Thời gian đã làm thay đổi mọi con người, gần giống như «Bãi bể ngày xưa», một cuốn sách tôi đã đọc và đã khóc khi tôi còn nhỏ. Những bi kịch của thời đại quá nhiều, khiến tôi không còn nước mắt để rơi nữa.

III. Nhà Thương Phủ Doãn

Sau này, khi đã từ biệt Hà nội, để tới những nơi xa lạ, mỗi khi trông thấy cây tường vi, với những chùm hoa màu hồng, tôi lại nhớ đến nhà thương Phủ Doãn. Nhà thương này cổng chính tại đường Tràng Thi, có cổng lớn để cho xe hơi qua lại, nhưng lúc thường thì chỉ mở cổng bên, nhỏ hơn để tiện kiểm soát người ra vào, ngày đêm đều có người canh gác. Chung quanh nhà thương ngăn bằng những chấn song sắt, ở ngoài trông vào thấy đó thực là một nhà thương lớn của Việt Nam. Bên phải là cả một dãy phố kín cổng cao tường, ở đây có nhà xác và bên cạnh có chỗ chuyên khám bệnh hoa liễu. (Thửa nhỏ, mỗi khi đi tới đây, dù là đi với người lớn vào lúc ban ngày, tôi vẫn thấy sờ sợ, nhất định đòi đi sang đường bên kia). Bên trái là khu để cho sinh viên «gác» khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho dân nghèo. Đây là một phố rộng, phần nhiều là dân Pháp ở. Tại đây có Hỏa Lò (giam tù nhân) và cuối đường có chùa Quán Sứ.

Đằng sau khu nhà thương này, thì trái hẳn, là một khu buôn bán sầm uất, tại phố Hàng Bông. Tại đây có ba nhà kiến trúc theo kiểu Tây, đó là túc xá của nhà thương - một nhà cho gia đình bác sĩ Hồ Đắc Di ở, một

nhà khác cho bác sĩ Tôn Thất Tùng và nhà còn lại là chỗ ở của những bác sĩ nội trú.

Nhà thương này, là một nhà thương ngoại khoa có tiếng ở miền Bắc. Các tỉnh có bệnh nhân nặng hay những ca mổ khó đều được chuyển tới đây điều trị. Mọi phí tổn đều được miễn phí. Tại đây có nhiều phòng bệnh lớn, mỗi phòng có độ 40-50 giường bệnh. Đầu mỗi gian phòng thường có một vài phòng nhỏ cho những bệnh nhân cần nằm riêng.

Giữa khu nhà thương là một tòa nhà giải phẫu lớn, đó là một tòa nhà hai tầng cao ráo sáng sủa. Tòa nhà này phần nhiều dùng kính lắp, người đi lại trong hành lang có thể trông thấy rõ ràng nhân viên đang làm việc trong phòng mổ. Có thang gác rộng và thang máy. Phòng mổ được ngăn ra làm nhiều phòng nhỏ. Mỗi phòng ngoài bàn mổ và đèn pha, chung quanh toàn những tủ để những dụng cụ phẫu thuật. Tại đây có thể cùng một lúc giải phẫu nhiều bệnh nhân nếu có tai nạn bất ngờ xảy ra. Tầng dưới là chỗ khám bệnh và những phòng làm việc của bác sĩ và nhân viên của nhà thương.

Nhà thương này vì định mệnh đã có quan hệ bất bình thường với cuộc sống và ảnh hưởng sâu xa tới tương lai của tôi. Nhiều sự buồn vui, tang tóc đã bắt nguồn từ chỗ này. Dù may rủi hay hạnh phúc, lúc nào tôi cũng nhớ

đến giai đoạn này vì đó vẫn là một thời kỳ quyết định đối với tôi.

Kỳ ngộ nhất là tuy tôi thường lui tới nhà thương để săn sóc cho người thân cũng như trăm nghìn người khác, nhưng các bác sĩ và y tá trong bệnh viện đều có cảm tình với tôi - một cô học trò nhỏ, mới mười mấy tuổi, ngây thơ, chất phác, chân thành biết ơn những người đã hết lòng cứu chữa cho mẹ mình. Với tôi, họ là những người bạn tốt. Những người cha, người chú, và là anh chị thân quý của tôi, đã giúp tôi trong những lúc khó khăn, cô đơn và lạc lõng nhất.

Một cô bé người Hoa, bỗng dưng trở thành một thành viên ở đó, như trong một đại gia đình. Từ những năm 1942, 1943, ngoài ngày ngày đi học ra, trong những ngày cuối tuần hay những ngày nghỉ lễ, rồi rãi tôi thường chạy vào nhà thương chơi.

Nhà thương này, vừa là bệnh viện, vừa là nơi các sinh viên trường thuốc thực tập. Tôi được ưu đãi đặc biệt và rất vui vẻ khi được đi cùng với các bác sĩ vào trong phòng bệnh mà không biết là để làm gì. Các bác sĩ cũng cho tôi một chiếc áo khoác trắng, cho nó ra vẻ sinh viên, nhưng có ai tin trong đám sinh viên trường thuốc lại có một cô bé con như vậy. Có người trở mắt ra khi thấy tôi đi đằng trước cùng với các bác sĩ tiến vào

phòng bệnh. Có khi bác sĩ Huard đi đầu, theo sau là một toán sinh viên, đa số là nam sinh, và một vài cô nữ sinh viên mà thôi. Các anh sinh viên cũng không hiểu tôi là người thế nào, con cháu của bác sĩ nào ? Về sau khi họ biết rồi, không lấy làm ngạc nhiên nữa, và thường nói chuyện cười đùa với tôi. Có anh hỏi tôi :

- «Cô là sinh viên năm thứ mấy ? Bao giờ tốt nghiệp?»

Tôi cũng nghiêm trang trả lời :

- «Tôi là sinh viên năm thứ 9, sắp tốt nghiệp rồi, còn tốt nghiệp trước cả các anh nữa đấy.»

Tôi không nói bậy, vì thực ra tôi đang học lớp 9 ở trường Trung Học Trung Hoa. Nhiều khi sau giờ làm việc, tôi cùng các bác sĩ về ký túc xá. Nơi này có cửa trước ra phố Hàng Bông. Sau bữa cơm tối, tôi thường đánh bóng bàn theo lối đánh đôi. Tôi và bác sĩ Tùng vào một bên, bên kia là bác sĩ Tâm và Cơ. Chúng tôi đánh rất chính quy và thận trọng, tính từng điểm một. Ngẫu nhiên có một hôm, quả bóng rớt xuống một chỗ không được rõ ràng lắm, thế là hai bên tranh luận cãi nhau om sòm. Bên nào cũng tự cho là bên mình thắng, càng cãi càng lớn tiếng, có khi còn đập cả chiếc vợt xuống bàn để trợ uy...

Bên đường bên kia, trên những balcon có nhiều «khán giả» nhìn sang rất chăm chú. Chắc họ không ngờ, các bác sĩ thường ngày khi làm việc trông rất trang trọng, nghiêm nghị, thái độ hòa nhã, nhưng nay lại lớn tiếng cãi nhau «thô lỗ» như vậy. Sau hai tiếng đồng hồ giao tranh mới phân thắng bại, thường bên chúng tôi thắng cuộc. Thế là kết thúc một buổi tối cuối tuần lành mạnh cùng mấy bác sĩ vui vẻ và nhiệt tình !

Một lần tôi cùng bác sĩ Cơ và một số sinh viên đi xe đạp tới thăm một trạm y tế ở ngoại thành Hà Nội. Không ngờ khi chưa tới nơi thì có còi báo động. Theo thông cáo của bộ Phòng Không lúc đó, 15 phút sau khi có báo động là giới nghiêm - người đang đi ngoài đường phải vào phòng trú ẩn, xe cộ phải đỗ tại chỗ cấm qua lại. Nhân viên cấp cứu phải có mặt tại cương vị, để phòng những sự bất ngờ có thể xảy ra...

Lúc đó không ai bảo ai đeo luôn dấu hiệu Hồng Thập Tự trên tay quay xe trở về phía Hà Nội. Lẽ cố nhiên tôi cũng được đeo dấu hiệu này, ngang nhiên đi giữa những đường phố rộng thênh thang và vắng tanh mà không có ai dám ngăn cản !

Trong phòng mổ, tôi sợ nhất là lúc bác sĩ dùng dao rạch vào da bệnh nhân, nhưng khi đang mổ thì tôi không sợ lắm. Một lần tôi thấy bác sĩ Tùng khám bệnh một

phụ nữ, khi vừa khám xong, ông nói luôn một câu lạnh lẽo như ra lệnh :

- «Cho lên bàn mổ !»

Sau đó trong một bữa cơm, tôi nhắc lại chuyện này và hỏi :

- «Các bác sĩ coi bệnh nhân như «lợn», chắc là làm bác sĩ không có cảm tình riêng tư ?»

Câu hỏi này làm các bác sĩ ôm bụng cười và còn nói tôi trẻ con không biết gì. Lúc đó tôi xem bác sĩ Tùng như người cha đỡ đầu. Ông rất quan tâm đến sự học hành của tôi. Lúc đó ông dự tính, sau khi tốt nghiệp ban sơ cấp trung học chữ Hoa, tôi sẽ đổi sang chuyên học chữ Pháp trong ba năm, rồi sau sẽ tìm cơ hội lên học y khoa. Không ngờ thời cục biến chuyển nhanh, quân Nhật chiếm đóng Việt Nam, dự tính theo học y khoa theo chương trình Pháp khó mà thực hiện được. Thêm nữa là tôi thấy sau một thời gian tiếp xúc với bệnh viện, tôi tự thấy mình không được bình tĩnh trước những ca cấp cứu nguy nan. Tôi tự thấy mình không thích hợp làm nghề này, nên tiếp tục học lên ban cao cấp trung học chữ Hoa.

Lúc đó, bác sĩ Tùng là người đầu tiên thành công trong ca mổ cắt bỏ một bộ phận phổi cho một nông dân trẻ tuổi, và tôi đã chứng kiến ca giải phẫu này. Tại đây còn có nhiều bác sĩ giải phẫu giỏi như bác sĩ Hồ Đắc Di, Vũ Đình Tung, Nguyễn Xuân Chữ... Một bác sĩ người Pháp, Huard là giáo sư trường Đại Học Y Khoa, vừa là trưởng khoa ngoại tại nhà thương này. Tuy là bác sĩ quyền uy nhất ở đây, nhưng lần nào gặp tôi, ông cũng bắt tay chào hỏi vui vẻ. Trong lúc chuyện trò thường ngày, tôi thấy các bác sĩ có phần nản rằng bác sĩ Huard nhiều lần giải phẫu mà không suy xét kỹ đến sự đau khổ của những bệnh nhân nghèo. Thí dụ có ca mổ, chỉ cần cắt tới đầu gối, nhưng ông lại cắt hẳn một bên chân của bệnh nhân...

Tôi còn nhớ hồi cuối năm 1945, một hôm ông Huard đi xe đạp tới nhà thương làm việc, nửa đường bị dân chúng đánh thâm tím cả mặt mũi, quần áo rách thêch. Khi ông đến nhà thương, mọi người đều tỏ vẻ ái ngại, nhưng không ai dám nói ra, vì lúc đó quân chúng tự nổi dậy đánh dân Pháp cho hả dạ cũng là thường thôi.

Cuối năm 1942, tôi gặp anh Nguyễn Tường Bách, đang tập sự ngoại khoa ở đây. Anh thường hay trêu chọc tôi, làm nhiều khi tôi tức giận quá, hờn dỗi bỏ đi. Nhiều lần cũng trong nhà thương, khi thấy anh từ xa, tôi đã

vội vã rẽ sang đường khác mà đi. Tôi cố ý tránh anh vì tôi giận anh hay chọc tức tôi. Một ngày kia, khi có báo động, chúng tôi cùng vào phòng trú ẩn kiên cố nhất của nhà thương. Trong lúc mọi người đều phải đứng chen chúc vì hai bên ghế đá đều bị ẩm ướt không sao ngồi được. Anh Bách vội móc túi để tìm giấy, nhưng khi lấy ra lại là một bức thư dày. Anh không ngần ngại gì, trải luôn trên ghế để tôi ngồi và còn nói một câu :

«Trẻ con, đừng đọc nhé !»

Tôi gật đầu và mỉm cười một cách tinh nghịch, nhưng tự dưng tôi lại nghĩ : «Tại sao anh lại quý tôi hơn bức thư này ?» Từ đó tôi thấy anh không có ác ý, trái lại đầy thiện cảm và chỉ muốn đùa với tôi cho vui thôi.

Dần dần tôi thích nói chuyện với anh. Từ chỗ hay nói đùa trêu chọc, bước sang đàm luận những vấn đề đứng đắn hơn. Từ chuyện nhà trường đến chuyện xã hội, có nhiều vấn đề tôi không hiểu rõ. Anh biết rộng, nói chuyện lại vui vẻ và ăn nói có duyên, nhất là chịu khó giảng giải những vấn đề tôi đưa ra. Cũng có khi tôi không đồng ý, tranh luận rất gắt gao, không ai chịu thua ai. Nhiều khi còn đàm luận cả những vấn đề trên trời dưới đất :

«Phụ nữ có thể bình đẳng với nam giới không?»

«Quân Nhật bao giờ mới thất bại ?»

«Thế chiến bao giờ mới kết thúc ? Hòa bình rồi sẽ ra sao ?...»

Lúc đó, tôi đang bị ảnh hưởng của một luồng tư tưởng mới. Tôi tin rằng, phụ nữ nhất định bình đẳng với nam giới. Phái nam làm được việc gì, thì phái nữ cũng có thể làm được... Anh thấy tôi có nhiều ý tưởng khác hẳn với những người con gái khác vì lúc đó phụ nữ thường chú trọng vào trang điểm hay phục sức hơn. Vì muốn nói chuyện với tôi nhiều hơn mà lúc đó tôi cũng không có thắc mắc gì, nên thỉnh thoảng vào những ngày chủ nhật, anh thường tới thăm tôi. Tuy lúc đó chúng tôi thường hay tiếp xúc, nhưng tôi không rõ anh đã làm những công việc gì ngoài việc học y khoa. Mà anh cũng vậy, ngoài thấy tôi ngày ngày cấp sách đến trường, còn tôi đã tham dự vào những công việc gì, anh đều không rõ. Nhưng một trạng thái tâm lý chung đã khiến chúng tôi gần nhau hơn.

Trong những năm đó, trên mặt báo Hà nội, thường hay có những mục trưng cầu ý kiến với nhiều đề tài khác nhau được độc giả nhiệt liệt hưởng ứng. Thí dụ như : «Người chồng tương lai của ta với chức nghiệp gì?» Đầu đề này được nhiều phái nữ tham gia tranh luận. Cuối cùng đa số phụ nữ đều cho rằng : «Phi cao đẳng

bất thành phu phụ» và trong đó sinh viên trường thuốc sẽ là người chồng lý tưởng hơn cả. Họ kể ra những lý do nào là học thuốc hiểu tâm lý phụ nữ sẽ biết chiều vợ hơn, nào khi có con, có bác sĩ bên cạnh không cần phải lo lắng gì... Lúc đó vì còn nhỏ, nên tôi chỉ đọc qua, không để ý gì lắm về những đề tài này.

Hồi đó, anh Bách với tuổi 24, 25, anh người mảnh khảnh, khuôn mặt xương xương, mũi cao, trán rộng. Anh lúc nào cũng trầm ngâm như đang nghĩ việc gì. Dáng người thanh nhã, hiền từ, anh không những dễ thương, còn thích viết văn, viết báo, làm thơ. Ngoài ra chuyện ngắn «Tha Hương» mà anh vừa sáng tác lúc đó, đang được coi là «giai phẩm». Có lẽ vì thế, anh được một số bạn thăm mến !

Tôi không rõ lắm, với tâm tình mâu thuẫn, một mặt tự biết mình đã tham gia «hội kín», một công việc đầy nguy hiểm rất có thể nay đây mai đó, vì không muốn liên lụy đến người khác, nên anh vẫn theo «chủ nghĩa độc thân». Nhưng một mặt tránh sao được tư tưởng lãng mạn hồi đó, muốn có chút ít thể nghiệm về sinh hoạt, muốn cho đầu óc bớt căng thẳng sau những buổi học, buổi họp khô khan, nên trong những lúc nhàn rỗi, anh cũng gặp gỡ một số phụ nữ - những cô gái có đầu óc cởi mở hồi đó.

Có cô bạn trẻ măng, then thò ít nói, nhưng lại có đủ can đảm hay đến tìm gặp anh. Có cô chỉ nói chuyện với anh một đôi lần mà đã «hiều lắm». Cũng có cô lẳng mạn giàu tình cảm, luôn luôn gần gũi để muốn «chinh phục» anh. Một cô khác ở gần nhà và quen biết cũng đã lâu, nhưng sau nhiều năm qua không thấy anh tỏ ý gì, một hôm cô hỏi riêng anh :

«Anh này, anh xem em có nên đi lấy chồng không ?»

Cô hỏi một cách chân tình, nhưng không biết anh có hiểu ý định của cô bạn hay không, mà chỉ cười nói :

«Nếu cô gặp được người đáng tin cậy thì cũng nên lấy.»

Câu trả lời này đã làm cho cô bạn thất vọng nhiều. Có cô bạn trong nhiều năm qua thường hay đến thăm anh. Can đảm hơn những người khác, cô nửa đùa nửa thật hỏi thẳng :

«Anh có lấy em không ?»

Anh vẫn cười và trả lời :

«Hiện nay tôi chưa có nghề nghiệp gì. Lấy đâu mà nuôi vợ, nuôi con ?»

Anh cũng đùa lại và sự thực cũng là thế. Tuy tư tưởng anh lãng mạn, nhưng anh không mù quáng, trái lại, anh có lý trí, có tinh thần trách nhiệm vì thế anh luôn luôn cảnh giác và tự kềm chế để cho mình không đi quá mức độ. Nhiều khi anh phải trực tiếp hay gián tiếp tỏ cho các cô bạn biết là hiện nay anh không thể kết hôn với ai được, nhưng họ cho là anh nói đùa thôi.

Anh Bách cùng anh Trần Đình Đệ là bạn học cùng lớp. Cả hai đều học giỏi và dễ thương vì thế nên được một người bạn học cùng lớp thường mời hai người này tới nhà chơi, khiêu vũ, dự dạ hội, cốt là để giới thiệu với hai cô em gái mình. Oái oăm là cả hai anh bạn học này lại chỉ thích làm quen với cô em thôi... Nhưng xem ra, cô nữ sinh này, hình như có cảm tình với anh sinh viên kiêm nhà báo Nguyễn Tường Bách hơn. Chỉ vì hoàn cảnh thực tế đã không cho phép hai người gặp nhau về sau. Rút cục cả hai anh chàng đều thành ra tay không - vì duyên trời chưa tới !

Số phận con người ta thường thường được quyết định bởi những thứ không ngờ !

IV. Bị Nhật Bắt Giam

Hè năm 1943, một hôm vào tờ mờ sáng tôi bị bọn Hiến Binh Nhật bí mật bắt đi. Chúng tôi bị giam tại hầm của nhà in Ideo cũ ở phố Tràng Tiền. Chúng đưa tôi vào buồng giam và giao cho một tên lính gác. Tên lính này đưa tôi tới chỗ bên cạnh buồng giam - một nơi để cho lính gác nghỉ chân. Hắn giơ tay định cởi khuy áo tôi để «khám» người. Tôi lúc đó vừa sợ vừa tức giận. Không hiểu tại sao, tự nhiên tôi thốt ra một tràng tiếng Nhật rất lưu loát và đúng tiêu chuẩn :

«Không được làm như vậy ! Tôi là học sinh trường Trung Học Trung Hoa...»

Tôi lớn tiếng nói như thét, làm cả buồng giam lớn này ai cũng nghe thấy. Tên lính này có lẽ vì đột nhiên thấy tôi biết nói tiếng Nhật và cũng có lẽ vì không muốn cho bọn đồng sự nghe thấy, hắn ta vội ngừng tay, chạy sang mở khóa buồng giam bên cạnh và bảo tôi vào. Không ngờ một câu tiếng Nhật đầu tiên trong đời đã giúp tôi khỏi bị nhục ! Tôi bị bắt buộc học tiếng Nhật hơn một năm rồi, vì tôi không có hứng thú học thứ ngôn ngữ này, nên thành tích kém mà tệ nhất là tôi chẳng bao giờ tập nói câu nào cả.

Đây là nhà hầm, kho của nhà in trước. Ở đây tối và ẩm thấp, không có cửa sổ. Họ hoàn mới thấy một vài chỗ thông hơi, chỉ bằng một viên gạch nhỏ. Nơi đây, chúng ngăn ra làm nhiều buồng nhỏ, mỗi buồng độ 6 mét vuông, giam độ mười người trai gái nhốt chung. Cửa buồng khóa bằng những xích và khóa lớn, ngày đêm có lính gác nghiêm ngặt. Ban ngày, mọi người phải ngồi như tượng gỗ, không được nhúc nhích. Mỗi ngày mỗi người lần lượt được ra ngoài ba lần, mỗi lần không quá năm phút, không được rửa mặt, súc miệng, thay quần áo nghĩa là không được một giọt nước nào để dùng. Mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa mỗi người được một bát cơm, hay một nắm cơm với ít rau muống luộc, không có nước uống. Nếu ai động dậy hay nói gì, tức thời bị tên lính gác mở khóa vào, dùng roi đánh túi bụi. Có người bị giam lâu ngày, râu tóc mọc dài, quần áo rách rưới, chỉ còn da bọc xương, trong phòng lại thiếu ánh sáng, trông như những bộ xương biết cử động !

Thỉnh thoảng có tên lính tốt bụng, cho bọn này đứng dậy cử động chân tay trong chốc lát. Qua lỗ hồng bé nhỏ, vừa đúng tầm mắt ngang với mặt đường, thấy những người qua lại mà thèm. Họ đâu có biết ở trong hầm này đã giam biết bao thanh niên đầy nhiệt huyết ! Tôi cảm thấy không có gì đau khổ bằng mất tự do ! Đôi khi có báo động, tiếng động cơ của máy bay ở trên

không phá tan sự yên tĩnh trong lúc đêm khuya. Tôi ao ước được họ thả bom ngay trên đầu mình để cùng kẻ thù đi đến chỗ cùng tận ! Lúc đó có lẽ vì ít tuổi, nên tôi không lấy gì làm sợ hãi lắm, trái lại tôi còn cùng với những thanh niên cùng buồng tự hào là vì chính nghĩa mà hiến thân là vinh quang ! Tôi không hối hận gì, chỉ tiếc rằng chúng tôi đã ra đi khi còn quá trẻ. Nếu sống được mấy chục năm nữa thì tốt biết bao !

Trong lúc đêm khuya, người ta thường nghe thấy những tiếng kêu thét của những người bị tra tấn từ phòng trên vọng xuống. Lúc đó quân Nhật dùng hai lối tra tấn : Trói chân tay người bị tra tấn treo khỏi mặt đất rồi đánh túi bụi, chúng gọi là «cho đi tàu bay». Còn lối kia là bắt người bị tra tấn phải uống thật nhiều nước rồi để tắm ván lên bụng. Chúng dùng đôi hia không lò giẫm đạp lên miếng ván. Nước và máu ở thất khiếu chảy ra, đó là «cho đi tàu bò» rất tàn nhẫn và dã man ! Những người bị tra tấn xong khi trở về phòng, mọi người chỉ biết dùng con mắt đồng tình và thương cảm !

Việc một số học sinh đang học tại trường bí mật mất tích, đã làm chấn động trong giới Hoa Kiều lúc đó. Nhiều tổ chức bí mật đã nhân dịp tung ra những tin ngầm làm cho dân chúng càng hoang mang :

«Thời buổi này, cả những học trò nhỏ cũng bị bắt, chúng ta còn tâm địa nào mà làm ăn ?»

«Sẽ còn nhiều học sinh và thanh niên bị bắt nữa !»

«Bọn học sinh bị tra tấn rất tàn nhẫn, nhất là nữ sinh...»

Những gia đình có thân nhân bị bắt đều tìm mọi cách để cứu vãn, vì chúng tôi đều là những học sinh đang học tại trường với tuổi vị thành niên, và phần nhiều là con cái thương gia. Cuối cùng ông Chủ tịch Hội Hoa Kiều, ông Bí thư đại diện Đại sứ quán Trung Quốc và ông Đốc trường Trung Học Trung Hoa, liên danh bảo lãnh chúng tôi. Sau một thời gian thương thảo, bọn Hiến binh dưới áp lực của quần chúng và lại chúng cũng muốn lấy lòng Hoa Kiều, nên chỉ đồng ý trả tự do cho những học sinh còn đang học tại trường.

Có một sự mà cho tới ngày nay tôi vẫn cho là bí ẩn và kỳ lạ - một đêm tôi nằm mê thấy bà và mẹ tôi tất tả tới thăm tôi. Khi tỉnh dậy, tôi nghĩ, người thân vào ngục thăm «tù nhân» sao lại tươi cười vui vẻ vậy ?

Ngay sáng hôm đó, bỗng có người gọi chúng tôi ra ngoài. Khi vừa thấy ánh sáng, tôi hoa mắt suýt bị ngã. Họ bắt chúng tôi ký giấy không được tiết lộ những bí mật trong nhà giam. Lúc đó tôi không ngờ có một nhân

viên của tòa Đại sứ Trung Quốc đem xe tới đưa chúng tôi về nhà.

Vừa về tới nhà, việc làm đầu tiên của tôi là tắm rửa sạch sẽ. Khi vừa sát răng thì thấy máu chảy đầm đìa. Nếu lúc đó có ai đứng bên cạnh lớn tiếng nói một câu là tôi giật nảy mình ngay...

Tôi tiếp tục tới trường, một cô bạn học đã bị gia đình ép phải bỏ học. Giờ học đầu tiên hôm đó là Pháp văn, do ông Phạm văn Khoa dạy (sau này ông là cán bộ cao cấp của Việt Minh) vừa thấy tôi, ông gọi tên và nói :

- «Votre action mérite mon admiration !» (Hành động của cô làm tôi khâm phục)

Các bạn tôi nghe xong nhìn tôi rồi lại nhìn thầy giáo. Họ vừa ngạc nhiên, vừa tỏ vẻ ái ngại thay cho ông, vì lúc đó nếu ai nói câu gì quá khích, ngày hôm sau rất có thể bị tóm luôn !

Nghe bạn học kể lại, ngay hôm tôi bị bắt, tên giáo sư dạy Nhật văn đã đặt một chiếc súng lục trên bàn giảng trong lớp, để dọa xem còn có ai dám phản kháng chúng.

Sau này tôi mới biết, tên đội trưởng Hiến binh là bạn khá thân với một gia đình Hoa Kiều có tiếng giàu có ở Hà nội. Gia đình này lại có quan hệ họ hàng xa gần với

gia đình tôi. Nghe kể lại, sau khi được tin tôi bị bắt, gia đình này có xin hắt ta nói tay với tôi vì tôi còn nhỏ. Có lẽ vì thế, nên tôi mới được «ưu đãi» mỗi tuần được gia đình này đem quần áo để tôi thay đổi.

Một người bạn học lớp trên cùng trường đã tốt nghiệp, nhận hết trách nhiệm rằng đã «xúi giục» chúng tôi làm những việc phản kháng chúng, cốt để giảm nhẹ phần nào «tội trạng của chúng tôi đã làm». Tuy sau này, người bạn học này đã hy sinh, nhưng hành động cao cả của anh đã làm bọn chúng tôi không quên anh.

Sau một thời gian ổn định, ông Chủ tịch Hoa Kiều có mời tôi tới nhà riêng nói chuyện. Ông kể cho tôi nghe hôm mọi người bảo lãnh chúng tôi. Có một thanh niên trong tòa Đại sứ quán, trước mặt tên Đội trưởng Hiến binh, anh ta đã vỗ ngực cam đoan là tôi sẽ không làm việc «xấu» nữa, vì sau khi được thả ra, anh ta sẽ lấy tôi ! Nói xong, ông Chủ tịch này còn khen anh ta dễ thương, học giỏi, ngoài tốt nghiệp Đại học ra, còn nói tiếng Nhật giỏi. Hiện đang là một tay đắc lực của ông Đại sứ... Ông Chủ tịch còn nói, «trước mặt người Nhật, đã nói thì phải làm, không phải là chuyện nói chơi đâu, vì nếu không sẽ bị nghi ngờ hoặc bị tóm lại...»

Nghe xong, tôi hết sức sửng sốt ! Tôi nhận ra anh chàng này chính là người đã tới nhà giam đón chúng tôi hôm được tha về. Lúc đó tôi không cần phải nghĩ ngợi gì nói luôn :

- «Hiện nay tôi chưa đến tuổi trưởng thành, và trình độ học thức của tôi còn quá kém. Tôi dự tính sau khi tốt nghiệp Đại học mới kết hôn, nếu anh ta đợi được».

Đó là nói vậi thôi. Một năm sau, thời cục biến chuyển nhanh, anh ta đã vội vàng kết hôn với một cô Hoa Kiều. Được tin, tôi có mang lễ vật đến chúc mừng và cũng là để tỏ lòng cảm ơn.

Cuộc đời có sự điên đảo kỳ lạ. Hơn một năm sau khi quân Trung Hoa vào đất Việt đã tóm hết những người thân Nhật đem về Trung Quốc xét xử. Khi đoàn xe vận tải chuyên chở họ tới phố Sinh Từ thì bị ngăn cản bởi chuyến xe hỏa sắp ngang qua và đúng lúc đó, tôi đang đi tới về phía đối diện. Trên xe có nhiều người đứng chen chúc, nhưng tôi nhận ngay ra được, trong đoàn người đó, có anh chàng đã từng đứng ra bảo lãnh cho tôi. Thân phận ngày nay giữa chúng tôi đảo ngược lại. Không hiểu tại sao, lúc đó tay tôi bất giác từ từ giơ lên, trong lúc anh ta cũng vừa nhận được ra tôi và cũng giơ tay chào lại. Mệnh vận anh ta sau này ra sao, tôi không rõ.

V. Tiền Duyên Đã Định

Được tin tôi bị Nhật bắt, anh Bách hết sức sửng sốt vì lúc đó tôi mới 15, 16 tuổi. Tuy vậy anh cũng đoán được lý do. Anh cố gắng thăm dò chỗ chúng tôi bị giam cầm xem sống chết ra sao, nhưng không sao tìm ra được. Người bạn nhỏ biết vô âm tín làm anh thương cảm vô hạn... Anh đã dọn ra ngoài thành ở, để tránh náo nhiệt và để cho tâm hồn được yên tĩnh hơn.

Sau mấy tháng bị giam cầm, tôi chợt có dịp gặp lại anh. Sự gặp lại bất ngờ này làm anh không khỏi xúc động, không tin ở đôi mắt mình. Giây phút đó có thể nói là một trong những phút vui mừng nhất trong đời anh - vì được gặp lại một người bạn thân, một người em gái nhỏ. Anh vừa vui mừng, vừa cảm mến một người bạn đã từng dấn thân cho chính nghĩa, không những là nguy hiểm mà rất có thể không bao giờ được gặp lại nhau nữa. Lúc đó chúng tôi không nói gì nhiều, nhưng rất hiểu nhau - một đôi bạn cùng cảnh ngộ cùng chí hướng.

Lúc này anh rất bận rộn. Ngoài việc học anh còn phải đảm đương thêm nhiều công việc khác, gồm cả nhà xuất bản, nhà in và cả việc «Hội Kín» nữa. Tuy vậy, anh cũng cố gắng đến giúp tôi ôn bài vở mà tôi đã bỏ dở

trong khi bị giam cầm, nhất là môn toán và Pháp văn.

Từ đó tôi coi anh Bách như một người anh thân đáng tin cậy, có chuyện gì tôi cũng mang ra bàn với anh. Từ chuyện nhà trường đến chuyện gia đình, mà hình như không bao giờ nói hết chuyện được. Cả hai đều san sẻ những vui buồn và tin tưởng ở nhau.

Hồi đó Hà nội luôn luôn có báo động, trường tôi đôi giờ học thành buổi tối, từ 6 giờ đến 10 giờ. Cũng có khi sắp tan học, anh đi trên con đường quen thuộc về nhà để đón tôi. Chúng tôi đi một vòng rồi mới về nhà. Tôi cho anh biết những chuyện vừa xảy ra trong trường, trong lớp. Toàn là những chuyện bé như hạt vừng, hạt đậu, nhưng anh lại chăm chú nghe, mà lại còn thích nghe nữa. Con đường về nhà hình như ngắn lại và rất mau, khi gần tới nhà, anh vội cáo từ ra về.

Có khi ban ngày, chúng tôi đi bộ hay bằng xe điện ra ngoài thành để vừa tránh bom, vừa để ôn bài vở, cũng có khi chúng tôi tới thăm các bạn của anh, cả bạn trai lẫn bạn gái, thăm ban kịch Thế Lữ tại Đàm Sét. Cũng có khi chúng tôi đi thăm những nơi thắng cảnh gần Hà nội như chùa Voi Phục, chùa Một Cột... xa hơn nữa là đi bằng xe đạp thăm chùa Trầm, chùa Phật Tích... hay trải hội chùa Hương cùng với các bạn học vào những ngày hè.

Vào một mùa hè, đêm trăng vàng vằng vặc, sáng như ban ngày, trời đẹp quá ! Chúng tôi cùng ngồi trên mui chiếc đò xuôi trên dòng sông Đáy về phía chùa Hương. Có chỗ hai bên bờ là đồng ruộng, núi đồi thấp, có chỗ lá cây um tùm, cành lá xòe ra trên mặt nước. Chung quanh đều yên lặng như bước vào một cõi đời khách hẵn với tỉnh thành ồn ào bụi bặm. Chúng tôi ngồi yên lặng không nói gì, chỉ nhìn hai bên bờ sông, lui dần về phía sau. Những cảnh tượng nên thơ này đã in sâu vào trong lòng chúng tôi mãi mãi. Vì những phút vô tư lự như thế này về sau khó mà tìm lại được nữa...

Cũng có khi chúng tôi cùng dạo trên con đường Cổ Ngư quen thuộc, giữa hai mặt Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch, mặt nước mênh mông, rung rinh đến tận hồ bên kia. Những rừng cây xa, những xóm làng, những mái nhà nhỏ xinh xinh, nằm bên con đường nhỏ quanh co, biết bao gia đình đang sống yên tĩnh ở đây. Chúng tôi lúc đó có ao ước có một đời sống yên ả như trăm nghìn gia đình kia không ? Hoàn cảnh hiện nay có cho phép mình sống an bình như vậy không ?... Anh và tôi cứ đi mãi trên con đường nhỏ ven bờ mà không nói gì hết, mặc cho ánh nắng chiếu rọi trên người vẫn không biết gì là mệt mỏi...

Có lúc ngồi trên đồi cao nghe gió thổi vi vu qua rừng thông, hay nhìn ra phía xa, những đồng ruộng bát ngát. Chỉ có trong những lúc ấy chúng tôi mới cảm thấy tâm hồn nhẹ nhõm thanh thoi thực sự, như đã xa lìa nơi trần tục. Tuy còn nhiều phiền muộn, nhưng cũng thấy lâng lâng vô tư lự và tự nhiên cảm thấy hạnh phúc ! Tuy lúc đó chỉ có anh và tôi, nhưng chúng tôi vẫn giữ một mực cách xa, không nghĩ rõ rệt gì đến một cảm tình nào khác. Nhưng hình như có linh tính báo cho tôi biết, giữa chúng tôi đã có gì khác với tình bạn, hay tình anh em thuần túy.

Cũng có khi chúng tôi cùng đạp xe ra ngoại thành Hà Nội, trên một con đường rất nhỏ bé im vắng. Hai bên cùng trồng một thứ cây tuy không lớn lắm, nhưng thẳng tắp nên thơ. Chúng tôi chuyện trò vô tư lự, dự tính sẽ tới thăm ai ? Nhưng chưa bao giờ chúng tôi tính toán đến tương lai. Buổi trưa ở chốn này, tuy cách Hà Nội không xa, nhưng sao mà vắng lặng thế ! Chung quanh không thấy bóng người, họa hoằn từ xa có tiếng chó sủa, hay tiếng chim chiu chít trên cành cây. Đời sống lúc đó yên lành làm sao ! Ai có thể tiên đoán được, chỉ hơn một năm sau, mọi sự vật đã thay đổi nhanh chóng. Ngay chính bản thân chúng tôi cũng không ngờ là đã phải rời Hà Nội để đi tới một nơi hoàn toàn xa lạ ở nước ngoài để sinh sống !

Cuộc đời có những biến chuyển không ngờ, nhưng không phải là ngẫu nhiên ! Ngày tháng trôi qua, cảm tình giữa chúng tôi đã bắt đầu nảy nở, anh không giấu giếm tôi chuyện gì. Một sợi dây vô hình đã kéo chúng tôi lại. Xa nhau chúng tôi đều cảm thấy thiếu thốn thứ gì, ở bên nhau mới thấy yên tâm và không thấy cô đơn nữa.

Nói về tính tình và sở thích riêng thì tôi và anh Bách có nhiều chỗ không giống nhau. Tôi yêu chuộng thể thao, thích náo nhiệt, tôi thường hay có mặt tại sân vận động, và hay chơi đùa với các bạn học, kể cả trai và gái. Tính tôi hấp tấp vội vàng nghĩ đến việc gì nên làm là làm ngay. Nhưng một mặt khác, vì ảnh hưởng gia đình, những bi kịch của thời đại, cộng thêm sự xung đột tư tưởng mới và cũ lúc đó, nên đối với tình cảm riêng tư, tôi thường dè dặt, thận trọng và còn bảo thủ nữa.

Anh Bách thì tính tình ôn hòa thận trọng, việc gì cũng nghĩ kỹ rồi mới làm. Anh thích yên tĩnh, buổi sáng anh thường đọc báo với cốc cà phê nóng mà anh tự pha lấy. Anh không bao giờ nói tới những khuyết điểm của người khác. Trái lại anh hay nhắc tới ưu điểm của những người quen biết. Anh nói nếu cả hai đều tính tình giống như anh thì buồn quá !

Chúng tôi giống nhau ở tư tưởng, cả hai đều phản đối chính sách đế quốc thực dân, phản đối chế độ phong kiến bất công. Chúng tôi tính tình ngay thẳng, thành thật, không ưa những thứ giả dối, hào nhoáng bề ngoài, mà lúc đó thường thấy trong xã hội.

Mãi tới hè năm 1945, cảm tình giữa chúng tôi ngày một khăng khít. Lần đầu tiên anh tỏ ý với một người con gái và cũng là lần đầu tiên mới hiểu thế nào là yêu ! Vì chúng tôi không những là hai người yêu mà còn lẫn cả tình cảm lo lắng cho nhau như hai anh em ruột thịt nữa. Anh nói :

«Chúng ta không phải là một cuộc hôn nhân tầm thường, nhưng là sự gắn bó của tâm hồn. Thời gian dù có thay đổi, nhưng không có gì lay chuyển được sự gắn bó giữa chúng ta.»

Tôi cũng quyết định cùng vận mệnh với anh ! Cảm tình này đã qua mấy năm thử thách, bất chấp mọi trở ngại, đã vượt qua nhiều sự thử thách và khó khăn của gia đình, chủng tộc và xã hội vì lúc đó rất ít con gái người Hoa và người Việt có thể đi đến hôn nhân. Phải chăng đây là «Tiền duyên đã định».

Một lần, sau khi cùng xem xong cuốn phim tả về một tình cảm éo le, khó giải quyết trong thời kỳ thế chiến,

anh đã nói với tôi :

«Theo ý anh, thì không có gì khó giải quyết cả. Với nguyên tắc «giữ vững phẩm cách con người, và đạo đức mới trong xã hội», ta lúc nào cũng có thể dùng «thắng thắn và dứt khoát» để giải quyết mọi vấn đề, dù là vấn đề tình cảm éo le».

Lời nói cũng như hành động, suốt đời đã chứng tỏ anh là một người rất thận trọng về vấn đề tình cảm và gia đình.

VI. Những Nhân Vật Của Thời Đại

Một hôm vào cuối tuần mùa thu năm 1943, anh Bách rủ tôi tới tòa báo thăm anh Long (tức Hoàng Đạo). Tôi hơi ngần ngại vì lúc đó tôi chỉ là một học sinh trung học, không rõ các ông nhà báo ra sao ?

«Sao, sợ không dám tới à ?»

«Không ! em có sợ gì đâu ?»

Tuy nói vậy, nhưng tôi vẫn thấy ngại ngại. Tòa báo «Ngày Nay» ở bên phải đầu phố Quan Thánh, chung quanh có hàng rào sắt, trên sân trồng nhiều cây hoa, có cả mấy khóm trúc màu vàng nữa. Tầng dưới là nhà in và ban trị sự, nhiều nhân viên đang làm việc bận rộn chung quanh những nhà máy in lớn, tiếng máy nhip đều đều, mùi dầu xông lên khắp phòng. Chúng tôi đi quanh, rồi lên gác.

Trên gác là tòa soạn. Vừa lên gác, thì đã thấy ngay phòng khách rộng, vừa là chỗ hội họp. Ở giữa là chỗ làm việc với một số bàn, bên phải là phòng riêng của anh Khái Hưng. Có lẽ là chiều thứ bảy, nên chỉ có ít người ở đây. Khi thấy chúng tôi đến, mọi người đều quay ra nhìn, chắc không thấy gì làm lạ, nhưng đều tỏ vẻ hoan nghênh và có thiện cảm. Anh Bách trở vào một

người bên bàn, xem ra gần bốn mươi tuổi, cũng mũi cao, mắt sâu, lông mày rậm. Anh nói :

«Đây là cô Liên, đây là anh Long» Anh giới thiệu.

Anh Long tươi cười mời tôi ngồi. Anh người khô trung bình, mắt ngang rất sáng, mới trông cũng biết anh là người cởi mở, không có thành kiến. Không biết lúc đó anh có nghĩ là em mình tại sao lại có cô bạn nhỏ như vậy không ? Anh Long vui vẻ hỏi tôi :

- «Cô có thích đọc tiểu thuyết không ?

- «Có, em thích đọc tiểu thuyết chữ Hoa và chữ Việt. Lúc còn nhỏ, mỗi khi ốm nghỉ học ở nhà, mẹ em thường mua tờ ‘Phong Hóa’ để em đọc chơi. Lúc đó em thích nhất là những mục vui cười, những tranh hài hước như những lời đối thoại của Lý Toét và Xã Xệ.»

Anh nghe nói mỉm cười và còn hỏi tôi về việc học hành, sinh hoạt... Trước khi tôi ra về, anh có ký tặng tôi một cuốn sách và còn nói đùa một câu :

- «Chữ ký này, sau này rất có giá trị đấy !»

Vì là lần đầu tiên gặp anh, nên tôi không biết rõ anh là người thế nào ? Tài năng ra sao ? Chỉ biết anh làm việc tại tòa báo thì tất nhiên anh là người viết báo rồi.

Sau này tôi mới biết lúc đó anh mới được thả về từ trại giam của Pháp.

Còn anh Nguyễn Gia Trí, anh có bộ râu quai nón. Lúc đó anh ở cùng nhà với anh Bách, anh thường tiếp xúc với những hộp sơn, những vỏ trứng gà. Có lẽ vì thế nên tuy là họa sĩ, anh không thích diện, anh thường vận quần áo xuềnh xoàng với đôi dép cao su cũ kỹ. Tính anh ít nói và thẳng thắn. Hình như anh không để ý gì đến những sự vật chung quanh mình và cũng không thích giao thiệp với nhiều người.

Anh Khái Hưng đã hơn bốn mươi tuổi, người gầy gò nhỏ nhắn, nhưng lanh lẹn và rất vui tính, anh thường hay nói đùa với tôi. Trong những ngày làm việc bận rộn, thỉnh thoảng tôi có mang cơm đến nhà báo để anh Bách dùng. Nhưng có khi vì bận việc hoặc đang bận tiếp khách nên chưa kịp ăn, anh Khái Hưng đã cùng mấy người cháu của anh Bách như Tường Ánh, Tường Triệu «nắm thử» những món ăn, rồi còn khen là ngon nữa làm tôi không khỏi bật cười.

Cuối năm 1945, một hôm tôi tới thăm anh Bách. Lúc đó anh đã dọn tới chỗ gần nhà báo ở ngõ Châu Long. Khi lên gác, thấy cửa mở, tôi bước vào thì thấy có người nằm ngủ trên giường. Mấy hôm trước nghe nói có anh Nguyễn Tường Tam (tức Nhất Linh) ở xa về, tuy chưa

có dịp gặp anh, nhưng tôi đoán người này chắc là anh Tam.

Trong nhà anh Bách, trước kia có nuôi một con chó nhỏ, không ngờ tuần trước nó đẻ ra một đàn bốn con chó nhỏ, chúng đều lông xù, khỏe mạnh, mau lớn và rất đáng yêu ! Thấy tôi đàn chó theo tôi lên gác. Lúc đó tôi chẳng nghĩ ngợi gì, bắt luôn đàn chó lên giường anh Tam đang ngủ rồi bỏ ra về. Trên đường về, tôi nghĩ lúc này anh Tam đang bị đàn chó quấy rầy, nhưng anh sẽ không thể nào đoán ra là tôi vì anh chưa gặp tôi bao giờ.

Mấy hôm sau tôi lại gặp anh Tam, anh cười tủm tỉm nhìn tôi từ đầu đến chân. Có lẽ anh đang nghĩ, đích là tôi đã bắt đàn chó bỏ lên giường anh. Nếu biết là tôi thì không hiểu anh nghĩ thế nào ?

Lần đầu tiên tôi gặp anh Vũ Hồng Khanh, thấy anh người đầy đà, da ngăm đen, thân thể khỏe mạnh, tiếng nói hùng hồn, có vẻ là một nhà binh hơn là nhà chính trị. Lúc đó, anh rất bình dị, không khách sáo, và vì ở Vân Nam lâu năm, nên anh nói tiếng Vân Nam rất thạo. Còn chị Vũ thì gầy hơn và vui tính, trông chị đảm đang tháo vát có lẽ vì đã trải qua nhiều gian nan trong thời kỳ lưu vong trước kia tại Trung Quốc.

Anh Xuân Tùng thì bình dị hơn cả. Lúc nào cũng thấy anh quần áo xuềnh xoàng kè kè điều thuốc lảo. Nghe nói trước kia anh chuyên làm công tác bí mật trong thời Pháp thuộc. Lúc nào cũng thấy anh vội vội vàng vàng, như có nhiều việc đang đợi anh làm, nên không bao giờ thấy anh ngồi lâu được.

Còn anh Lê Ninh, người nhỏ nhắn. Lúc đó anh đang mắc bệnh và tới nhà anh Bách ở để tiện chữa chạy. Tuy là người bệnh, nhưng tôi thấy anh chăm chỉ lạc quan, không bao giờ tôi thấy anh tỏ ra mệt mỏi. Tôi có mua tặng anh một chiếc phích nước nhỏ để anh tiện dùng khi uống thuốc. Thời gian đó mọi người đều bận công việc. Anh Bách thì ngày đêm ở nhà báo, nên dù có bệnh, anh Lê Ninh vẫn phải tự nấu nước uống hay tự giặt quần áo.

VII. Thời Kỳ Biến Loạn

Vì sợ quân Pháp tại Đông Dương làm nội ứng cho Đồng Minh, nên quân Nhật đã đảo chính quân Pháp và tự nắm chính quyền thống trị. Ngày 9-3-1945, hôm đó sáng dậy thấy mọi người nhón nháo khác thường, lại thấy lính Nhật đi lại rầm rập ở ngoài phố. Góc những phố lớn thấy lính Nhật canh gác, nhưng không thấy có sự xô xát gì đáng tiếc xảy ra.

Có tin quân Nhật đã đảo chính, lại vì Nhật bề ngoài tuyên bố để Việt Nam độc lập, nên dân chúng reo hò nên đô hộ Pháp đã sụp đổ, mọi người đều phấn khởi hoan hô, họ hạ cờ Pháp, hạ tượng Paul Bert ở công viên...

Thời cục vẫn căng thẳng, máy bay Mỹ luôn luôn thả bom vào những thành phố miền Bắc để chặn đường, kèm chế quân Nhật tiến xuống Đông Nam Á. Còi báo động inh ỏi, một lần bom ném trúng hầm trú ẩn thô sơ ở chỗ chợ Hàng Da, làm cho biết bao dân vô tội bị chết và bị thương dù rằng những quả «bom» ném xuống chỉ có 50 lbs thôi. Những chiếc «băng ca» mang những người bị thương vào nhà thương Phủ Doãn phải xếp hàng từ cổng nhà thương tới phòng mổ (dài độ 5, 6 mươi mét). Chính mắt tôi trông thấy nhiều người chưa đợi

đến phiên mình mà đã tắt thở. Trên nhà mồ, bên cạnh hành lang cũng nằm la liệt những người bị thương, gồm cả xác chết và người bị thương. Tất cả nhân viên nhà thương đều mệt lử và không biết làm đến bao giờ mới xong. Một chuyến tàu thủy chở hành khách từ Hà nội xuống Nam Định, giữa đường trúng bom, lại mấy trăm người bị chết đuối. Rồi lại có tin hai đầu xe lửa húc nhau, hàng trăm dân bị chết và bị thương...

Chẳng bao lâu thì có tin nhiều nông dân bị chết đói do bọn thực dân Pháp và kẻ xâm lược Nhật tạo ra. Nông dân phải nộp thóc hai lần rồi nạn đói từ nông thôn lan ra tỉnh thành. Thành phố Hà nội bắt đầu thấy những người dân gầy còm thất thểu trên các đường phố. Họ đói quá phải cướp những bánh trái của những người bán hàng rong. Có người đi ăn xin... số người này, ngày càng nhiều...

Sáng nào tôi cũng thấy có những người kéo chiếc xe bò đi nhặt xác. Vì đói lâu, nên những xác chết nhẹ và bé đi. Họ chồng chất trên chiếc xe bò nhỏ trông như chở những con lợn đã bị mổ, chỉ khác là trên xác chết có phủ chiếc chiếu, nghe nói là đem tới ngoại ô để vùi. Mãi đến mấy tháng sau mới dứt. Cũng do đó mà giá thóc gạo, đồ ăn ở Hà nội cũng tăng lên rất đắt. Sinh hoạt đâm ra khó khăn.

Trong khoảng thời gian này, có người bạn anh Bách là anh Dương Đức Hiền tỏ ý muốn gặp anh Bách để bàn chuyện. Hiền trước kia là bạn cùng một chí hướng và cùng tham gia vào một tổ chức quốc gia. Sau này tổ chức bị Pháp khủng bố, qua một thời gian sau đó, anh ta tham gia vào phong trào Việt Minh và sáng lập Đảng Dân Chủ.

Anh Bách nhờ tôi trao một bức thư hẹn tới một ngày trong tuần sau sẽ gặp anh ta tại nhà tôi. Anh ta vui vẻ nhận lời, không ngờ đến ngày hẹn, không thấy anh tới. Sau này mới biết, vì có việc khẩn cấp, anh ta phải lên Thái Nguyên ngay.

Nếu anh không đi, ở nhà tôi sẽ diễn ra một cuộc họp «lịch sử» vì Dương Đức Hiền muốn hô hào đoàn kết với các phái quốc gia và rủ anh Bách tham gia vào hàng ngũ Việt Minh, lúc đó đang họp tại chiến khu của họ. Song lúc đó, anh Bách cùng với các anh em khác đã tham gia vào Việt Nam Quốc Dân Đảng rồi nên về sau dù có gặp cũng không thể thực hiện được.

Anh Bách lúc này đã tốt nghiệp y khoa, nhưng vì công việc chung cần đến, anh đã bước sang một con đường mới - cầm bút để chiến đấu ! Chế độ thực dân Pháp đã bị đập đổ, từ Ngày Nay bộ mới ra đời và anh Bách giữ chức Chủ Nhiệm. Thời kỳ này, người ta có thể

tự do phát biểu ý kiến và nguyện vọng mình cho nền độc lập tự do của dân tộc, khác hẳn với thời kỳ Pháp thuộc. Báo này được dân chúng hoan nghênh nên bán rất chạy.

Nhưng thời cục biến chuyển nhanh. Báo Ngày Nay đình bản. Từ Bình Minh ra đời cũng do anh Bách làm chủ nhiệm. Anh chuyên viết những bài bình luận chính trị, có tính chất chiến đấu hơn. Tôi còn nhớ bài bình luận đầu tiên trên báo này, cũng với đầu đề «Bình Minh». Từ mỗi câu, mỗi dòng anh đã chan hòa tâm tình của anh vào đấy. Anh viết ra tâm lòng của những thanh niên có chí hướng. Anh cổ động thanh niên nên đứng lên làm chủ của thời đại, tranh thủ cho đất nước nhà được tự do độc lập thực sự ! Những bài của anh viết đã làm mọi người phấn khởi lên, thêm tự tin với tương lai. Lần đầu tiên tôi thấy trên báo chữ Việt có bài viết mang đầy tính chất kích động như vậy.

Tôi thường là độc giả đầu tiên của một số bài bình luận chính trị của anh lúc đó. Có bài tôi không hiểu lắm, cần được anh giảng giải, có bài tôi tán thành, nhưng cũng có bài tôi không đồng ý mấy. Chúng tôi thường hay tranh luận rất gay go.

Tháng 8 năm 1945, quân Nhật đầu hàng, tất cả mọi người đều vui mừng. Chúng tôi tổ chức những buổi ăn mừng. Lại có tin quân Trung Hoa tới tiếp thu vũ khí quân Nhật ! Chúng tôi thành lập những đoàn thanh niên chuẩn bị tiếp đoán, nên ngoài giờ dạy học, tôi cũng rất bận rộn.

Sau này tôi mới biết quân Nhật trước khi thất bại, chúng đã thủ tiêu những thanh niên yêu nước Hoa Kiều dọn chỗ để giam giữ những thanh niên yêu nước Việt Nam.

Chúng cho đào một hố lớn tại ngoại thành Hà Nội, bắt «tội phạm» xếp hàng đứng bên hố, chúng gọi tên từng người một, còn hỏi có gì nói nữa không ? Cố nhiên mọi người đều lắc đầu, tức thời tên đao phủ hạ dao lên đầu xuống, hấn đập ngay xác chết xuống hố, kết liễu một đời người ! Tất cả hơn bốn chục người đều chung một số phận, trong đó có một phụ nữ. Trong số người hy sinh này có bốn người là bạn học cùng trường với tôi.

Sau khi quân Nhật đầu hàng, hố này được đào lên, thi thể được chôn cất chu đáo tại Láng, còn lập bia lớn để lưu niệm nữa.

Đặt bó hoa khi đứng trước mộ này, tôi không sao cầm được nước mắt.

Lúc đó tại Hà nội có những cuộc biểu tình rầm rộ xảy ra để ủng hộ nền độc lập Việt Nam. Việt Minh nhân dịp cướp chính quyền và thành lập chính phủ. Quân Trung Hoa tới tước khí giới quân Nhật. Các đảng phái Việt Nam công khai ra hoạt động. Lúc đó tôi mới biết anh Bách đứng vào phe Quốc Gia đối lập với Việt Minh. Quen nhau được ba, bốn năm trời tôi chỉ biết anh là sinh viên trường thuốc, và đồng thời biết anh thích viết văn làm báo thôi. Tôi biết anh có tư tưởng tiến bộ, anh không chỉ phản đối chế độ thực dân, anh còn không ưa những truyền thống cổ hủ. Anh căm ghét những sự xấu xa trong xã hội lúc đó. Tôi chỉ mang máng biết anh có tham dự hành động bí mật chống Pháp thôi.

Không lâu thì tờ Bình Minh đình bản, tờ «Việt Nam Thời Báo» ra đời, do ông Nguyễn Trọng Trạc làm chủ nhiệm, anh Bách làm chủ bút. Tờ báo này có tính chất thông tin trung lập. Tôi được mời làm trợ bút tờ báo này.

Chẳng bao lâu từ «Việt Nam Thời Báo» đình bản. Tờ «Việt Nam» ra đời. Tờ báo này là cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Anh Bách được ủy nhiệm làm chủ nhiệm tờ báo. Lúc đó anh Bách cùng

các anh Khái Hưng, Hoàng Đạo làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt, công việc nặng nề, không khí khẩn trương. Các anh ngày đêm viết không ngừng, như có nhiều ý kiến tích trữ từ lâu, nay mới có cơ hội viết ra.

Ngày ngày anh phải đọc kỹ càng tờ «Cờ Giải Phóng» của Việt Minh để đối chọi với những quan điểm bất đồng. Anh viết rất say mê lại nhanh chóng. Mỗi ngày anh viết một hơi xong một bài bình luận chính trị mà không phải sửa chữa gì nhiều. Cũng có khi gặp phải vấn đề chưa giải quyết được anh mới tạm ngừng bút, tựa pha cốc cà phê uống. Kỳ thực lúc đó anh đang suy nghĩ về bài mình đang viết. Sau đó anh lại viết tiếp, quên cả no lẫn đói.

Đầu năm 1946, anh Bách ở luôn nhà báo cho tiện làm việc. Mỗi khi ra ngoài phải có người bảo vệ. Anh bận rộn đến nỗi tóc không cắt, râu không cạo, đầu tóc bờm xờm như người «vô gia cư». Anh gầy hơn trước nhiều. Lúc đó có người quen trông thấy cũng khó mà nhận ra được anh.

Trong thời kỳ này, anh tổ chức Quốc Gia Thanh Niên Đoàn, lấy khu Ngũ Xá làm trụ sở. Cũng có một số phụ nữ tham gia, ngày ngày luyện tập quân sự. Sau này lấy cả chỗ nhà riêng của anh Bách để làm việc. Tất cả mọi người rất nhiệt tình vẽ những bức tranh tuyên truyền,

viết những bài hô hào kêu gọi đồng bào tham gia vào hàng ngũ cách mạng. Ai nấy đều làm việc như không biết gì là mệt mỏi.

Thời kỳ này, là thời kỳ có một không hai trong đời anh, đầy đầy những khó khăn sôi nổi và nguy hiểm. Dân chúng thấy những người bán báo và cấm bán báo «Việt Nam» xô xát nhau. Có người muốn đọc báo «Việt Nam» thì lại bị cấm, xem thế cũng đủ rõ tình thế khốn trương như thế nào.

Trong thời gian này, anh Bách có nhờ tôi vay hộ một số tiền lớn rất cần cho nhà báo - một vạn tiền «quan kim» (tiền Trung Quốc lúc đó cao hơn tiền Việt Nam năm, sáu lần). Tôi vay được ngay vì bạn học tin tôi. Lúc đó tôi cũng hơi lo nếu vì thời cục mà anh không trả lại được thì tôi sẽ mất lòng tin với bạn học của tôi. May hai tháng sau anh trả lại, tôi mới trút được gánh nặng vì số tiền quá lớn, tôi không có khả năng trả hộ cho anh.

Trong thời kỳ này, cũng có một số bạn cũ của anh đã theo dõi trên báo và biết được những hoạt động chính trị của anh. Có người đến nhà báo để tìm gặp anh vì họ quan tâm đến sinh hoạt và an toàn của anh. Cũng có người viết thư hay nhắn người để muốn gặp anh... Nhưng trong lúc này, anh đã dành hết thời gian và tâm trí vào công việc chung, đoạn tuyệt với mọi dĩ vãng.

Tháng 5, năm 1946, anh từ biệt Hà Nội lên chiến khu của phái Quốc Gia làm việc. Anh đã làm những việc gì, với chức vụ gì, tôi không rõ lắm. Chỉ biết anh bận, rất bận ! «Hội Kín» vĩnh viễn vẫn là hội kín đối với tôi.

Trong năm đó, nhiều sự kiện không ngờ đã dồn dập tới. Chúng tôi đều bận công việc, ít thì giờ nghĩ đến chuyện riêng tư. Tôi ra dạy học tại hai trường Hoa Kiều. Sáng dạy tại trường ở Ngõ Gạch, chiều dạy tại trường Hàng Than. Buổi tối tôi dịch những bản tin từ chữ Hoa ra chữ Việt cho tờ «Việt Nam Thời Báo». Thỉnh thoảng tôi cũng viết những bài thông tin hoạt động của thanh niên Hoa Kiều trên tờ nhật báo Việt Hoa. Tôi cũng tập viết những bài bình luận về vấn đề phụ nữ trên tờ «Ngày Nay». Công việc tuy rất bận, nhưng tôi cảm thấy vui mừng vì tôi đã làm theo ý nguyện mình, nhất là tôi đã bắt đầu sống tự lập !

Trong thời kỳ này cũng như cả về sau, tôi vẫn giữ nguyên tác phong trong thời học sinh - nghĩa là vẫn ăn mặc giản dị, không trang điểm phấn sáp gì cả, và vẫn lạc quan, cởi mở.

VIII. Từ Biệt Hà Nội

Tình thế Việt Nam trong năm 1946 biến đổi rất nhanh, quân Trung Hoa theo hiệp ước Trung Pháp, sắp rút quân ra khỏi Việt Nam. Quân Pháp sẽ chiếm lại miền Bắc, xem ra sẽ không tránh khỏi được chiến sự. Anh Bách lúc đó lại ở chiến khu, ít có tin tức gì về. Một số bạn học của tôi cũng đang sửa soạn đi các nơi học. Tôi cũng dự tính tiếp tục lên đại học tại Trung Quốc.

Về Nam Định xin phép ông bố và được ông đồng ý để tôi tiếp tục học lên đại học. Ông cho tôi một số tiền sinh hoạt trong hai năm và một tờ giấy khai sinh quốc tịch Pháp. Lúc đó tôi mới biết sự này. Ông nói :

«Mỗi năm nghỉ hè, con phải về thăm nhà một lần. Nếu con học giỏi sau này ba sẽ cho con sang Pháp học...»

Tôi không ngờ rằng lần gặp gỡ này là ngày vĩnh biệt với người cha ! Vì sau này tôi không còn cơ hội gặp lại ông nữa... Ấn tượng gia đình lúc đó đối với tôi do một người em cùng cha khác mẹ kể lại như sau : Với tuổi 19, 20 thân thể khỏe mạnh, dễ thương. Tôi vận áo sơ mi trắng, váy màu lam ngồi trên xe tươi cười vẫy tay chào mọi người trước khi lên đường trở về Hà Nội... Đó là

lần cuối cùng tôi trở về thăm đất Nam Định.

Nhân dịp này tôi tới thăm gia đình bác sĩ Nguyễn Trinh Cơ tại túc xá nhà thương Nam Định.

Bác sĩ Cơ đổi xuống Nam Định làm Viện Trưởng nhà thương tỉnh này, rất mau ông được tín nhiệm của dân chúng, họ đồn ông là một bác sĩ giỏi.

Bố tôi là người chỉ tin Tây Y, nay trong nhà lại có đàn con nhỏ, nên ông đã chịu khó cầu kỳ làm quen với ông Bác Sĩ mới tới đây, và sau đó ông biết ông bác sĩ này có quen tôi. Nay nhân dịp tôi về Nam Định, ông bảo tôi đem quà biếu để tỏ lòng cảm ơn.

Chúng tôi rất vui mừng được gặp bác sĩ Cơ ở đây, chuyện trò không ngắt. Ông còn giữ tôi ở lại ăn cơm. Cuối cùng còn thân tiễn tôi về nhà.

Khi được biết mọi sự, chắc bố tôi rất lấy làm ngạc nhiên - một ông bác sĩ có tiếng ở tỉnh này, sao đối với con mình lại thân tình như vậy ?

Trước khi đi xa, tôi đến thăm mộ bà và mẹ tôi tại Quảng Bá. Tôi cho bà và mẹ tôi biết tôi sắp đi học xa, mong hai người phù hộ cho tôi sau này bình an trở về.

Tôi có tới thăm nhà anh chị Long ở phố hàng Vôi. Nhà đây hai tầng, phòng khách không rộng lắm nhưng rất ấm cúng. Đây là lần đầu tiên tôi gặp chị Long. Chị người dong dỏng cao, ăn nói ngọt ngào. Anh chị tiếp tôi rất niềm nở, còn gọi các cháu ra chào. Lúc đó Minh Thu độ 10 tuổi, Ánh 8 tuổi, Lan độ 6 tuổi. Tất cả đều xinh xắn và lễ phép. Thấy tôi là người lạ nên các cháu dựa vào mẹ để nhìn tôi.

Anh chị có hỏi tôi chuẩn bị xong chưa ? Bao giờ mới lên đường ? Ở đó có người quen không ? Định học môn gì ?...

Tôi cho anh chị biết cùng đi với tôi có mấy người bạn và ở Côn Minh tôi cũng có nhiều người quen... Chúng tôi nói chuyện rất thân tình như anh chị em trong nhà.

Tự nhiên tôi nghĩ có lẽ phải lên chiến khu cho anh Bách biết tôi dự tính đi học. Kỳ thực lúc đó, tôi cũng không biết anh hiện đang ở đâu ? Chiến khu ở chỗ nào ? Sau hỏi ra rồi tôi mới đáp xe hơi, sau chuyển sang đi thuyền đến Việt Trì. Vừa đặt chân tới đất này, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng rất mau tôi lại cảm thấy không khí khẩn trương, người đi lại rất ít. Thỉnh thoảng lại nghe có tiếng súng nữa. Tôi tìm đến trụ sở thì gặp ngay anh Bách và anh Vũ. Có lẽ anh cũng không ngờ tôi lại đến thăm anh trong lúc này. Tôi cho anh biết tôi dự tính

đi Trung Quốc học. Lúc đó chúng tôi cũng không biết bao giờ mới gặp lại nhau vì trong thời buổi loạn lạc này, không ai có thể tiên đoán được tương lai ! Mà lúc đó anh cũng không nói cho tôi biết đảng bộ và quân đội của Việt Quốc đã dự định rút khỏi Việt Trì để lên Yên Bái.

Sáng hôm sau, tôi đáp thuyền rồi đổi sang xe hơi trở về Hà Nội. Giữa đường tôi thấy có hai chiếc xe hơi trên cẩu cờ Việt Minh và cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau này tôi mới biết đó là phái đoàn của chính phủ lên hòa giải mà trong đó có anh Long.

Xe tôi đáp đi được nửa đường bỗng nhiên dừng lại. Lên xe là một anh nông dân vận quần áo nâu. Anh ta khám xét hành lý. Khi thấy tôi có chiếc máy ảnh, anh ta bắt tôi xuống xe, cùng đi với tôi còn có một thanh niên nữa. Tôi bị đưa đi khá xa tới một trạm gác, ở đó có một người vận quần áo vàng có lẽ là cán bộ Việt Minh ? Anh ta hỏi và ghi cẩn thận tên tuổi, từ đâu đến, tới thăm ai với lý do gì... Tôi trả lời rất lưu loát, cố nhiên là khai man cả. Tôi còn nói chiếc máy ảnh cũ đó tôi có thể bỏ lại vì nó không đáng giá gì. Ghi xong hẳn ta không thấy có gì khả nghi, nên đưa tôi tới một nhà Hoa Kiều ở gần đó ngủ lại một đêm, rồi sáng hôm sau tôi đáp xe hơi trở về Hà Nội.

Về tới Hà Nội, tôi cảm thấy như trút được gánh nặng. Một hôm có người lạ mặt đến nhà tôi, tự giới thiệu là bạn thân của các anh, nay cần \$200 để làm việc chung, tuần sau sẽ trả lại ngay. Tôi cho vay, lẽ cố nhiên là anh ta không giữ lời hứa. Nhưng sau đó tôi cảm thấy nghi ngờ, tại sao người này biết nhà tôi mà tới ? Hình như có linh tính báo cho tôi biết, sắp có việc gì bất ổn xảy ra !

Tôi vội vàng tìm ra những tài liệu tôi tích trữ, kể cả những bài bình luận chính trị anh Bách viết (tôi có thói quen cất báo) đem ra hủy bỏ, vì tôi cho rằng sau này muốn tìm lại tài liệu này không khó.

Hình như tôi đã nhầm, vì sau này chính tác giả cũng khó lòng mà viết ra được nguyên văn như hồi đó, vì thời thanh niên bông bột của tác giả đã qua rồi.

Trước khi rời Hà Nội, tôi cũng không quên tới cáo từ gia đình bác sĩ Tôn Thất Tùng và Phạm Biểu Tâm.

Mang theo số tiền của gia đình, tiền lương làm việc trong một năm, lấy trước tiền thuê nhà một năm, một ít tư trang của bà mẹ để lại. Tôi dự tính đi Côn Minh vì đây là con đường giao thông tiện lợi nhất lúc đó. Vì chuyến bay thì ít mà người đi thì nhiều nên vé máy bay rất hiếm. Tới chỗ hàng không Trung Hoa ở phố Tràng Tiền thì ở đó nói vé đã bán hết rồi. May trên đường

về tôi gặp anh Nghiêm, lúc đó là thứ trưởng bộ Ngoại Giao, anh đang lái chiếc xe hơi màu trắng, thấy tôi anh dừng xe lại. Khi được biết tôi chưa mua được vé máy bay anh viết ngay cho tôi trên tấm thiệp giới thiệu tôi là «bạn thân của anh nay lên Côn Minh học cần mua một vé máy bay». Cũng anh bán vé đó, nay lại bán ngay cho tôi một vé máy bay với giá chính thức là 200 đồng (lúc đó giá chợ đen là 1000 đồng). Chắc anh bán vé này cũng đang lấy làm lạ, sao tôi lại là «bạn thân» với ông thứ trưởng này ?

Trước khi lên đường, các bạn học tôi tổ chức một cuộc tiễn chân tại chùa Một Cột. Ngồi trên bãi cỏ, chúng tôi cùng bày tâm sự, mỗi người mỗi cảnh. Lúc đó chúng tôi không ai có thể tiên đoán được tương lai sẽ ra sao ? Sau này không biết có cơ hội còn gặp lại nhau nữa không? Chuyện trò mãi đến chiều, ai nấy đều thấy buồn ngủ, luyến tiếc những ngày tuổi thơ đã qua, những cảm tình trong trắng giữa các bạn học. Cuối cùng chúng tôi trao đổi quà và không quên chụp mấy tấm ảnh làm kỷ niệm.

Đầu tháng 7 năm 1946, tôi từ già Hà Nội. Có mấy bạn học ra tiễn. Khi xe ra tới đầu cầu Gia Lâm tôi khẽ tự nói :

«Tạm biệt Hà Nội ! Không biết bao giờ ta mới trở lại đất này !»

Lúc đó tôi cũng không ngờ chuyến đi này tôi đã đi thẳng và không còn cơ hội quay trở lại nữa.

Hà Nội là nơi tôi sinh ra và trưởng thành. Tôi đã sống ở đây hai mươi năm trời với bao kỷ niệm vui buồn !

Sông Hồng với nước phù sa đỏ chảy lừ lừ dưới chân cầu. Hình ảnh đó về sau này vẫn còn in trong đầu tôi như mới ngày hôm qua.

Kể từ lúc đó, cuộc đời tôi đã bước sang một thời kỳ khác hẳn với trước và đầy đầy những sự không lường được.

Tương lai thế nào đương tới với tôi ? và anh Bách sẽ ra sao ?... Còn có trở lại được Hà Nội, lại đứng bên bờ sông Hồng như những năm niên thiếu vô tư lự ngày xưa không ?

Sau khi tôi rời Hà Nội được mấy tháng, quân Trung Hoa rút khỏi Việt Nam. Tôi nhận được thư của mấy người bạn thân và bà thuê nhà cho biết có người lạ mặt tới nhà lùng tìm tôi ! Thực ra tôi đâu biết gì về những việc anh Bách đã làm, ngoài những việc đã công khai. Từ trước đến nay, tôi không bao giờ tìm hiểu hay muốn biết những hoạt động chính trị của anh vì tôi cho rằng không có lợi gì đối với công việc chung.

IX. Côn Minh Và Trường Đại Học Vân Nam

Hồi đó trên con đường giao thông Hà Nội - Côn Minh, chưa có máy bay chuyên chở hành khách. Tôi đáp máy bay hồi đó, là một máy bay vận tải nhỏ của quân đội Trung Hoa, tạm đổi thành chở khách, mỗi chuyến chở được vài chục người... Trên máy bay, hai bên có hai hàng ghế gỗ dài đơn sơ, chỉ khác là có giây an toàn. Ở giữa là chỗ để hành lý của mọi người. Trên máy bay không có người tiếp viên nào ngoài anh phi công. Sau hai tiếng đồng hồ, máy bay đặt cánh trên đất Côn Minh, có mấy người bạn học tôi ra đón.

Côn Minh là thủ phủ của tỉnh Vân Nam, một thành phố cao nguyên phồn thịnh nhất tại miền tây nam Trung Quốc.

Mới đặt chân lên đất này, tôi có cảm giác dân ở đây đông đúc, người đi lại đông như nước chảy, lúc nào cũng như ngày hội bên ta. Ở đây khí hậu tốt «bốn mùa như Xuân». Mùa hạ mát mẻ, mùa đông không lạnh lắm. Đường phố cũ kỹ, lát bằng những viên gạch gồ ghề. Tôi rất phục những anh tài xế xe bus ở đây. Xe thì lớn và chông chát hàng trăm hành khách. Đường phố thì hẹp người qua lại thì nhiều. Đây lại là thành phố ở trên núi, xe cứ phải luôn luôn lên núi xuống dốc. Anh tài xế chỉ

hơi đăng trí một chút là có thể có tai nạn ngay.

Tại Hà nội lúc đó hàng hóa thiếu thốn, những quầy hàng trống rỗng, còn ở đây thì hàng hóa rất nhiều. Chỉ trông vào những tiệm bán vải, những tấm vải chồng chất như những núi nhỏ thì đủ rõ. Cũng có một số hàng hóa của quân đội Hoa Kỳ để lại, như những vật dùng hàng ngày, quần áo, đồ hộp... bày la liệt ngoài chợ trời vào buổi tối.

Vì có giấy giới thiệu của nhà trường Hà Nội, nên tôi được ưu tiên vào ở nội trú tại trường đại học Văn Nam. Cổng chính của trường này ở ngay giữa thành con đường Thanh Vân. Cổng trường hẹp, có hai tay lính bông súng ngày đêm canh gác. Sinh viên mỗi khi vào trường phải giơ cao thẻ học sinh cho lính coi. Bên cạnh cổng có một buồng làm việc, ngày đêm có người thường trực để giải quyết những việc thường ngày. Tại đây có những hộp thư xếp theo thứ tự họ của sinh viên. Ai họ gì thì tới hộp đó mà tìm lấy thư của mình.

Đây là một trường đại học lớn nhất của tỉnh này. Trường chiếm cả một đồi lớn. Trên đồi toàn là những cây thông, cây bách cao lớn. Những con sóc từ cây nọ nhảy sang cây kia nhanh như cắt. Mỗi khi vào trường, mọi người đều phải trèo 99 bậc thang đá. Trong trường có nhiều kiến trúc đẹp và kiên cố, toàn dùng những

miếng gạch đỏ xây thành. Nhưng cũng có một số kiến trúc đơn sơ, tường xây bằng đất, cửa sổ dùng giấy bản thay kính, đây là dấu vết trong thời kỳ chiến tranh còn lại. Ngoài lớp học, còn có phòng thí nghiệm, thư viện, thực đường, túc xá. Lại còn có một nhà thương nhỏ, để sinh viên học thuốc tập sự. Một nông trường lớn, để sinh viên học nông trồng trọt. Ở đây hoàn cảnh yên tĩnh, thích hợp cho sinh viên học tập.

Chỗ nội trú của sinh viên rất đơn sơ, mỗi buồng độ 15 mét vuông. Kê bốn chiếc giường hai tầng, bên cạnh cửa sổ kê 8 chiếc bàn nhỏ và 8 chiếc ghế, đã là chỗ ở cho tám sinh viên. Được cái học ở đây không tốn kém tiền học và tiền ở lại được miễn phí. Sách vở giấy bút rẻ, mỗi tháng chỉ phải trả có \$9 đồng tiền ăn thôi. Ở đây, ai cũng quen ăn cay, món nào cũng xào với ớt. Tôi phải tới ăn tại nhà thực đường chuyên cho sinh viên Quảng Đông vì đồ ăn bớt cay hơn. Mỗi bữa chỉ có ít thịt xào với rau thôi, còn tôm cá thì là đồ ăn rất hiếm ở đất cao nguyên này. Cũng may rằng mỗi bữa có người gánh chiếc chảo nhỏ, dưới đẽ lò than để chiên thịt, lập xưởng hay trứng, mỗi món một hào nên cũng tạm đủ. Một điều khó hiểu là nhà trường rộng lớn như vậy mà tôi không sao tìm thấy một buồng tắm. Muốn tắm phải ra tiệm vừa đắt mà lại không vệ sinh tý nào.

Tại trung học, thì học sinh có một lớp cố định, nhưng tại đây thì khác. Mỗi giáo sư có một lớp cố định, giờ này họ dạy toán sinh viên này, giờ sau họ dạy toán sinh viên khác, nên chúng tôi cứ phải chạy hoài. Có khi hai lớp cách nhau quá xa, vừa học xong môn này, lại phải chạy tới tập đến lớp kia. Tất cả đều thở hồn hển, trông thật tức cười ! Một vài khi đột nhiên trời mưa, ai nấy đều ướt như chuột lột, may cái ở đây mưa ít.

Cổng sau cũng có lính gác nhưng đã là ngoại thành địa thế cao rồi, nên tôi thích đi cổng sau vì không phải xuống những bậc thang đá. Mỗi chiều thứ bảy, khi tôi ra khỏi cổng trường đã có trạm xe ngựa ở đó, đạp một quãng vào thành phố, rồi chuyển sang xe bus về nhà.

Phải chăng đây là một «thiên đường» mà biết bao thanh niên Hoa Kiều đã từng mơ ước ?

Côn Minh là một thành phố cổ, có nhiều di tích lịch sử như : Lầu Đại Quan, Thúy Hồ, Tây Sơn, mộ Ngô Tam Quế, đầm Hắc Long Nghe nói, năm sáu trăm năm về trước, có vợ chồng họ Tiết bị giặc đuổi tới đây, không chịu đầu hàng, nên nhảy xuống đầm này. Lúc đó trên trời sấm sét, mưa như trút nước, bỗng thấy có hai con rồng đen bay lên trời. Dân chúng cho rằng đó là biến thân của vợ chồng ông tướng đó, nên lập đền thờ. Người ta không khỏi rợn tóc gáy, khi vừa bước vào đền,

hai con rồng đen khổng lồ dài hàng chục mét tây, từ trên trần cao, rủ đầu xuống đất, chỉ trông lên đôi mắt sáng quắc cũng đủ sợ !

Công viên ở đây trồng toàn những cây bách, có cây trồng từ đời nhà Tống, phải bốn người lớn vòng tay mới ôm nổi. Còn cây mai trồng từ đời nhà Đường, cần cõ uốn mình trên khúc gỗ. Trên đồi công viên Viên-Thông, trồng toàn những cây đào và anh đào, mùa xuân hoa nở một vùng đỏ thắm thơm rực. Đi vào đây, như đi vào nơi tiên cảnh. Còn mộ Ngô Tam Quế thì chỉ là một ụ đất lớn, chung quanh toàn là những tấm bia, trên khắc toàn chữ cổ mà tôi đọc không ra.

Côn Minh cao hơn mặt biển 2000 thước, còn núi Tây Sơn lại cao hơn thành phố này hàng ngàn thước nữa. Ngồi trên xe Jeep, chạy theo ven núi, quanh co mấy chục vòng mới tới đỉnh. Ở đây nhìn xuống chân núi, người nhỏ như kiến. Ngoài ra còn có một cổng đá, trên khắc hai chữ «Long Môn». Nghe nói hàng triệu năm về trước, đây là đáy biển, hàng năm cá phải nhảy xuyên qua cổng này thì mới thành rồng. Cá chép vì không nhảy qua được mới khóc đỏ mắt. Trong chùa này còn thờ nhiều tượng Phật và có cả mười tám ông La Hán nữa.

Ở đây có những con vật cũng lớn hơn ở Việt Nam. Lợn chân cao, đứng xa trông cứ tưởng là trâu. Đất ở đây rất tốt, những củ su hào to bằng quả bóng đá, củ cải lớn bằng bắp đùi người lớn, bắp cải to bằng chậu rửa mặt. Còn về hoa quả, thì ai cũng biết đào Vân Nam có tiếng là lớn và ngọt. Quả mận cũng to và ngọt không kém gì, có thứ lê to bằng bát ăn cơm, gọi là «lê bát». Hoa quả ở đây, không những to và ngọt, lại còn rẻ nữa. Người ta bán từng chục quả một mà không cần cân kiếc gì cả. Ở đây có nhiều vườn họ chỉ trồng một thứ quả, như vườn đào, vườn lê, vườn lựu Người vào chỉ phải trả có năm hào tiền vào cửa, tha hồ hái ăn, nhưng nếu đem ra ngoài thì phải trả theo giá thị trường. Tôi đã từng vào những vườn này, chỉ trông những cành nặng trĩu những quả đỏ tươi cũng đủ sướng mắt.

Ở đây có những tiệm chuyên bán các món ăn làm bằng thịt bò, do những người theo Hồi giáo mở. Có những miếng thịt bò lớn, luộc nóng hổi treo ngay trước cửa tiệm để hấp dẫn khách hàng tới ăn. Bún «qua cầu» là một bát bún, trên bày những miếng thịt bò thái mỏng, bên cạnh có một bát nước canh sôi vàng mỡ. Khi ăn đổ bát nước canh sang bát bún. Lúc đói mà được ăn món này thì thực là tuyệt vời ! Lại còn có một món mì trộn với loại tương cay đặc biệt của Vân Nam. Mấy chục năm sau, mỗi khi nghĩ đến món mì này, tôi lại muốn

ăn, nhưng không sao tìm thấy được ở những thành phố khác.

Từ bé đến lớn, tôi thường vui đầu vào sách vở, ít tiếp xúc ngoài xã hội. Khi tới Côn Minh, tôi để tiền vào nhà băng để yên tâm học. Không ngờ hồi đó tiền bị sụt giá rất nhanh, chỉ nửa năm sau, tiền đã sụt gần nửa. Tôi không biết mua ngoại tệ để giữ giá, mà cũng không biết mua ở đâu vì ngoài mặt chính phủ cấm mua bán ngoại tệ. Cho tới ngày nay, mỗi khi nghĩ đến chuyện này, tôi thường tự trách mình là ngu xuẩn !

Ở đất xa xôi, tôi thường nhớ về Hà Nội, nhớ bạn bè, và những người thân. Nhớ những ngày còn là học sinh trung học vô tư lự. Ở đây phong tục tập quán không quen, và cũng không có bạn thân để tâm sự.

X. Gặp Lại Người Thân

Tối Côn Minh, sau một thời gian ổn định, tôi tìm đến trụ sở của VNQDD. Ở đó tôi gặp ngay anh Tam, đương khi ở xa lại gặp được người thân nên chúng tôi rất vui mừng. Anh vẫn vận chiếc áo khoác da màu nâu như khi ở Hà Nội. Anh thường đi với anh thông ngôn để giao thiệp với nhà đương cục ở đây. Ngoài ra tôi thấy nhiều tướng tá đến gặp anh.

Các anh thuê nhà có bốn phòng, hai phòng dưới nhà là chỗ để làm việc, hai phòng trên gác là phòng ngủ. Nhà ở một ngõ trên đường Kim Bích, đường này là đường chính của thành phố, lớn rộng, nhiều cửa hàng, người đi lại đông đúc. Anh Tam không thích ăn hoa quả, một lần anh thấy tôi ngẫu nhiên ăn một quả lê to, anh nhăn mặt và còn nói là anh không bao giờ ăn nó, nhưng anh lại thích ăn lựu. Lựu ở đây vỏ đỏ trông rất đẹp mắt, hạt lớn, mọng và lại ngọt nữa. Mỗi tuần khi ở trường ra, tôi thường mua biếu anh mấy quả. Vì công việc bận và có lẽ anh cũng chẳng bao giờ nghĩ đến mua, hay mua ở chỗ nào.

Mấy tháng sau, một sự không ngờ là tôi lại gặp anh Long. Nghe nói anh là đại diện của chính phủ Liên Hợp, lên Vĩnh Yên, hòa giải cuộc xung đột giữa phái Quốc

Gia và Việt Minh. Sau này anh lại từ Việt Trì lên Lào Cay, nay cùng một số anh em lên đường từ biên giới đi bộ tới Mông Tự rồi đáp xe lửa tới đây.

Anh Long gầy hơn trước nhiều, chỉ có mấy bộ quần áo thay đổi, quần áo rét cũng không có, vì lúc ra đi anh có ngờ đâu lại chạy dài như vậy ! Trong lúc chuyện trò cùng anh, tôi mới biết hiện giờ chị Long đang có mang. Anh lo cho người vợ phải trông nom bốn đứa con nhỏ, mà trong lúc này không biết tình hình trong nước ra sao? Anh còn cho tôi biết, trước kia mỗi lần sinh nở, các cụ thường bắt sản phụ phải kiêng ăn hàng tháng với nước mắm chung. Vì chiều lòng các cụ, nên anh phải vâng lời. Nhưng sau, anh thường tự tay nấu thịt cá cho vợ ăn.

Tính anh ít nói, thường trầm ngâm như đang nghĩ việc gì. Anh có thói quen là sau mỗi bữa cơm, anh thường đi tản bộ, độ nửa giờ sau mới trở về làm việc. Ban ngày tuy bận rộn, nhưng đến tối các anh thường quây quần đánh Belotte. Người ngoài trông thấy tưởng các anh nhàn nhã, kỳ thực lúc đó tình thế trong nước rất gay go, tương lai chưa biết ra sao ?

Sau này các anh dọn đến Phục Hưng tân thôn. Ở đây có buồng khách rộng lớn hơn và có buồng làm việc dễ chịu hơn. Lúc đầu mọi người còn đi ăn cơm hàng,

nhưng sau vì nhiều người quá, phải tự tay thổi nấu lấy. Mỗi ngày chỉ có rau đậu, có một món thường ngày là món đậu xị xào với ớt. Lúc đầu ăn còn thấy lạ miệng. Nhưng sau thì thấy còn ruột và khát nước. Mỗi bữa cơm hàng chục người đứng chung quanh những chiếc bàn gỗ kê ở sân, giữa bàn, bày một món ăn duy nhất là đĩa đậu sụn xào với ớt. Được cái mọi người đều cười nói vui vẻ. Rất lâu về sau, thỉnh thoảng tôi có làm món này cho thêm chút thịt băm và nói cho các con biết đó là «món ăn cách mạng».

Một buổi chiều mùa thu vào cuối tuần, tôi vội vàng ra trường để cùng các anh Tam, Long và các anh em khác ra ga Côn Minh. Ga ở đây kiến trúc đơn sơ nhưng rộng lớn, có đủ chỗ cho hàng ngàn người qua lại.

Mọi người đang đứng đợi, mãi lâu mới có một đoàn xe lửa từ từ tiến vào trong ga. Chuyến xe này từ Khai - Viễn tới. Tất cả mọi người đều chăm chú nhìn những hành khách đang xuống xe. Mãi sau có một anh chỉ cho mọi người nhìn theo, đằng xa có một toán người ăn mặc giống nhau, với những bị áo màu xanh đã bạc. Trên vai người nào cũng đeo một túi vải và chiếc bi-đông đựng nước. Tất cả đều gầy, đen và trông có vẻ mệt mỏi so với những hành khách khác.

Anh Bách gầy hơn hết, và đen rạm đến khó nhận ra. Được cái anh vẫn điềm tĩnh vui vẻ bắt tay mọi người. Cuối cùng tất cả đều vui mừng trở về trụ sở. Túi vải anh không có gì đáng giá, ngoài vài bộ quần áo thay đổi, áo len cũng không có. Trên tay anh có chiếc đồng hồ cũ và chiếc nhẫn tôi tặng cho anh trước kia, có lẽ là vật đáng giá nhất mà anh đã đem theo.

Nghe nói mấy tháng trước, anh vừa đánh vừa rút lui, đời sống gian khổ, không đủ ăn, đủ ngủ, lại còn nguy hiểm nữa. Nhiều khi đạn bay trên đầu, sống chết phó mặc cho «mệnh vận». Rồi lại đến khi từ Hà Khẩu lên Côn Minh, suốt hai mươi hôm trèo núi, qua đèo, lại còn phải đề phòng thổ phỉ cướp bóc. Trải qua bao gian hiểm mới tới được đây.

Vừa tới Côn Minh, không nghỉ ngơi gì, anh Bách đã tiếp tục làm việc ngay. Trong lúc này, ai chẳng mong ước có một giải pháp nào để có thể xoay đổi được tình thế Việt Nam !

Anh ham học, không bao giờ để phí thì giờ. Mỗi buổi sáng anh mua một tờ báo nhỏ, để tự học chữ Hoa. Trí nhớ anh khá, nên chẳng bao lâu anh đã nhận được nhiều chữ, mà lại vừa dễ biết thêm tin tức. Nhưng nếu nói về viết thì anh không theo quy định viết từng nét một, nên hay viết lộn. Mỗi khi tôi thấy anh viết là không nhận

được cười.

Sau đó không lâu, thì có anh chị Vũ Hồng Khanh, anh Xuân Tùng và nhiều anh em khác tới. Một số anh em ở lại Mông Tự, vì ở đây là thành phố nhỏ dễ kiếm việc làm. Các anh phần nhiều làm thợ cắt tóc, bồi bàn hay khuân vác trên con đường xe lửa Mông Tự - Côn Minh để kiếm sống.

Trong số những người mới tới này, tôi nhận thấy đại đa số là những thanh niên đầy nhiệt huyết. Họ đã vì dân, vì nước, vì lý tưởng mà ra đi... Nay tuy thất bại họ vẫn không oán hận ai cả... Nhưng gạo dù trắng cũng có khi có sạn, tránh sao được có người đã cho gia nhập vào hàng ngũ này để làm nơi «tạm trú», là chỗ để «chờ cơ hội», vì thế tôi cũng nghe thấy những lời trách móc oán hận...

Cũng có khi chúng tôi ra ngoài thành bằng xe ngựa, với tiếng leng keng, leng keng có nhịp ở những chiếc chuông treo trên cổ ngựa. Nghe cũng vui tai mà cũng là đặc sắc của chốn cao nguyên xa lạ này.

Một lần có con ngựa giở chứng, đột nhiên nó lùi ra đằng sau mấy bước. Người giữ ngựa không kiềm kịp, chúng tôi đều bị ngã xuống một lạch nước. May không sâu lắm, nhưng quần áo mọi người đều bị ướt sũng,

trong lúc mùa đông giá lạnh. Phải một con hú vía, người giữ ngựa cứ xin lỗi hoài, anh Tam đã trả đủ số tiền thuê xe và còn nói :

«Lần sau anh phải cẩn thận, vì nếu lạch này sâu thì nguy hiểm đấy !»

Chỉ một điều này đủ thấy anh Tam đối với dân nghèo bao giờ cũng có lòng nhân đạo khoan dung.

Chúng tôi gặp nhau trên đất xa lạ này, thực là không ngờ. Sự trùng phùng nhanh chóng này, làm tôi không khỏi nghĩ đến nhiều khi người ta chỉ khác nhau ở một bước đi, mà cả cuộc đời đã thay đổi hẳn. Mấy tháng trước nếu tôi thay đổi ý kiến ở lại Hà Nội. Tôi không khỏi rùng mình, khi nghĩ đến những sự kiện có thể xảy ra - bắt bớ, tù tội do những kẻ ngạo mạn, điên cuồng ! Sinh ly, tử biệt do chiến tranh bùng nổ ! Lại rất có thể vì hoàn cảnh ác liệt, thời gian quá xa xôi, đến khi có dịp gặp lại nhau, một sợi dây vô hình đã ngăn cản giữa chúng ta thì sẽ ra sao ?

Cuối năm đó, chúng tôi đã thành hôn với hình thức đơn giản, không thủ tục và cũng không có nhẫn cưới. Chỉ có lòng tin ở nhau, can đảm cùng bước vào tương lai còn mờ昧.

Mấy chục năm sau. Sau khi khi đã định cư, các con có biếu bố mẹ những chiếc nhẫn. Nhưng cảm tình chúng tôi có phải gắn bó bằng một tờ giấy hay một chiếc nhẫn đâu !

XI. Thành Phố Quảng Châu

Côn Minh là một thành phố miền núi tại nội địa Trung Quốc. Tin tức bế tắc, liên lạc về Việt Nam cũng khó khăn. Vì chiến tranh, nên con đường xe lửa Hà Khẩu - Côn Minh bị cắt đứt, chưa khôi phục được. Còn Quảng Châu li một thành phố có liên lạc với Hồng Kông, Ma Cạc Không những giao thông tiện lợi mà liên lạc về Việt Nam cũng dễ dàng nhanh chóng, vì thế năm 1947 các anh Tam, Long đến Quảng Châu. Sau này vì có hội nghị Hồng Kông, nên anh Bách cũng sang đó.

Hè năm đó, tôi cũng từ già Côn Minh sang Quảng Châu. Thành phố này không những lớn, tối tân mà còn là một tỉnh giàu nhất miền nam Trung Quốc. Hàng hóa không những nhiều mà lại còn có nhiều hàng từ Hồng Kông tới, và các nước Âu Mỹ đổ vào. Dân số đông đúc, cửa hàng san sát, toàn là những nhà ba, bốn tầng cao hơn ở Hà Nội. Ở đây khí hậu giống như Việt Nam, mùa hạ nóng chảy mồ hôi, mùa đông thì rét cóng tay. Đường phố rộng rãi, xe hơi cũng nhiều. Có khách sạn Ái Quân, cao 14 tầng là đáng chú ý hơn cả.

Trong năm 1947, thời cuộc Trung Quốc cũng chẳng tốt đẹp gì. Tại miền bắc Trung Cộng đã bắt đầu tấn công, tiền sụt giá rất nhanh, mọi thức ăn hàng ngày như

gạo, củi, ngày một tăng giá, thậm chí gạo mỗi ngày tăng giá mấy lần. Dân chúng hoang mang và hoan nghênh tiền Hồng Kông vì có giá trị cao hơn.

Lúc này ở Việt Nam, chiến sự liên miên, liên lạc với đôi bên gia đình bị cắt đứt. Anh Bách thường đi công tác xa, anh luôn luôn ra Hồng Kông, có khi còn đi Nam Kinh, Thượng Hải... Chúng tôi bắt đầu sống trong hoàn cảnh bấp bênh thiếu thốn.

Tôi còn nhớ lúc anh Bách cùng anh Vũ Hồng Khanh lên Nam Kinh cầu viện. Khi đó tình thế trên ấy đã bắt đầu bất ổn. Một hôm tôi đột nhiên nhận được điện tín do anh Bách đánh về : «Gửi ngay 50 đồng Quan Kim¹ để lấy tiền mua vé trở về».

Lúc đó các anh Tam, Long không có ở Quảng Châu. Các anh đi làm công việc công mà anh cũng thừa biết là trong nhà đâu có số tiền này. Nhưng tôi biết các anh chắc đang cần. Tìm xem trong nhà còn vật gì đem bán nhưng không sao đủ. Tôi chỉ còn một cách là dặn mặt tới nhà cô bạn học mượn để gửi ngay lên, vì nếu chậm đường giao thông bị cắt đứt thì hậu quả sẽ không sao tưởng tượng được.

1 Hồi đó T.Q. dùng 2 thứ tiền, tiền Quan Kim cao hơn tiền Quốc Tệ

Chúng tôi thuê một phòng ở gần Xá-Diện. Phòng chỉ đủ kê một chiếc giường và một chiếc bàn làm việc. Xá-Diện là một đảo nhỏ bên cạnh sông Châu Giang, trước đây là tô giới Pháp. Ở đây có tòa lãnh Sự Pháp và một thư viện do Pháp mở. Đường phố lát gạch sạch sẽ, hai bên đường trồng toàn những cây cổ thụ cao ngất. Toàn là những nhà bốn, năm tầng kiến trúc theo lối Pháp. Nhà nào cũng có vườn hoa nhỏ, còn có cả sân đánh quần vợt nữa.

Các anh Tam, Long cùng các anh em khác ở một căn nhà có hai buồng ngủ, một buồng khách nhỏ, dùng những tấm ván ngăn đơn sơ. Nhà ở gần con đường Bồng Lai, đồ đạc giản dị, kê mấy tấm ván làm giường, một chiếc bàn gỗ độ một mét vuông và bốn chiếc ghế gỗ đơn sơ dùng để tiếp khách. Ngõ này hai bên là nhà ở, ở giữa có con đường nhỏ, bề ngang độ bốn mét để đi lại. Người bên này lớn tiếng nói chuyện thì người ở bên kia đều nghe rõ. Gần đây là một trường trung học, nên có nhiều học sinh ở trọ, lúc nào cũng ồn ào. Ở đây nếu muốn ra phố, phải đi qua sân trường, may gần đây có một chợ nhỏ nên cũng tiện.

Thường sau bữa cơm chiều, anh Tam hay anh Đỗ Đình Đạo hay ngồi trước cửa nhà để thổi kèn Clarinette (Hắc Tiêu). Nếu các anh thổi những bài Tây Phương thì

chả ai buồn nghe, nhưng nếu thỗi những bài địa phương thịnh hành lúc đó thì họ rất hoan nghênh, nhất là bài «Tô Vũ mục đương» dân ca, thì có nhiều người đến vây quanh. Có người còn đem đàn ra hòa theo nữa.

Tôi nhớ có một lần, tôi ra chợ mua một mớ rau cải về muối dưa, tuy hơi mặn, nhưng bữa cơm đó các anh ăn hết ngay, lại còn khen ngon nữa. Riêng anh Long có nói với tôi :

«Cám ơn cô đã làm món ăn mùi vị Việt Nam mà lâu lắm chúng tôi không có dịp ăn.»

Sau đó anh Long ra phố mua một chiếc cân, đường, đậu xanh và cả vanilla nữa. Anh còn nhờ người mua hộ một chậu sành lớn. Theo giấy đã ghi, cân đúng lượng, anh nấu đậu xanh, cho đường đóng thành khuôn làm thành những miếng bánh đậu xanh. Làm xong anh tự pha trà, mời mọi người nếm thử, ai cũng khen đúng là mùi vị bánh đậu xanh Việt Nam. Anh làm thử nhiều lần, định mở cơ sở kinh tế ở đây vì anh em ở Mông Tự tỉnh Vân Nam cũng làm bánh này để sinh sống. Nhưng sau vì công việc bận rộn, các anh thường nay đây mai đó không ở nhất định ở đâu lâu, nên việc này không thành.

XII. Đứa Con Đầu Lòng

Mùa đông năm 1947, rét hơn mọi năm nhiều, tuy vận nhiều áo mà vẫn thấy cóng tay... Tôi vào nhà thương sản phụ khoa ở gần Xã-Diên, suốt đêm hôm đó anh Bách ở bên tôi, cho tới 10 giờ sáng hôm sau, đứa con đầu lòng của chúng tôi mới ra đời. Nó chân tay dài, cũng mắt sâu, lông mày rậm giống bố. Chúng tôi rất vui mừng đón tiếp đứa con xinh xắn này - một thành viên mới trong gia đình. Những người chung quanh đều lấy làm lạ, vì ở đây lúc đó quan niệm rất cổ hủ. Họ cho rằng đẻ con gái là của «lỗ vốn», nên có người hỏi thẳng tôi :

- «Có phải chỗ quê cô thích đẻ con gái không ?»

Thực ra, chúng tôi xem trai gái cũng như nhau cả. Nhất là nửa giờ sau, các anh Tam, Long vận âu phục chỉnh tề mang quà tới thăm tôi. Họ càng trở mắt ra nhìn và lấy làm ngạc nhiên vì theo phong tục ở đây, chốn này là chỗ «ô uest» nhất, không có người đàn ông nào dám «bén mảng». Có khi ngay chính người chồng của sản phụ cũng không dám tới vì sợ làm ăn thua lỗ ?

Dù bận đến đâu, anh Bách cũng dành thì giờ để tắm cho con. Anh săn sóc từng món ăn, những vật dụng và những thuốc men, nhất là trong lúc đêm khuya, đến giờ con ăn, anh đều thức dậy vì sợ tôi thiếu kinh nghiệm về

việc này. Người giúp việc tạm thời lúc đó đem chuyện nhà chúng tôi nói cho mọi người nghe, ai cũng cho là lạ tại vì họ chưa nghe thấy có người đàn ông nào mà lại chăm sóc cho vợ con chu đáo như vậy. Nên nhớ, hồi đó tư tưởng «phu quyền» ở đây còn rất nặng.

Người giúp việc của tôi chỉ hơn tôi mấy tuổi, nghe kể rằng cô ta bị ép lấy chồng lúc mười mấy tuổi và thường bị chồng đánh đập tàn nhẫn. Đến khi sinh đứa con đầu lòng là con gái, lại bị ép đem bỏ ở một góc tre. Họ còn dùng tàn nhang tạt vào mũi đứa bé... Cô ta ngạc nhiên khi thấy chúng tôi vui mừng đón tiếp đứa con gái đầu lòng. (Thế lực phong kiến tại nông thôn ở đất này quả thực quá lạc hậu !) Người giúp việc này còn tâm sự với cô bạn tôi là ao ước lấy được một người chồng coi sóc vợ con như anh Bách, dù phải làm «thiếp» cũng mãn nguyện !

Con mỗi ngày một lớn, mà sữa bò riêng cho trẻ con thì lại hiếm và đắt, chỉ có hàng ngoại mới có. Tiền dành dụm đã hết, tôi chỉ còn có cách là đem bán những đồ tư trang, cả hai chiếc nhẫn chúng tôi đính hôn cũng phải đem đi bán. Rồi đến mấy chiếc đồng hồ đeo tay hạng khá của tôi, cuối cùng cả chiếc bút máy Parker tôi đang dùng cũng phải đem bán nốt. Một hôm vào buổi chiều, anh Bách ra phố về, tôi thấy anh đem nào sữa,

nào đường. Thấy lạ, nhưng khi nhìn đến tay anh, tôi hiểu ngay chiếc - đồng hồ đeo tay mà anh mang từ Hà Nội đến nay đã biến mất. Đó là một vật mà tôi không đồng ý bán vì anh đang cần dùng.

«Lúc này nuôi con là việc cần, còn đồng hồ thì sau này có tiền sẽ mua sau.»

Anh rất lạc quan và tin tưởng ở tương lai, dù trước mặt có nhiều sự khó khăn. Trong lúc này, anh suy nghĩ rất nhiều, trước mắt có hai con đường để anh lựa chọn - Ở lại hay về nước ? Về nước để theo Pháp thì nhất định không được ! Về chiến khu tham gia kháng chiến cũng không xong vì đường xá xa xôi, không sao liên lạc được, mà chiến khu của phái Quốc Gia nay cũng không còn nữa.

Không những là một người lúc nào cũng hăng say, làm những công việc chung, đối với gia đình anh lúc nào cũng chăm sóc chu đáo, nhất là kh nào trong nhà có người thân đau yếu, anh càng tận tình chăm sóc. Anh Bách lúc nào cũng nghĩ đến người khác nhiều hơn bản thân anh !

XIII. Bạch Hạc Động

Năm 1948, vì muốn tiết kiệm tiền thuê nhà, nên chúng tôi cùng các anh Tam, Long và các anh em khác dọn sang Bạch Hạc Động, ở ngoại thành Quảng Châu. Muốn tới đây, phải đáp tàu qua sông Châu Giang, rồi còn phải đi một quãng xa mới tới. Ở đây có hai căn nhà bỏ trống từ lâu. Một căn có hai buồng ngủ, và một buồng khách nhỏ, có bếp và sân đủ cả. Còn một căn nhỏ hơn, chỉ có một buồng rộng, chúng tôi ngăn ra làm hai, có bếp và lối đi riêng. Tiền thuê nhà mỗi tháng chỉ có 5 đồng Hồng Kông.

Dù ở vào trường hợp khó khăn gian truân như thế nào, anh Bách lúc nào cũng ham mê đọc sách. Để tìm tài liệu về những vấn đề mà anh đang nghiên cứu, anh thường hay la cà vào những tiệm sách, kể cả những tiệm sách cũ. Anh rất vui mừng khi mua được một cuốn sách mà anh đang cần đến, dù là một cuốn sách cũ rẻ tiền.

Lúc mới tới Quảng Châu, anh không quản ngại về sự giao thông bất tiện, anh thường tới thư viện đọc sách đến chiều mới về. Thư viện Xá Diên trước đây là của Pháp, nên có nhiều sách Pháp Văn, Anh Văn, chính trị, xã hội và mọi lý thuyết trên thế giới. Những quan điểm

khác nhau làm anh phải suy nghĩ nhiều và mở rộng kiến thức cần thiết.

Còn anh Long thường tay không rời sách. Anh có thói quen vừa đọc sách, vừa ghi bút ký. Theo lời anh nói chuyện thường ngày, tôi thấy anh có hứng thú về chế độ dân chủ của nước Anh vừa có vua lại vừa có thủ tướng. Nhưng tôi không đồng ý, tôi thường hay tranh luận với anh về vấn đề này vì tôi cho rằng còn có vua là còn có tính chất phong kiến. Anh thì lại cho rằng chế độ này thích hợp với dân chúng Việt Nam.

Anh Tam có thói quen ngủ sớm, dậy sớm. Anh thích yên tĩnh, nên anh thường quen ở buồng riêng, dù là có khi buồng rất nhỏ hẹp, chỉ vừa đủ kê một chiếc giường nhỏ. Anh làm việc, đọc sách hay viết lách đều ở trong buồng cả. Ít khi tôi thấy anh ra buồng khách làm việc. Mà cũng ít khi thấy anh nói chuyện về gia đình vợ con.

Một lần cùng anh Tam đi uống nước trà, anh toàn nói chuyện với tôi về những phong tục phụ nữ kỳ lạ ở đất này. Xem ra anh có ý nghiên cứu về những vấn đề này. Thí dụ nói đến một bà lớn tuổi ở ngay trước cửa nhà. Bà ta lúc trẻ làm nghề dệt tơ lụa, kiếm được nhiều tiền. Theo tục lệ ở quê bà, người đàn bà có tiền lại không thích đi lấy chồng, nhưng họ lại «búi tóc» ², nghĩa là 2 Búi tóc = tục lệ lúc đó người có chồng mới búi tóc.

lấy chồng cốt để nương tựa khi về già thôi. Thế nên, khi vừa bước chân về nhà chồng là lấy luôn vợ bé về cho chồng mà không ăn ở với chồng.

Lúc đó ở đây, thường có những đám cưới kỳ lạ. Chú rể có thể còn đang ở Nam Dương hay Hoa Kỳ và vì sinh kế họ không thể về thăm nhà được, nhưng ở quê nhà bố mẹ chú rể vẫn có thể cưới vợ cho con được. Theo tục lệ ở đây, họ có thể dùng gà trống để thay mặt chú rể «bái đường» nghĩa là lễ tổ tiên và bố mẹ chồng. Số phận của những người phụ nữ này có thể may mắn có chồng con về sau, nhưng cũng có thể suốt đời phải hầu hạ bố mẹ chồng mà không bao giờ được thấy mặt người chồng của mình.

Lại có những đám cưới gọi là «tống hỷ». Người đàn ông mắc phải bệnh nan y và họ tin rằng dùng chữ «hỷ» là có thể làm tiêu tan tai nạn - đổi ốm đau thành lành mạnh. Họ mua một người con gái nhà nghèo về làm vợ. Những người phụ nữ này nhanh chóng trở thành quả phụ mà suốt đời lại còn bị mang tiếng có tướng «sát phu», họ bị kỳ thị hoặc bị đối đãi rất bất công.

Chúng tôi cũng đề cập đến trong làng, gần chỗ chúng tôi ở, có một bà khi ra ngoài, thường bị dân làng chú ý. Nghe nói lúc trẻ vì nhà nghèo bị bố mẹ bán cho một nhà giàu nọ làm «con dâu», mặc dầu con trai nhà này

đã chết. Họ lấy về cốt để hàu hạ bố mẹ chồng, suốt đời phải ăn nằm với một người gỗ. Thế lực phong kiến ở đây đã giết hại biết bao hạnh phúc của phụ nữ.

Nhiều khi tôi thấy các anh viết những bài bình luận để gửi đi các nơi. Lúc đầu viết trên giấy bóng, in bằng tay, sau mua được một máy in nhỏ nhưng khá nặng, có lẽ vì thế nên mới rẻ tiền ? Xếp chữ để in đẹp hơn viết tay nhiều, nhưng vẫn phải dùng tay kéo y ầm vang cả nhà.

Có khi các anh từ Vân Nam sang hay từ Hồng Kông vào, tôi thấy các anh suốt ngày họp, nhiều khi còn nghe thấy các anh lớn tiếng tranh luận. Nhưng đến khi tạm nghỉ, tôi thấy các anh lại vui vẻ như thường, nhiều khi còn chạy sang chơi đùa với đứa con của chúng tôi cho vui. Anh Long yêu trẻ nhất, anh thường sang bế cháu Lan, trông rất thạo và gọn ghẽ.

Tôi còn nhớ, trước sau hội nghị Hồng Kông, có các anh Vũ Hồng Khanh, Đỗ Đình Đạo từ khác nơi khác tới, và anh Phạm Khải Hoàn từ trong nước ra. Các anh họp suốt tuần, tranh luận rất dữ dội. Nói tóm lại, lúc thường các anh là đồng chí vào sinh ra tử, nhưng trong những công việc chung, mọi người đều được tự do phát biểu ý kiến mình, tranh luận để đi đến kết luận chung.

Các anh sống rất thanh đạm, ngày hai bữa cơm do một bà láng giềng thổi thuê. Mỗi bữa có một nồi canh rau, một món rau xào với tí thịt hay cá. Lúc đó anh Tam vì mắc bệnh đau dạ dày nên thường ăn mì. Anh Long cùng anh Bách ăn rất ít, dù có đồ ăn hay không, mỗi bữa chỉ ăn hai chén cơm thôi.

Thường tôi hay đàm luận, cũng có lúc tranh luận với các anh Tam, Long về những vấn đề không bờ bến : xã hội, văn hóa, sinh hoạt... mà nhiều khi tôi có những ý kiến bất đồng.

Anh Long thì bao giờ cũng tùm tùm cười, mồm ngậm chiếc điều hút thuốc, giọng nói ung dung nhẹ nhàng, có khi còn ngồi gật gù đề nêu ra những ý kiến của anh.

Còn anh Tam thì không hút thuốc, anh lúc nào cũng nói nhanh và lớn tiếng hơn, anh vừa cười vừa cố tìm ra nhiều thí dụ chứng minh lời mình nói là đúng.

Thí dụ như so sánh xã hội thực dân Việt Nam với xã hội bán thực dân Trung Quốc. So sánh thế lực phong kiến đã bức hại phụ nữ Việt Nam với Trung Quốc... mọi vấn đề các anh phải dùng nhiều thí dụ để giảng giải mới làm tôi phục và chịu «đầu hàng».

Anh Bách thường nói tôi thực may mắn được cả hai người anh đối với tôi đều tốt cả. Các anh không có thành kiến, không lấy tư cách là «bực trên» để đối với tôi, vì thế lúc nào tôi cũng cảm thấy rất tự nhiên không bị hạn chế hay gò bó gì bởi những lễ giáo cổ hủ.

Hè năm 1948, trước sau có chị Long và chị Tam sang thăm các anh. Các chị đem lại nhện nhíp và vui vẻ. Chị Long đi với cháu Ánh, lúc đó độ 12 tuổi. Chị có mang quần áo rét cho anh Long và cũng không quên mang áo len cho cháu Lan. Chẳng bao lâu thì chị Tam sang thăm, chị đi với cháu Thạch, cũng độ 12 tuổi. Chị mang theo nhiều món quà vật mà trong đó tôi còn nhớ là có cả mấy chai nước mắm nữa. Chị cũng không quên mang quà cho cháu Lan. Trước khi ra về, chị Tam có nói với tôi :

«Cô lấy chú thực là sướng đấy, vì anh em nhà này, ít có sự thay dạ đổi lòng.»

Lời nói này, tôi vẫn còn nhớ đến ngày nay.

XIV. Tang Tóc Không Ngờ

Giữa năm 1948, một hôm cũng như thường ngày, tôi xách chiếc rọ đi chợ và cũng không quên tạt vào một tiệm tạp hóa duy nhất ở đó để xem có thư từ gì không, vì ở đây họ chỉ đưa thư tới đây, chứ không giao tận nhà như ở tỉnh. Vừa tới tiệm, bà chủ tất tả chạy ra và nói với tôi :

«Sáng hôm nay, có người ở Quảng Châu sang báo tin, có người Việt Nam họ Nguyễn, vừa mất trên chuyến xe lửa Hồng Kông - Quảng Châu. Họ gọi người nhà tới ga Thạch Long để nhận xác.»

Tôi về kể lại, mọi người đều chột dạ, nhưng lại tự an ủi là người Việt họ Nguyễn thì nhiều, không chắc có phải là anh Long. Nhưng hôm đó mọi người đều thất lạc lo âu.

Sáng hôm sau, tôi lại ra chợ, lần này thấy bà chủ tiệm, hình như đang đợi tôi. Thấy tôi bà nói luôn :

«Sáng nay lại có người sang nói, người mất trên tàu tên là Nguyễn Phúc Vân.» (Đây là tên hiệu của anh Long, ít người biết).

Tôi không để bà ta nói hết, quẳng ngay chiếc rọ, chân dép chân đất, tất tả chạy về... Sau khi nghe tôi kể lại, mọi người đều im lặng, nhưng nước mắt đã tràn xuống.

Sau một thời gian ngắn để thương lượng, anh Bách chạy về nói với tôi :

«Sáng sớm mai, mọi người phải đi, xong trong nhà không có ai có đủ tiền, mà cũng không biết phải dùng hết bao nhiêu. Nay em sang Quảng Châu vay cô Bình 500 HK, nếu cô ta không có thì nhờ cô vay hộ, xong việc sẽ trả ngay.»

Tôi biết số tiền này rất cần, nhưng số tiền lớn như vậy, tương đương với hai lạng vàng, không biết có thể vay được ngay không ? Nhưng nay không còn thì giờ để nghĩ ngợi được nữa.

Lúc đó vào buổi trưa, trời nắng chang chang, giao thông lúc này cũng không tiện lợi. Ra tới bến, tôi còn phải đợi tàu qua sông, và đi bộ khá xa. Nhà cô ta ở vào phố buôn bán, lại cũng không biết bây giờ cô ta có ở nhà không ?

Cô Bình là bạn học thân của tôi, khi còn ở Hà Nội. Vừa gặp cô, tôi nói luôn việc tôi muốn nhờ. Cô bạn biết tính tôi, nếu không cần lắm, tôi không bao giờ vay

mượn ai cả. Nên sau khi nghe tôi nói, cô bảo tôi ngồi chờ.

Tôi thấy cô bận bịu chạy lên chạy xuống. Một lúc lâu, cô đưa cho tôi một tập giấy bạc hỗn độn giấy lớn, giấy nhỏ. Xem ra cô phải mượn tạm của mấy cô em dâu mới đủ. Tôi mừng quá, vội gài cẩn thận vào túi trong, rồi vội vàng cáo từ ra về.

Khi về đến nhà đã gần tối, cả nhà đang chờ đợi. Sau khi trao số tiền cho anh Tam, tôi mệt lử, vì trong nửa ngày hôm nay, tôi đã vừa đi vừa chạy không biết bao nhiêu cây số. Đó là chưa kể khi còn phải chờ đợi để chen chúc đáp tàu qua sông.

Sáng hôm sau, các anh dậy sớm lên đường. Tôi vì có con mọn nên các anh khuyên tôi ở lại coi nhà. Hôm đó tôi không còn tâm địa gì làm việc nhà, mà cũng không sao tưởng tượng được cảnh khi các anh nhìn thấy anh Long...

Hai hôm sau, các anh trở về, người nào người nấy bơ phờ như kẻ mất hồn, hai mắt đỏ hoe. Thật không có gì đau thương bằng trong lúc lưu vong, lại xảy ra sự sinh ly tử biệt này ! Anh Bách có cho tôi biết, khi mở quan tài, mọi người đều khóc không ra tiếng; cảnh tượng này, không bao giờ quên được. Còn hành lý và giấy tờ trong

người anh Long đã được nhà ga trao trả thân nhân chu đáo.

Một tháng sau thì chị Long cùng Minh Thu sang thăm mộ. Trông chị gầy hơn trước nhiều. Hai chị em tâm sự và cùng chia sẻ nỗi đau thương vô hạn.

Tôi cùng cháu Lan đưa chị tới Thạch Long. Vừa thấy mộ, chị khóc rất thảm thiết. Chị đặt một tấm bia lớn trước mộ. Lúc ra về chị ra thẳng Hồng Kông, còn tôi và cháu Lan quay trở về Quảng Châu. Tôi cũng không ngờ chuyến chia tay này là lần vĩnh biệt cùng chị, vì sau này tôi không có dịp gặp lại chị nữa.

Sau đó, anh Tam vì quá đau buồn, mắc bệnh yếu tâm thần, lại thêm bệnh đau dạ dày, nên anh ra Hồng Kông để tiện chữa chạy. Tại đây anh tự nấu ăn, anh còn nghiên cứu món ăn không hại dạ dày theo lối Pháp và Việt. Anh có đánh máy gửi cho tôi một bản, nhưng anh đã quên mất lúc đó tôi sao có đủ tiền để mua những miếng thịt để tập nấu !

Tới năm 1975, tôi có nhận được một bức thư cuối cùng của chị Long gửi cho chúng tôi. Trong thư chị nói: «Chị không bao giờ quên được tình cảm của em đối với chị. Lòng chân thành của em, chị lúc nào cũng nghĩ tới. Tuy chị em mình không ở với nhau nhiều, nhưng

có lẽ em với chị đã hiểu nhau hơn. Chị nay đang mắc bệnh, phải mổ mấy lần, nếu hai em không về sớm, chị e không còn gặp lại hai em đâu...»

Bức thư này, tôi còn giữ đến ngày nay. Với tình cảm chân thành của chị, tôi luôn luôn cầu mong mọi người trong đại gia đình đều được bình an khỏe mạnh.

XV. Tết Lưu Vong

Tại Trung Quốc, người ta ăn Tết cũng giống như Việt Nam vì là ngày lễ truyền thống không biết đã từ bao nhiêu năm tới nay. Gia đình nào cũng quét dọn nhà cửa sạch sẽ, làm nhiều thứ bánh để thết khách. Nào là bánh rán, bánh củ cải, bánh khoai môn Tùy theo tục lệ của mỗi làng, mỗi tỉnh nên hình bánh rán mỗi nơi mỗi hình khác nhau. Có chỗ hình tròn, có nơi hình dẹp, tròn. Chỗ chúng tôi ở thì hình bán nguyệt. Bột mì cho đường, nước và dầu ăn trộn lẫn, rồi nghiền mỏng, làm thành hình tròn để sẵn. Nhân thì lấy lạc ra nghiền nhỏ, trộn với vừng rang và đường. Tối hôm 30 Tết cả nhà ngồi vừa chuyện trò vừa gói bánh, y như cảnh gia đình ngồi chung quanh nồi bánh chưng bên ta. Nhà nào có nhiều cô gái khéo tay thì gói chiếc bánh xinh xắn. Viên chung quanh bánh đều đặn đẹp mắt. Rán bánh phải nhỏ lửa vì nếu làm cháy thì cho là điều xui. Những nơi ở giáp với Việt Nam thì cũng có tục lệ gói bánh chưng, nhưng nhân ngoài thịt ra còn cho cả trứng luộc, lạp xường. Có nơi còn cho vệt quay, hạt dẻ, tùy theo túi tiền của chủ nhà. Bánh gói lỏng tay, hình tam giác nên rất mau chín.

Đêm giao thừa, nhà nào cũng đốt pháo. Nhà giàu thì tràng pháo treo từ sàn nhà xuống. Nhà nghèo thì đốt chút ít lấy lệ. Độ mười chiếc pháo, tạch tạch mấy tiếng là hết. Tục lệ ở đây cho đốt pháo là đuổi hết những sự không may năm cũ và cũng là đón năm mới may mắn sẽ tới. Người ta chỉ trông xác pháo là phân biệt ngay nhà nào giàu nhà nào nghèo.

Mùng một tết, bạn bè họ hàng tới chúc tết vui vẻ thân mật. Hôm đó nhà nào cũng rộn rịp tiếp khách thực là «vui như ngày tết» ! Mừng hai tết là ngày riêng cho những người con gái đã đi lấy chồng trở về thăm bố mẹ. Ngày mừng ba thì trở lại bình thường, ở tỉnh đã thấy nhiều người bắt đầu đi làm. Ở thôn quê thì hơi khác, nghỉ lâu ngắn là do ở tục lệ, khí hậu hay mùa màng của mỗi nơi quyết định.

Tết năm 1948, túi tôi vốn vẹn có 5 đồng Hồng Kông (1 Mỹ Kim 8 Hồng Kông). Trong lúc người ta nghèo thì thấy thứ gì cũng thiếu thốn cả, vì thế tốt hơn là sống như ngày thường. Tôi chia số tiền ấy làm mười phần. Mỗi ngày chúng tôi ăn 30 xu thịt (hay cá), 20 xu rau. Thế rồi cũng xong.

Những người hàng xóm, thường hay tò mò tìm hiểu, vì họ chẳng thấy mình sắm Tết gì cả. Chắc họ không thể hiểu được tại sao mình lại nghèo đến thế ? Vì thường

ngày họ thấy mình toàn mặc những quần áo len dạ. Có khi cả tiền mua đồ ăn hàng ngày cũng không còn, anh Bách lẳng lặng mang cần câu ra đồng. Chỉ một lúc là câu được một rổ cua mang về. Cua đồng ở đây, vỏ dày, lông lá, dân ở đây chỉ bắt cho vịt ăn thôi. Thế là tôi làm sạch, ướp muối rán, chẳng khác gì ram muối bên ta. Cũng tạm qua được vài bữa. Cả đến đứa con gái lúc đó chưa đầy một năm cũng bắt chước ăn.

«Ăn cua này, có nhiều chất vôi, nó chóng biết đi, anh pha trò nói.»

Trong những năm 1948, 1949, nhiều khi trong nhà hết gạo, không tiền, với bản năng của phụ nữ, tôi không khỏi cảm thấy lo âu. Anh Bách thì lúc nào cũng lạc quan, có dự kiến nhìn xa, và tin tưởng ở tương lai. Anh thường cổ vũ tôi can đảm vượt qua những phút gian nan này. Anh thường ôn lại những nguyện vọng cải cách xã hội mà trước kia chúng tôi thường hay tranh luận :

«Nếu chúng mình muốn sống đầy đủ hơn thì có khó gì, về ngay Hà Nội là được, nhưng chúng ta có chấp nhận được nền đô hộ tàn ngược của bọn thực dân trên đất nước mình không ? Hiện nay tuy đời sống bấp bênh thực, nhưng dù sao mình vẫn thấy tự do và dễ chịu hơn.»

Mỗi khi nghĩ đến thế hệ mình, sống trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc, những người yêu nhau mà được cùng chung sống với nhau cho đến ngày nay, không phải là dễ, biết bao người đã nằm xuống. Nghĩ tới đây, thì còn gì khó khăn hơn mà mình không vượt qua được! Chính ở tinh thần đó, đã cổ vũ chúng tôi vượt qua con đường gian khổ.

Một hôm hình như linh tính báo cho tôi biết, sắp có sự gì bất trắc xảy ra. Nhân lúc anh Bách đi vắng, tôi vội đem những tài liệu chữ Hoa xếp xuống gầm giường, lấy củi chất chung quanh, còn những tài liệu chữ Anh, Pháp tôi xé bìa đem đốt.

Quả nhiên mấy hôm sau, vào nửa đêm có tiếng đập cửa rầm rầm. Khi mở cửa ra, một tên lính vác súng trường, xồng xộc tiến vào phòng, không một lời nói, tiến tới chỗ để hai chiếc va-li da (vật đáng giá nhất trong phòng). Bên trong rõ ràng toàn là những quần áo cũ, không có lấy một xu nào. Hắn ta thất vọng ra về, cũng không một lời nói.

Tôi đoán hẳn ta lợi dụng khi «gác» đêm, trong thời loạn biến này để kiếm chút đỉnh. Nhưng hẳn ta đã chọn nhầm đối tượng rồi !

Lúc nào anh Bách cũng quan tâm đến mọi biến chuyển trong nước và luôn luôn theo dõi tình hình quốc tế. Trong lúc toàn dân kháng chiến anh không sao ngồi yên được. Đã nhiều lần anh đã dặn dò tôi, nên cùng con ở lại Trung Quốc, trong khi anh dự tính về nước tìm cách tham gia kháng chiến. Tiếc rằng vì hoàn cảnh khách quan, nguyện vọng này không thực hiện được. Có người hỏi anh tại sao không ra Hồng Kông ở như một số người đã làm ? Nhưng anh trả lời rằng, rời đất thuộc địa này, lại tới một đất thuộc địa khác để ở thì có ý nghĩa gì ? Và lại mục đích của mình có phải là để tìm một chỗ yên lành, no ấm cho riêng mình đâu !

Lúc đó các anh đều tin rằng, sống tại Trung Quốc chỉ là việc tạm thời trong lúc tìm một giải pháp cho đất nước. Nhưng không tán thành hợp tác với cựu hoàng Bảo Đại, để đi với Pháp, trong những điều kiện thỏa hiệp bất lợi cho nền độc lập thực sự của Việt Nam. Làm thế nào để ra khỏi tình thế khó khăn này là một nan giải.

XVI. Tới Thăm Hồng Kông

Chiến sự Trung Quốc càng ngày càng uy hiếp tới miền nam Trung Quốc. Ở đây bắt đầu có người rục rịch chạy ra Hồng Kông. Gia đình chúng tôi cùng anh Vũ Văn Đức quyết định ra Hồng Kông một chuyến. Trước khi đi, tôi có bán một chiếc áo dạ của anh Bách để thêm vào lộ phí.

Vừa bước chân lên đất Hồng Kông, anh Bách vội mang mấy bộ áo «đáng giá» đi cầm, để lấy tiền tiêu vật. Cách này là anh tự nghĩ ra, vì chỉ có trong trường hợp này, người ta mới có thể nghĩ ra mưu kế đó, vì ở đây nhan nhản những tiệm cầm đồ.

Hồng Kông là một hải cảng phồn thịnh và hiện đại nhất, trong những thành phố mà tôi đã tới. Toàn là những tòa nhà hai ba chục tầng, giao thông tiện lợi, xe cộ tấp nập, nào xe hơi, xe taxi, xe bus, xe điện hai tầng... Ban đêm đèn sáng như ban ngày, lần đầu tiên tới đây, tôi không khỏi hoa mắt. Cửa hàng rộng lớn, đủ các mặt hàng trên thế giới, vì cạnh tranh nên nhiều thứ hàng còn rẻ hơn trong nội địa. Người ta chỉ vào một tiệm lớn, là có thể đủ sắm mọi thứ cần dùng.

Chúng tôi tới thăm một người bạn ở một hòn đảo nhỏ, gần Hồng Kông. Lần đầu tiên chúng tôi mới có dịp đáp tàu biển, sóng cao hàng mấy mét. Hành khách phần nhiều đều bị say sóng. Ở đó chúng tôi, ngày ngày cùng đưa con nhỏ ra tắm biển, ngồi trên bãi cát rộng mênh mông. Buổi sáng ở cuối chân trời mặt trời từ từ ngóc lên, ánh sáng đỏ choáng cả một vùng trời xa thẳm. Buổi chiều, mặt trời từ từ lặn xuống, đượm trên nền trời một màu vàng nhạt. Một cảnh đẹp mà người nội địa ít có cơ hội được trông thấy.

Vì là hải cảng tự do, nên liên lạc về Hà Nội cũng dễ dàng, nhanh chóng (lúc đó Hà Nội đang bị Pháp chiếm). Ở đây chúng tôi có nhận được bức thư ngắn kèm theo bức ảnh của bà cụ mẹ anh Bách gửi ra. Cụ khuyên tôi nên đem con về Hà Nội ở, đừng ở lại Trung Quốc nguy hiểm... Chắc cụ cho rằng nếu tôi trở về Hà Nội thì anh Bách sẽ không thể ở lại một mình trên đất xa lạ với đầy nguy hiểm : tiếng tăm không biết, lại còn nhiều phiền phức về sinh hoạt hàng ngày. Gia đình tôi cũng khuyên tôi nên trở về Hà Nội sinh sống. Lúc đó anh Bách để tôi lựa chọn và tự quyết định, về Hà Nội hay ở lại cùng anh với đời sống gian nan và nguy hiểm.

Với bằng bác sĩ của anh và gốc công dân Pháp của tôi, nếu về nơi Pháp chiếm không khó. Nhưng anh không muốn quay trở lại dưới sự tái đô hộ của Pháp, vì dù sao anh cũng đã là một chiến sĩ chống đế quốc. Tôi cũng quyết định ở lại, để san sẻ nỗi khó khăn và để giảm được phần nào nỗi cô đơn của anh. Khi đó có anh Vũ Văn Đức cùng một số anh em khác cũng đồng ý như vậy, mặc dầu mọi người đều biết sẽ gặp nhiều khó khăn và bất trắc trước mặt.

Anh Tam lúc đó ở trên núi cùng với gia đình chị Nguyễn Thị Vinh. Ở đây tiền thuê nhà rẻ hơn. Phần đông là những dân nghèo ở nhà gỗ, dùng nước suối. Một hôm anh Tam hốt hoảng ở ngoài chạy vào nói với tôi :

« Tôi đang ở ngoài suối rửa tay bằng xà phòng, không ngờ chiếc nhẫn bị trôi mất ! »

« Để em ra tìm hộ. »

« Nước ở đây chảy xiết, vả lại dưới miền núi có nhiều người đang giặt giũ rửa ráy, còn đâu mà tìm được nữa. »

Thế là vừa nghèo, lại vừa gặp ma !

Ở đây độ một tháng, chúng tôi sửa soạn ra về.

«Chúng tôi quyết định trở về Quảng Châu !»

Anh Bách nói cho mọi người biết. Anh Tam cùng với các anh em khác đều lấy làm ngạc nhiên ! Lúc đó chúng tôi cũng không ngờ lần cáo biệt này là lần vĩnh biệt với anh Tam !

Trên đường về, tay cầm túi sách, anh Bách trầm ngâm một lúc rồi kể cho mọi người nghe :

«Vừa tới đất này, tôi thường tới những tiệm sách lớn sang trọng để tìm đọc nhiều tài liệu Anh văn và Pháp văn mà tôi đang cần (ở đây chỉ có những tiệm sách lớn sang trọng mới có sách ngoại ngữ). Với bộ quần áo bình dân, tôi đã bị một nhân viên trong tiệm sách «nghi ngờ». Họ nghĩ tôi có ý đồ gì khác, nên có thái độ bất lịch sự, cứ theo sát tôi và còn hỏi tôi có ý định mua sách không ? Tôi đã cho hắn ta một bài học bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong lúc anh chàng ta cũng đang ngơ ngác, không hiểu mình là người nước nào ?»...

Chúng tôi nghe xong đều ôm bụng cười, anh Đức nói:

«Nếu anh không mang mấy bộ áo kia đi cầm thì đâu có sự này xảy ra ?»

Tháng 7 năm 1949, cục thế Trung Quốc cực kỳ khẩn trương. Cộng Quân đã vượt qua Trường Giang, chiếm Nam Kinh, Thượng Hải và đang tiến xuống miền Nam. Quân của Tưởng đã gần như tan rã. Một mặt rút về phía Quảng Tây và Tứ Xuyên, một mặt lánh ra đảo Hải Nam và Đài Loan. Theo đà này thì chỉ vài tháng là Quảng Châu mất.

Trong lúc sinh sống khó khăn, nghèo nàn, mới càng thấy rõ người nào thực lòng đối với mình. Trong gia đình có chị Long đã từng giúp đỡ chúng tôi. Anh Thụy cũng có gửi quần áo rét cho anh Bách. Có một số bạn bè viết thư cổ vũ và tin rằng anh sẽ thành công, nhưng cũng có người viết thư dọa nạt, chế riễu, hay viết báo viết sách vu khống tôi là đảng viên đảng Xã Hội, đảng Cộng Sản, hiện sống lây lất không ra hồn người. Trí tưởng tượng của chúng thật là cà chớn, vì tôi và các anh em khác đều hiểu anh Bách là một người trung trực có hoài bão, có ý chí kiên cường, không bao giờ vì ích lợi cá nhân và cũng không bao giờ quên lợi ích của dân tộc đồng bào ở bất cứ trong một tình thế, một hoàn cảnh nào.

XVII. Thành Phố Phật Sơn

Quân Cộng sản Trung Quốc sắp tiến xuống miền Nam. Chúng tôi cũng suy nghĩ rất nhiều trước khi quyết định ở lại Trung Quốc vì không biết có khó khăn nguy hiểm không ? Thái độ của anh lúc đó là ủng hộ kháng chiến của nhân dân ta, nhưng phản đối chủ trương độc tài, độc đảng, kiên quyết không đi với thực dân Pháp. Còn một mục đích nữa là để tìm hiểu sự biến chuyển lớn lao sắp xảy ra ở đất nước này sẽ đưa đến cái gì cho một xã hội phong kiến và lạc hậu này. Có đưa lại một bài học nào để tham khảo cho Việt Nam không ? Anh Bách cùng một số anh em quyết định ở lại Trung Quốc. Một quyết định mạo hiểm và ảnh hưởng sâu xa đến sau này.

Một sự may mắn bất ngờ là tôi gặp người bạn học cũ - Ông Dịch, gia đình ông trước kia ở Hà Nội, gần nhà tôi, nên thỉnh thoảng tôi có đến thăm nhà chị em ông ta. Nay ông giới thiệu tôi tới Phật Sơn dạy học thì tới đó tạm ngụ đã.

Phật Sơn là một thành phố nhỏ, cách Quảng Châu 20 cây số. Thành phố này lúc đó chỉ có mấy phố chính có cửa hàng buôn bán. Ngoài ra toàn là ngõ hẻm, nhà của những công nhân làm thủ công nghiệp ở. Nếu không

thuộc đường thì y như đi vào trận «bát quái». Đi quanh co một lúc lâu rồi lại quay về chỗ cũ. Tôi rất mừng và nhận lời ngay. Tuy số lương rất thấp nhưng dù sao cũng tạm ứng phó còn hơn «miệng ăn núi lở».

Tháng 8 năm 1949, chúng tôi quyết định dọn đến Phật Sơn ở. Chúng tôi thuê một chiếc thuyền nhỏ để chở ít đồ đạc đơn sơ, quần áo và sách vở. Nhà rộng lớn ở ngõ Vinh Hoa, nhà dưới có bốn phòng, trên gác có hai phòng. Trước mặt còn có một gian nhà cho người họ hàng của chủ nhà ở. Chủ nhà này đã ra Hồng Kông làm ăn đã lâu. Người coi nhà cho thuê để lấy tiền sinh sống. Những người ở đây toàn là dân lao động nghèo, trong đó có cả những người đang thất nghiệp.

Trường tôi dạy ở ngay đầu phố, kiến trúc đơn sơ, lớp học giản dị. Học sinh phần nhiều là con cái của dân lao động nghèo nàn. Chẳng bao lâu tôi mới biết số lương của tôi chỉ bằng nửa số lương của những người khác mà giờ dạy học của tôi lại nhiều hơn cả, và toàn là dạy những môn phải dùng hơi sức nhiều như âm nhạc, thể dục (Chẳng qua là họ bắt nạt những người không phải là dân bản xứ). Với trình độ học thức và tuổi ngoài 20, tôi dạy môn nào cũng không khó, nhưng vì mấy năm sống trong cảnh nghèo nàn thiếu dinh dưỡng, lại phải nuôi con mọn nên cứ đến chiều là tôi mệt lử.

Với số lương ít ỏi, hơn một tạ gạo (vì tiền mất giá, nên họ lấy gạo thay tiền), tôi không đủ khả năng nuôi người coi con, nên mọi việc trong nhà tạm do anh Bách đảm nhiệm. Ngoài trông con anh còn phải nấu cơm, chẻ củi... việc gì làm được anh đều làm tất, để khi tôi về nhà được chút ít thì giờ nghỉ ngơi. Ngoài ra anh vẫn đọc sách nghiên cứu như thường.

Một lần anh đang giặt quần áo, thấy mấy bà cùng nhà cứ cười lẩn cười lộn, anh ngơ ngác không hiểu tại sao. Hỏi ra mới biết, ở đây họ kiêng kỵ, đàn ông không bao giờ giặt quần áo cho đàn bà cả. Mọi người thường thấy anh ngày ngày mang chiếc ghế gỗ nhỏ ngồi cạnh giếng để đọc sách, lấy làm lạ bèn hỏi :

«Tại sao ông lại thích ngồi ở chỗ này ?»

«Coi trẻ sợ nhất là nó ngã xuống giếng, nên tôi cứ ngồi coi cái giếng này là được.»

Tuy nghe có vẻ lạ tai, nhưng họ cũng cho là có lý. Họ còn cười anh là người coi trẻ lười «tân thời». Vì đó ai cũng có cảm tình với gia đình người lạ này. Không biết từ đâu đến và đến để làm gì ? Nhưng trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc thì không có gì là lạ lắm. Những kẻ «tứ chiếng giang hồ» quá nhiều tại đất Trung Hoa nghèo nàn này.

XVIII. Làm Nghề Tay Trái

Tháng 10 năm 1949, Cộng quân tiến vào Quảng Châu rồi tới Phạt Sơn. Lúc đó dân chúng rất hoang mang và sợ hãi.

Độ 10 giờ sáng ngày 14, đạo quân giải phóng tiên phong do Lâm Bưu chỉ huy đã tiến vào thành phố Phạt Sơn. Dân chúng đổ ra xem. Vừa tới đường đã thấy hai bên vệ đường có hai dòng người đi liên tiếp không ngừng. Người nào trông cũng khỏe mạnh, đen rạm, vận quần áo lính xanh đã bạc. Có người quần áo còn có chỗ vá lớn, nhưng đều sạch sẽ. Ai nấy đều vác súng trường, đằng sau đeo một túi vải. Có toán quân trên túi vải còn dán một tờ giấy viết một chữ Hán lớn, họ vừa hành quân vừa học văn hóa ? Thỉnh thoảng cũng thấy có vài chiếc xe Jeep trên có mấy sĩ quan ngồi. Bên cạnh hàng ngũ thường thấy một vài anh đeo súng lục, chạy đi chạy lại, người ta đoán có lẽ là anh đội trưởng vì cổ áo người nào cũng như nhau, chỉ có dấu đỏ không có «lon» như những quân đội nước khác, khó mà đoán được chức vụ của họ.

Mấy hôm sau có quân đội đi từng nhà nói là mượn chỗ ở. Họ tháo cửa ra làm giường, mượn nồi niêu bát đĩa để nấu ăn, có giấy biên lai hẳn hoi. Trước khi đi họ

quét tước sạch sẽ, trả lại mọi vật dụng đã mượn để vào chỗ cũ, chào mọi người rồi mới ra đi. Sau đó, lại thấy có người đến kiểm soát kỷ luật, hỏi xem có sự gì đáng tiếc xảy ra không ?

Quân đội này đã để lại ấn tượng đầu tiên tốt với dân chúng.

Chẳng bao lâu thành phố đã có ban hành chính đều do quân đội quản trị. Ông thị trưởng đầu tiên của thành phố này cũng là quân nhân. Thông cáo đầu tiên của thị trưởng là : Mọi người phải trở về chỗ cũ làm việc, cửa hàng phải mở cửa buôn bán, chợ búa họp như thường, học sinh phải tới trường học. Giá gạo cấm không được tăng, dân chúng tạm tiêu tiền của chính phủ cũ như thường...

Tôi lại tới trường dạy học, chỉ có bài quốc ca là thay đổi thành bài hát : «Tiến quân của quân nghĩa dũng». Thỉnh thoảng cũng có chỉ thị của tổ giáo dục tới cho biết bài học nào tiếp tục dạy, bài nào bỏ vì chưa có sách mới. Ngoài ra còn ra lệnh cấm giáo viên đánh đập làm nhục học trò...

Chẳng bao lâu thì họ đã làm mấy việc để lấy lòng dân

:

Làm sạch thành phố, khuyên dân nên dùng nước giếng, thay vào nước sông, uống nước đun sôi, chỗ ở nên giữ vệ sinh... Cứ chiều thứ bảy tất cả cán bộ quân đội đều mang xẻng cuốc và chổi để cuốc những «núi rác» bị tích trữ từ lâu. Tóm hết những người nghiện thuốc phiện, hạn sáu tháng phải cai. Xử bắn bốn tên cướp đầu sỏ băng đảng ở đây, bọn này hà hiếp dân chúng từ lâu, mà cả chính phủ cũ lẫn dân chúng không ai dám đụng vào chúng cả.

Còn về phương diện giáo dục, thì họ ra lệnh : Không được tự do đào thải giáo viên, lương giáo viên phải công bằng... Tôi cố nhiên tán thành chính sách này và cho là hợp lý hơn trước.

Cuối năm đó, tôi tham gia ban học chính trị đầu tiên chuyên cho giáo viên ở đây. Ban quản trị giáo dục lúc đó toàn là những giáo viên đã từng tham gia công tác bí mật thời chính quyền cũ. Họ rất giản dị, không quan cách gì. Trong khi tiếp xúc, tôi ngỏ ý muốn tìm việc làm cho chồng là một bác sĩ muốn phục vụ cho nhân dân.

Có lẽ vì lúc đó cần người, nên một tháng sau, anh Bách được vào làm tại một nhà thương lớn ở đây - Đề tam y viện của tỉnh Quảng Đông.

Với công việc bác sĩ, anh Bách làm rất tận tâm vì anh cho rằng dù ở đâu, công việc mình làm cũng là một công việc có ích cho dân chúng. Anh khám bệnh rất kỹ lưỡng, anh chăm chú làm việc, một mặt vẫn theo dõi tình hình mới trong xã hội. Tất nhiên lúc đó chúng tôi coi sinh sống ở đây chỉ là tạm thời thôi.

Một lần có người bế đưa con nhỏ độ bảy tám tháng mắc bệnh nặng đã gần tắt thở. Tình hình nguy cấp, xin vào nhà thương điều trị, bác sĩ nào cũng không chịu nhận mà còn gạt đi nhà thương khác. Nhưng nếu đem đi thì đứa bé có thể chết ngay trên đường. Lúc đó có người mách :

«Bác sĩ Nguyễn tận tâm và thương người, thử đến cầu may ra....»

Người cha đến khẩn khoản yêu cầu và được anh Bách chấp thuận cấp cứu ngay. Sau mấy ngày đêm săn sóc và điều trị, đứa bé thoát khỏi nguy cơ.

Mười mấy năm sau, một hôm khi tôi tới thăm một gia đình học trò, người mẹ vô tình kể lại : «Thằng con này, thừa nhỏ suýt chết, may được bác sĩ Nguyễn vớt được mạng nó đấy !»

Lúc đó tôi mới biết được chuyện này.

Luôn luôn được bệnh nhân khen ngợi là sự thưởng. Nhưng có một lần, một bệnh nhân trước khi tạ thế đã để lại di chúc cảm ơn anh ! Lần đầu tiên tôi thấy anh xúc động, người bệnh nhân trước khi già từ cuộc đời còn nghĩ đến mình, thực là điều quý báu cho một bác sĩ.

Nhiều khi tôi không khỏi bức mình vì khó lòng mới có một tối mà chúng tôi đều rỗi rãi để cùng đi dạo phố...

«Đợi anh một lát nhé !», anh nói.

Tôi thấy anh vội vã biến mất vào một ngõ hẻm. Để tạt vào thăm một bệnh nhân mắc bệnh nặng đang được anh cứu chữa. Anh lo cho người bệnh nhân này có sự biến đổi đột ngột chăng ?

Nhiều bữa cơm tôi cùng các con đã phải chờ lâu vì bệnh nhân quá nhiều. Mỗi ngày phải khám gần một trăm bệnh nhân, nên anh không thể về đúng giờ được. Anh làm việc rất nhiều, nhưng không bao giờ kể về mình, nhưng bệnh nhân họ biết phân biệt nên nhiều khi dù phải chờ lâu, họ cũng cố chờ để được anh khám bệnh. Mãi rất lâu về sau, sau khi về hưu, hay đã định cư sang Hoa Kỳ, vẫn còn rất nhiều người thường hay nhắc đến anh.

Ở chỗ làm việc, anh đối với ai cũng như nhau. Đối với người tập sự trẻ tuổi, anh bao giờ cũng tận lòng giúp đỡ, dìu dắt cho họ chóng thành nghề. Với lòng vô tư và nhiệt thành, anh được mọi người kính mến. Lúc anh từ biệt đất này, nhiều đồ đệ của anh khi tiễn anh ra tàu đã khóc sụt sùi, và vẫn giữ quan hệ thân thiết cho đến ngày nay.

Đối với Việt kiều hay Hoa kiều các nước, gia đình chúng tôi bao giờ cũng nhiệt tình tiếp đãi. Vì không khách sáo, nên luôn luôn có nhiều người tới thăm, chuyện trò thân mật và họ cho rằng chỉ có ở chỗ này, họ mới có thể nói chuyện tự do cởi mở được.

Trong thời kỳ này, đột nhiên tôi nhận được thư của một bà chị họ cho biết tin ông bố tôi vừa mất tại Hải Phòng. Vì chiến tranh, nên liên lạc với gia đình bị cắt đứt, tôi không khỏi bùi ngùi nghĩ đến người cha đã qua đời mà tôi không được gặp lần cuối. Bố tôi suốt đời cặm cuội buôn bán làm giàu, nhưng cuối cùng mấy chục ngôi nhà ở Nam Định đã bị chính phủ Việt Nam tịch thu.

Bố tôi tuy sống một đời giàu có thừa thãi, nhưng ông không có hạnh phúc với cảnh nhiều vợ đông con. Thật đúng với câu châm ngôn cổ : «Thê đa phu tiện». Có nghĩa là người đàn ông nào lấy nhiều vợ thì người đó không có giá trị gì cả.

Sau đó tôi có nhận được thư người anh cùng cha khác mẹ. Anh ta dự định di cư vào miền Nam, nên gọi tôi về để trông nom mấy ngôi nhà tại Hà Nội mà chưa bị chính phủ phát giác tịch thu. Căn nhà trước tôi ở bị chiến tranh phá hoại, nay đã được chính phủ Pháp xây đền. Đây là lần thứ hai tôi cự tuyệt không trở về nơi Pháp chiếm.

Tờ giấy khai sinh quốc tịch Pháp, tôi đã xé thành những mảnh vụn theo làn gió bay xuống mặt đất...

Đầu năm 1976, tôi có nhận được bức thư của người chị từ Sài Gòn gửi tới. Trong thư chị kể :

«Sau những ngày em ra đi, ba thường nhắc tới em trong những bữa cơm và luôn luôn lo lắng cho số phận của em. Cho đến khi hấp hối trên giường bệnh, ba đã buồn rầu thở hắt ra khi biết rằng còn thiếu em ở phương xa. Ba đã gọi tên em nhiều lần, với nỗi hối hận đầy vò. Giờ phút đó tình cảm thực của ba đã được bộc lộ... Nếu bây giờ ba còn sống thì rất vui mừng khi được tin em một người con phiêu bạt của ba đang sống hạnh phúc bên chồng con...»

Mẹ tôi nếu quả là ở nơi «cực lạc», không biết bà nghĩ sao ?

XIX. Những Thành Viên Mới

Năm 1950, đứa con đầu lòng tôi đã ba tuổi. Lúc đó chúng tôi đều có công ăn việc làm, đời sống tạm yên ổn. Giữa năm đó tôi vào nhà thương chỗ anh Bách làm việc để đẻ đẻ. Một tháng sau vào buổi trưa ngày 25 tháng 7, tôi sinh ra đứa con gái thứ nhì, do một bà bác sĩ thân tình đỡ (ở đây thường là do cô đỡ đỡ đẻ), anh Bách cùng ở bên tôi cho đến khi đứa bé ra đời bình an. Tôi cũng không ngờ sinh đứa con này nhanh chóng như vậy. Nó bụ bẫm khỏe mạnh, nặng 4 ký, mắt to, lông mày rậm, nhưng khuôn mặt tròn trĩnh có vẻ giống tôi hơn. Đó là Hứa Linh.

Bé này hay ăn chóng lớn. Chẳng bao lâu trong một đợt mới, chúng tôi đều được tăng lương. Những người chung quanh đều cho rằng đứa con này đã đem lại may mắn cho bố mẹ.

Trong những năm đầu thập niên 50, quan hệ Trung-Xô rất thân thiết, mọi thứ đều học theo Liên Xô. Ở đây bắt đầu học «Phương pháp đẻ không đau». Tôi lúc đó tham gia ban học tập này. Trước hết họ giảng cho sản phụ biết sinh nở là việc tự nhiên của loài người. Phải bỏ tâm lý cổ hủ từ nhiều thế kỷ trước, cho việc đẻ con là «chỉ cách Diêm Vương một tờ giấy», nghĩa là rất nguy

hiếm.

Tối ngày sinh, tôi vào phòng hộ sinh thì thấy ở đây họ bày biện như ở trong gia đình làm cho người ta cảm thấy ấm cúng. Một cô y tá ngồi nói chuyện với tôi, hỏi tôi đã có mấy con, đứa con tương lai sẽ mong như thế nào ? ... Một cô thì ngồi nắn bụng cho mình cảm thấy dễ chịu, một cô khác thì chuyên chú về việc đỡ đẻ. Chẳng bao lâu thì tôi sinh ra đứa con gái thứ ba mà quả là không thấy đau đớn gì cả. Họ đã dùng cách phân tán tinh thần để đỡ đẻ.

Ai cũng khen đứa bé này xinh, đôi mắt to đen láy, với đôi mày rậm không thể lẫn được với những trẻ khác. Mọi người đều đến chúc mừng. Họ vừa là đồng nghiệp chung với anh Bách, vừa là những nhân viên có con cái đang học tại trường tôi dạy nên đối với tôi rất có thiện cảm và thân thiết.

Hôm đó là ngày 7 tháng 11 năm 1952, đúng vào ngày thành lập 35 năm của Liên Xô nên mọi người đều phải đi dự lễ. Khi có việc vừa về đến nhà, anh Bách mới biết tôi đã vào nhà thương. Anh vội vàng tới thăm, một cô y tá bế luôn đứa con để anh coi và nói luôn :

«Mãi đi đâu mà quên cả vợ ?»

Lần đầu tiên tôi được hưởng khám bệnh miễn phí, lại còn được nghỉ để tám tuần ăn lương. Luật này vừa được ban bố không lâu. Đứa con này là Hứa Loan.

Tối hôm 14 tháng 6 năm 1955, có người mời chúng tôi ăn cỗ cưới. Trong lúc chờ đợi, tự nhiên tôi thấy trong người hơi khó chịu, bèn một mình đi bộ tới nhà thương phụ sản khoa, cách nhà không xa mà không đem theo gì cả. Không ngờ tới nơi, tôi bị giữ lại và nửa giờ sau, tôi sinh ra một đứa con gái nữa trong lúc anh Bách đang vui vẻ ngồi ăn cỗ cưới !

Đứa con gái này cũng xinh xắn như các chị nó, nhưng nhỏ nhắn hơn, nặng có 3 ký thôi. Gia đình lại thêm một thành viên mới, lẽ cố nhiên cả nhà đều vui mừng. Đó là Hứa Anh.

Năm 1957 tôi vừa nghỉ hè xong, chiều hôm 29 tháng 8, tôi lại sinh thêm một đứa con gái nữa. Đó là Hứa Chân.

« Bà vừa sinh một cô gái nữa ! »

Sau khi tan việc làm, vừa bước vào nhà, anh Bách được người coi con trong nhà cho biết tin. Anh không tin lắm, vội vàng vào nhà thương. Lúc đó đã hết giờ thăm, nhưng vì là bác sĩ quen nên anh được mọi người

nhật tình tiếp đãi. Một cô y tá trẻ đã nhanh nhẩu bế luôn đứa con để anh bế. Ai cũng khen nó xinh và trêu anh là có tướng làm bố vợ vì ít có người liên tiếp để năm người con gái như vậy !

Các đồng sự của tôi cũng vui vẻ đến thăm. Cả phái nam cũng tới vì lúc đó quan niệm phong kiến cổ hủ đã bị phá vỡ Mọi người đều nói phải hát bài «Năm đóa hoa vàng». Đó là bài hát trong một cuốn phim đang thịnh hành lúc đó ca tụng năm cô gái làm việc xuất sắc !

Có người cho tôi biết cách đây chỉ độ mười năm về trước cũng tại đất này, nếu có người đàn bà nào liên tiếp đẻ ba, bốn đứa con gái thôi thì người chồng đã có thể viện cớ này để lấy vợ lẽ vì không có con trai nối dõi tông đường. Tôi không khỏi ôm bụng cười vì đẻ con gái đâu phải lỗi của phụ nữ chúng tôi đâu !

Vào thời kỳ 1959-1962, sau mấy năm đói kém kinh tế đã bắt đầu được khôi phục. Đã sáu năm rồi, tôi lại có mang. Lần này tôi phân vân, không biết có nên đẻ nữa không ? Anh Bách thì cũng sợ phụ đảm nặng, vả lại chúng tôi xem con trai gái cũng như nhau, nên anh cũng khuyên tôi suy nghĩ. Tôi đến thương lượng với bà bác sĩ phụ sản khoa là gia trưởng học trò mà tôi quen biết từ lâu. Bà khuyên tôi nên đẻ đứa con này vì với tuổi 38 sau này khó có cơ hội sinh nở nữa. Tôi nghe lời và quyết

định sinh thêm đứa con này, may ra là đứa con trai mà chúng tôi chưa có.

Ngày 11 tháng 10 năm 1963, tôi sinh ra một đứa con trai làm kinh động cả nhà thương quen thuộc này. Từ viện trưởng, bác sĩ đến nhân viên trong nhà thương đều đến buồng tôi chúc mừng vì họ toàn là gia trưởng học trò tôi.

Trong mười năm, tôi liên tiếp sinh năm đứa con gái, nay chúng đã lớn. Lần đầu tiên thấy đứa em nhỏ vừa vui mừng vừa lấy làm lạ. Đó là Tường Kiên. Cũng như mọi lần, anh Bách không quên dặn người nhà mua bó hoa cắm trong nhà để đón con về. Khi đi làm về, anh tới thẳng nhà thương để đón tôi, nhưng trước đó tôi đã được một toán học sinh đón về nhà rồi.

Nuôi đứa con này rất tốn kém vì phải dùng sữa bò, mà sữa bò lúc đó khá đắt, nên tôi phải tiết kiệm mọi chi tiêu trong nhà. Từ lúc sinh con cho tới đầy tháng, tôi mới dám mua một con gà ! Tuy đời sống thanh đạm, nhưng tôi hồi phục sức khỏe rất mau. Chẳng bao lâu tôi đã lên cân. Mọi người đều cho rằng tinh thần thoải mái còn hơn là bồi dưỡng bằng thịt thà ?

XX. Những Vận Động Chính Trị

Cải Cách Ruộng Đất

Dưới chế độ Trung Cộng, nếu không có gì đặc biệt thì công việc vững chắc, không sợ bị thất nghiệp, tuy rằng lương ít, mức sống thấp. Vì luôn luôn phát động những vận động chính trị, nên mọi người không những bị bận bịu, tinh thần căng thẳng mà còn làm cho một số người không may bị chết vắn, đấu tố thậm chí phải đi cải tạo và tù tội...

Đảng Cộng sản Trung Quốc mới nắm chính quyền được vài năm thì tại nông thôn bắt đầu «cải cách ruộng đất», tức là đem ruộng của địa chủ chia cho bần cố nông. Định nghĩa «địa chủ» là người có ruộng mà không lao động, sống dựa vào số thóc nộp của nông dân. Ở trường hợp này, nếu địa chủ có hàng trăm mẫu ruộng và giàu có thì dễ phân biệt. Nhưng đi vào thực tế, thì có nhiều trường hợp khó mà phân biệt được. Thí dụ như ở tỉnh Quảng Đông này, có nhiều người buôn bán, họ mang tiền về quê tậu ruộng. Người khác thì nhờ có thân nhân ở nước ngoài gửi tiền về tậu ruộng để nuôi bố mẹ. Lại có người chỉ có dăm ba mẫu ruộng, nhưng vì tuổi già sức yếu không làm ruộng nổi phải sống dựa vào số thóc của người thuê ruộng...

Có những đội làm việc, dựa tin vào bản cổ nông, vì tư thù riêng, cộng thêm văn hóa thấp và muốn dâng công... nên đã xảy ra nhiều vụ đầu tố nhầm. Có người nông dân trước kia chết đói vì thiên tai, nay đổ lỗi cho địa chủ gây ra phải đền mạng ! Nhiều người vì già yếu không chịu nổi sự đầu tố ngày đêm đã phải tự tử. Họ hàng thân thuộc không ai dám giúp đỡ vì sợ liên lụy. Con cháu địa chủ bị bỏ đói cũng nhiều.

Thành phố Phật Sơn, giáp với huyện Nam Hải. Có một lần tôi thấy một chuỗi dài độ vài ba chục người bị buộc vào với nhau. Mỗi người trên cổ đều đeo biển đề tên tuổi và tội trạng. Những người này bị mang đến công viên tỉnh này để xử bắn. Họ toàn là địa chủ, đại đa số là những người già cả, trong đó cũng có một số ít là phụ nữ. Lúc đó giao thông còn lạc hậu, không có xe hơi để chuyên chở nên họ toàn phải đi bộ. Vì đường xa và có lẽ vì sợ hãi, nên có nhiều người gần như kiệt sức đi không nổi, bị lính lôi đi một cách khó nhọc. Người nào cũng buồn bã, cúi gằm. Cũng có một vài người can đảm hơn ngơ ngác nhìn chung quanh xem có ai quen để nhắc họ người nhà đến nhận xác. Trông thấy cảnh đau lòng này, tôi lảng lạng quay đi không muốn nhìn nữa.

Công Tư Hợp Doanh

Chẳng bao lâu thì ở tỉnh bắt đầu có vận động «công tư hợp doanh», đối tượng là những người thương gia giàu có. Trước hết chính phủ phái cán bộ tới những công xưởng lớn để cai quản. Người chủ vẫn được làm một chân trong ban quản trị mới, lương cao hơn công nhân một chút. Nhà nước tính số vốn là bao nhiêu sẽ chia ra làm hai mươi năm trả lại, gọi là chính sách «mua chuộc». Chính sách này tiến hành êm dịu, thuận lợi, không có gì đáng tiếc xảy ra. Nghe nói là do Lưu Thiếu Kỳ đề xướng.

Sau một thời gian thực hành, đến khi «văn hóa cách mạng», Mao cho đó là chính sách «xét lại», mọi hợp đồng ký kết đều bị hủy bỏ, người tư bản bị đem ra đấu tố, lại nhiều cảnh tự tử hay tù tội xảy ra.

Túc Phản

Tiếp theo «công tư hợp doanh» là vận động «túc phản», đối tượng là những nhân viên làm việc cho chính phủ cũ, kể cả cán bộ mới. Họ tra xét từng ly, từng tý một, cố ý moi móc tìm tội trạng để kết tội «phản động», hay «phản cách mạng».

Những nhân viên ở chế độ cũ, phần nhiều bị đầu tố. Có nghi vấn thì bị sa thải, nếu bị buộc tội thì đi tù. Nhiều người vì không chịu được sự vu khống và đầu tố nên tự sát. Số người chết không ít lại còn bị gán thêm tội «đổi kháng vận động» sau khi chết. Họ hàng, bạn bè đều phải lánh xa vì nếu ai đồng tình thì bị coi là «mất lập trường». Có người không chịu được đầu tố nhận tội liền thành ra bị oan. Khi một người bị coi là phản động thì cả gia đình phải chịu kỳ thị nặng nề, đời sống rất khổ nhục.

Tam Phản

Vận động «tam phản» là phản quan liêu, phản tham ô, phản lãng phí. Mới nghe danh từ này ai cũng tán thành, cho là mục đích của vận động này hay.

Nhưng đến khi tiến hành công việc thì quá cực đoan, vì họ nêu ra khẩu «tha hồ nghi ngờ». Nhiều người chỉ vì muốn lập công, muốn lấy lòng cấp trên, không có bằng cứ gì mà chỉ «nghe nói» cũng đem ra tố cáo, nhất là đối với người giữ tiền, giữ kho. Họ thay nhau đầu tố cả ngày lẫn đêm, có nhiều người vì mệt quá nên nhận tội đại để được yên thân. Có người chịu không nổi đã nhảy từ gác cao xuống đất tự vẫn, có người bị sa thải, tù tội

Một phụ nữ ở gần nhà tôi, chồng bị bắt vì tội buôn bán chợ đen, nhưng vì không có bằng chứng, nên người đó không nhận tội. Một tay công an vì muốn lập công ngày đêm khuyên nhủ anh ta nên nhận tội, hứa sẽ giảm án. Anh ta tin thực và nhận tội là đã bán chợ đen hàng ngàn phiếu gạo. Kết quả là bị tử hình ! Hôm tuyên án, còn cố ý để người vợ anh ta đến dự. Không biết sau này, tên công an đó có bị lương tâm cắn rứt hay không ?

Phương pháp đấu tố này đã giết hại không biết bao nhiêu mạng người !

Phản Phái Hữu

Vì là giáo viên nên những vận động trên, tôi không trực tiếp tham gia. Nhưng vận động «phản phái hữu», đối tượng là phần tử trí thức vì Mao cho rằng những phần tử này phức tạp, lập trường ngang ngửa bất định, mà lại cứng đầu cứng cổ, thường không làm đúng theo đường lối Đảng.

Cuối năm 1957, cán bộ cấp trên tuyên bố với giáo viên là :

«Vì muốn đề cao uy tín của Đảng giữa quần chúng và vì muốn liên lạc chặt chẽ giữa quần chúng để đi đến đoàn kết, trong tám năm qua chính quyền có khuyết

điểm gì, hoan nghênh mọi người phát hiệu ý kiến. Mong mọi người viết ý kiến trên tờ giấy lớn, treo trên tường để mọi người đều được biết. Đó là «bích báo» hay «đại tự báo».

Lúc đầu chúng tôi còn viết ở trong trường, sau tập trung sáu, bảy trường học, hàng trăm giáo viên làm một tờ để viết. Tôi cũng như mọi người ngây thơ tưởng là thực nên nghĩ gì là viết ấy, chẳng cần nghĩ ngợi gì cả. Càng viết nhiều, càng được khen, tôi viết :

«Mỗi khi có vận động chính trị, có nhiều người tự sát, có phải chính sách quá «tả» không ?»

«Có người không giết người mà bị xử tử, luật pháp có phải là quá nghiêm không ?»

«Có người trình độ kém mà lại được làm lãnh đạo, có hợp lý không ? ...»

Nhiều giáo viên, gia đình thuộc địa chủ, đem những vụ đầu tố ra kể. Có người vừa kể vừa khóc, người này kể bố mẹ mình bị chết oan, người khác kể ngay chính mình đã bị đầu oan... Mọi người đều đồng tình khóc theo

Hơn một tháng trời, học trò đều cho nghỉ. Giáo viên nhiệm vụ chính là viết. Không biết phí bao nhiêu là

giấy và bút mực. Bích báo lại vì quá nhiều, treo từ trên xà nhà nổi xuống. Tờ nọ chồng lên tờ kia và mọi người đều bị bắt buộc phải đọc hết. Tất cả cứ phải ngừng đầu lên mà đọc mỗi cả cổ mà cũng không sao đọc hết được.

Qua ba ngày nghỉ Tết, đột nhiên có lệnh bắt hàng ngàn giáo viên ở tỉnh này phải tập trung đến ở một trường trung học lớn nhất ở đây. Không ai được ngoại lệ. Tôi lúc đó có con mọn cũng phải đem cả người coi con tới ở. Vừa mới tới nơi thì thấy ngoài cổng đã có người canh gác, ra vào phải có giấy phép, chẳng khác gì bị giam lỏng. Tôi cảm thấy khó thở và linh tính như báo cho biết có tai nạn gì sắp xảy ra !

Ngày hôm sau, mọi người như tỉnh mộng vì tôi thấy cán bộ đã thay đổi thái độ. Giọng nói nghiêm khắc và đanh ác :

«Đảng yêu cầu mọi người tìm khuyết điểm để đi đến đoàn kết nhân dân. Nhưng nay lại có người lợi dụng cơ hội này để công kích Đảng. Công khai tố cáo cốt để Đảng mất uy tín. Có người còn đứng vào lập trường phản động, nói xấu Đảng. Những kẻ này là những đứa con hiếu thảo của bọn địa chủ, tư bản. Chúng ta cần phải vạch mặt bọn chúng....»

Tôi cảm thấy ngay mình đã bị mắc lừa ! Thế là sau đó một tháng trời, ngày đêm giáo viên bị đem ra đấu tố. Họ lấy những lời viết trên bích báo làm chứng cứ, gán cho người này là «phản động», người kia là «phản cách mạng». Có một bà giáo thường ngày ít nói, suốt một tháng trời bà ta chỉ viết một tờ bích báo kể chuyện mẹ bà ta đã bị đấu tố đến chết, trong cuộc vận động cải cách ruộng đất. Thế là bị gán ngay là : «đưa con hiếu thảo của giai cấp địa chủ» và kết tội là «phái hữu» tức là kẻ thù của nhân dân. Sau đó bà ta bị cách chức, phải đi lao động.

Mỗi khi bắt đầu đấu tố ai, thì người đó ngồi ở giữa, mấy chục người ngồi chung quanh, đem từng câu, từng chữ của người ấy đã viết để trách mắng, chửi rủa, quát tháo, lại không cho cãi lại. Nếu không nhận tội thì bị gán là «ngoan cố». Cuối cùng không thoát khỏi bị chụp mũ là «phái hữu».

Những người này phần nhiều lớn tuổi, đã từng làm đốc học hay chủ nhiệm ở chính quyền cũ, cũng có một số thanh niên xuất thân từ gia đình địa chủ hay tư bản. Có một số người trẻ tuổi thực thà, bộp chộp đem những sự mắt thấy tai nghe trong những vận động chính trị kể ra. Họ có biết đâu, Đảng chỉ thích khen, không thích chê, nhất là không muốn nghe sự thực !

Kết thúc vận động chính trị này, một số giáo viên bị đem đi cải tạo, một số khác bị quản thúc tại trường, không cho dạy học, phải quét tước, rửa nhà xí, thường bị học sinh làm nhục vì bị coi là kẻ thù của nhân dân. Họ hàng bạn bè xa gần đều xa lánh vì sợ liên lụy. Sau này tôi mới biết trong đó có một số giáo viên phải đi cải tạo tới tận miền đông bắc Trung Quốc. Ở đó hoang vu, suốt năm có tuyết. Đã quen sống ở nơi ấm áp, đến đó khó lòng mà chịu được khí hậu, sau này nếu còn sống sót được trở về với gia đình là may mắn lắm.

Cả nước mấy trăm ngàn người đột nhiên bị gán là «kẻ thù của nhân dân», cả đến sinh viên cũng không thoát khỏi tai họa này. Sau này tôi lại biết thêm có người chỉ vì làm việc xuất sắc được quần chúng quý mến, thí dụ như một bác sĩ mổ giỏi, một thầy giáo dạy tốt... bị tư thù hay bị ghen ghét vì họ cho rằng phải quý mến đảng viên mới là đúng lẽ. Nay nhân cơ hội này chụp mũ cho hả dạ! Có người có tật hay nói, hay moi những khuyết điểm của đảng viên ra kể, thế là bị cho ngay «công kích đảng viên là công kích Đảng» ! Vì thế sau này người ta thấy những đảng viên có khuyết điểm cũng làm ngơ. Đó là cái mầm làm cho sau này đảng viên lỏng quyền tham nhũng, lấy của công làm của riêng một cách công khai mà chả ai dám nói hay buồn nói.

Hậu quả của cuộc vận động «chống phái hữu» này rất tai hại, vì nó đã làm mất tin tưởng của Đảng trong giới trí thức. Những người có lương tri đã nhận thấy đảng độc quyền, độc hành, lừa dối nhân dân. Người trí thức đã xa lìa đảng. Người nào khôn khéo thì chỉ khen tốt để tránh sự khó dễ tai vạ vì nói thực thì bị phê bình. Riêng tôi mỗi khi nghĩ đến cuộc vận động chính trị này không khỏi rung mình ghê sợ, tuy chỉ bị phê bình qua loa.

Sau này tôi lại được biết (vì phong tỏa tin tức), lúc đó tại Hung Gia Lợi có cuộc khởi nghĩa. Dân chúng biểu tình phản đối chính phủ, phản đối Liên Xô. Đảng Cộng Sản Hung Gia Lợi suýt bị lật đổ, hàng ngàn người bị tù tội, một số bị xử tử... Mao được tin này rất sợ hãi, nên lợi dụng cơ hội này để dẹp trước một màn chống đối «khua rắn ra khỏi động rồi mới đánh». Với thủ đoạn này biết bao người bị chết oan. Không những thế, những thành viên trong gia đình họ cũng bị kỳ thị, ghi vào sổ đen. Lúc đó năm hạng người : địa chủ, phú nông, tư bản, phản cách mạng (gồm phái hữu) và phần tử xấu (lưu manh, tội phạm) đều bị coi là kẻ địch, bị quản thúc. Những người đó khi đã bị chụp mũ thì khó mà ngóc đầu lên được.

Công Xã Nhân Dân Nhảy Vọt Lớn

Năm 1958, toàn quốc phải học đường lối của Mao - «Tổng lộ tuyến nhảy vọt và nhân dân công xã», cùng với khẩu hiệu : «Đuổi Mỹ siêu anh. Tiến sớm vào xã hội cộng sản»; «Công xã là bậc thang lên thiên đàng».

Lạ nhất là họ kêu gọi mọi người phải mặc quần áo đẹp, phụ nữ phải uốn tóc, mặc váy, mặc áo hoa để tỏ ra mình đang đi đến «thiên đường». Lúc đó mức sống rất thấp, cơm chưa đủ ăn, lấy đâu ra quần áo đẹp ? Như thế là xã hội chủ nghĩa ư ? Tôi rất lấy làm lạ, nghèo nàn như vậy mà gọi là «thiên đường» ?

Lúc đó ngoài giờ dạy học chính thức, tôi còn phải dạy thay cho những người bị gọi đi làm việc khác. Lại còn phải đi luyện gang thép. Mình có phải là công nhân chuyên nghiệp đâu ? Vì thế chúng tôi chẳng cần phải suy nghĩ gì, suốt tối cứ việc ném củi vào lò như người máy. Còn việc có thành gang thép hay không là việc của người khác.

Còn học trò thì ban ngày đi học, tối chúng rủ nhau dọn đến trường ngủ ngay tại lớp học, lấy có sống tập thể. Không ai dám can thiệp đuổi chúng, nên chúng tha hồ quậy phá, bừa bộn, bẩn thỉu và vô trật tự.

Một hôm bà hiệu trưởng ra lệnh :

«Phải tuân theo khẩu hiệu chính trị là nhất, dạy học là nhì. Chúng ta phải học công nhân ngày đêm làm việc không ngừng».

Thế là sau tám tiếng làm việc, tôi không cho giáo viên chấm bài và chuẩn bị bài vở. Đúng 7 giờ tối, mọi người phải đến trường ngồi như tượng gỗ để viết những bài văn ca tụng đảng. Ai nấy đều ngồi cắn bút làm như vẽ đang suy nghĩ, kỳ thực ai nấy trong đầu đều đang suy nghĩ đến ngày mai phải giảng những bài gì cho học trò nghe. Đôi khi có bà giáo lớn tuổi viết ra mấy câu thơ lẩy lẹ tuy chẳng hay ho gì, nhưng mọi người đều xúm lại không ai bảo ai, đều khen lẩy khen để. Mỗi tối đều như vậy, ngồi tới 12 giờ đêm mà chẳng ai viết được nên hồn cả. Thực là ngu xuẩn, vừa phí thì giờ mà bài gì lại còn hại sức khỏe nữa.

Nhiều đêm khi về tới nhà, tôi ngồi phịch xuống bậc cửa ngay cổng nhà để được thanh thoi chốc lát, vì khi vừa vào trong nhà là đứa con nhỏ đang đợi tôi và bố nó thì cũng mệt quá rồi. Chỉ có những người mẹ đã sống trong hoàn cảnh này, mới hiểu được sự này. Mọi người ai cũng phải cắn răng chịu đựng.

Cũng trong năm đó, tại nông thôn thực hành «công xã nhân dân», ai cũng bắt buộc phải gia nhập «Hợp tác xã». Dân quê vốn sống nghèo nàn, vả lại ai cũng sợ bị thiệt thòi nên chỉ trong một thời gian ngắn, họ giết vịt hoặc dẫu đi bán những gà vịt để giữ tiền cho chắc chắn hơn. Họ sợ mang vào hợp tác xã của cải sẽ bị mất hoặc bị thiệt thòi (hiện tượng này giống như ở Liên Xô năm 1919).

Gia nhập công xã, tất cả đều là của chung. Làm nhiều làm ít, lương cũng như nhau, ăn ở thực đường cũng như nhau. Mao đưa khẩu hiệu «công» và «đại». Ý nói tập thể càng lớn thì nhất định phát triển nhanh về mọi phương diện. Nhưng vì ai cũng coi là «công» nên không ai quản lý, không có kỷ luật và kết quả đại đa số nông dân không muốn làm gì cả. Mỗi ngày ra đồng lấy lệ, độ mấy tiếng đồng hồ. Còn bọn đội trưởng toàn là quan liêu, chỉ biết hội họp, học chính trị và tán gẫu. Vì thế mức sản xuất bị sụt kém rất nhanh, đồng ruộng bỏ vắng, mùa màng thu vào thì ít mà người ngồi ăn thì nhiều, dần dần ăn vào thóc giống. Cảnh thiếu thốn lan tràn khắp nơi, thành ra nạn đói thật sự ! Nhưng họ đều bưng bít tin tức không cho dân biết và không bao giờ chịu nhận lỗi mình, thừa nhận có nạn đói, sợ mất tín nhiệm của người dân đối với đảng. Lại vì sợ mất thể diện, nên họ đổ lỗi cho thiên tai và vì Liên Xô đòi nợ gấp nên mới

khủng hoảng kinh tế như vậy.

Chẳng bao lâu thì mọi thứ thực phẩm cung cấp cho tỉnh thành đều bị thiếu thốn trầm trọng. Không còn thấy bóng gà vịt nữa. Họa hoằn nếu có thì đó là do nông dân đem bán giấu giếm với giá chợ đen gấp sáu, bảy lần giá chính thức. Những vật chính phủ cung cấp như gạo, củi, dầu, thịt... mỗi ngày một giảm. Trước kia mỗi người mỗi tháng được cung cấp trên dưới 12 ký gạo, bánh trái mua ăn không bị hạn chế, nay bị giảm bớt một, hai ký, và nhất là những quà bánh làm bằng gạo hay bột mì nay phải dùng phiếu gạo mới mua được. Thịt mỗi tháng mỗi người mua được 1/4 ký. Giá chợ đen ngày một lên : 60 đồng 1 ký thịt, 30 đồng 1 con gà với số lương trung bình độ 40 đồng một tháng thì làm sao mua nổi ? Tuy lương chúng tôi cao hơn một chút, nhưng vì đồ ăn quá hiếm và đắt nên cũng rất khôn đốn.

Gia đình chúng tôi lúc đó có năm người con, và một người coi trẻ. Tất cả đều trông vào số phiếu cung cấp. Ngày nào cũng ăn bí lộc, cuối tuần phải đi xếp hàng mấy tiếng đồng hồ mới mua được 1/2 ký thịt về. Hôm đó các con vui mừng như được ăn cỗ. Lúc đó tôi còn phải nuôi con mọn, đến khi cai sữa không sao tìm ra phiếu gạo để mua bánh cho đứa con nhỏ phòng đêm khuya nó quấy. Anh Bách có khi vào buổi trưa, ở chỗ làm việc,

anh ăn một chiếc bánh nhỏ với cốc nước nóng, thế là xong một bữa. Anh đã dùng cách này để dành phiếu gạo mua bánh cho con. (Mỗi bữa anh ăn ba lạng gạo, nay ăn một chiếc bánh, họ tính một lạng gạo, thế là họ trả lại hai lạng bằng phiếu gạo, phải dùng phiếu gạo đó mới mua được bánh).

Gia đình đông con mà thường phải nhường cho chúng ăn, nhiều khi thấy anh Bách công việc quá nặng nhọc (quá nhiều bệnh nhân), tôi dành một quả trứng để anh ăn riêng. Nhưng đến khi ăn thì quả trứng này đã thành ra sáu người ăn. Anh đã gọi các con đến cùng ăn. Trông y như cảnh những con chim nhỏ đang há mồm đòi bố mớm ăn (giá một quả trứng lúc bấy giờ bằng 1% số lương của tôi).

Chẳng bao lâu thì tôi mắc bệnh phù. Bệnh này là do thiếu dinh dưỡng mà nhiều người đang mắc phải lúc đó. Mặt và chân bị sưng, nếu lấy ngón tay ấn mạnh vào má hay bắp chân thì sẽ thấy lõm sâu rất lâu... Lúc nào trong người cũng thấy mệt mỏi, chân tay rời rạc, tối đến không sao gượng được, vì vừa mới chấm được mấy bài học trò là ngủ gật liền... Bác sĩ chữa bệnh này chỉ có một cách là cho ăn cám, tức là lấy cám nấu với tí nước đường, viên từng viên một đem sấy lên là ăn được. Cám lúc đó cũng hiếm, phải có đơn của bác sĩ mới có. Tôi

phải ăn cám mấy tháng trời. Đang lúc đói kém, nên có cám vào bụng thì cũng đỡ đói.

Thật đúng với câu nói của Lâm Bru trong lúc Hồng quân trường chinh :

«Chỉ có những người đói mới cảm thấy mùi vị cám là ngọt !»

Tuy ở trong thời kỳ khó khăn, những gia đình đông con nhỏ mà bố mẹ đều đi làm đành phải mượn người coi trẻ vì lúc đó chưa có «vườn trẻ». Đây là những người ở nông thôn nghèo và lớn tuổi. Họ chỉ cầu có hai bữa cơm ăn và chút tiền công. Vì vậy chúng tôi phải tiết kiệm và chịu đựng thiếu thốn để có người coi con.

Thấy tình hình như vậy, chính phủ phải cấp thêm một số phiếu thực phẩm cho một số công chức cao cấp như đường, dầu, mật ong... còn có cả thuốc lá nữa. Anh Bách cũng có một phần, anh chỉ lấy những thứ cần thiết cho gia đình, còn thì chia cho những người ở tình cảnh thiếu thốn nhất và nghèo khổ nhất.

Lúc đó sống được như thế là còn may mắn lắm vì Quảng Đông là cửa ngõ miền nam Trung Quốc và là một tỉnh giàu nhất nước. Vì muốn giữ thể diện nên mọi người còn có bát cơm ăn. Người nào có thân nhân ở

Hồng Kông hay ở nước ngoài và ngay cả ở Việt Nam thì họ gửi dầu, đường, bột mì về. Ở xa nữa thì gửi tiền để mua thực phẩm với giá chợ đen.

Trong lúc mọi người đều đói, cơm không đủ ăn, nhất là vào những ngày mùa đông gió rét, mưa tầm tã thì càng thấy rét hơn nữa. Hai chữ «đói rét» bao giờ cũng đi đôi với nhau, trong người run cầm cập, rét hơn những năm trước nhiều. Không biết ai đã nghĩ ra một lối ăn không tốn kém mấy, no lâu và còn ấm bụng nữa. Đó là món cơm nóng trộn với mỡ ! Phải là cơm vừa chín tới, xới ra bát nóng hôi hổi, tưới lên cơm một thìa mỡ và trộn vào chút xì dầu (hay nước mắm). Mùi thơm của cơm vừa chín tới lẫn với mùi mỡ thơm rục. Chỉ một lát là ăn xong một bát cơm ngon lành !

Nên nhớ, đây phải là người trong tranh thiếu ăn mới cảm thấy bát cơm ngon lành như vậy !

Sau này có người ở tỉnh khác cho biết, trong hai năm đó, họ không trông thấy gạo, bột mì. Họ toàn ăn bắp, khoai và kê. Nhiều nơi có rất nhiều người chết đói, nhưng vì bị phong tỏa tin tức, nên dân chúng không hề hay biết gì cả. Họ không chịu lấy Liên Xô làm bài học để những lỗi lầm và tai họa tái diễn. Thực là một lỗi lầm lớn trong lịch sử Trung Hoa.

Đại Cách Mạng Văn Hóa

Năm 1966, Mao phát động «đại cách mạng văn hóa». Lúc đầu mọi người chỉ viết bích báo phê bình nhẹ nhàng người lãnh đạo có tư tưởng xét lại. Nhưng sau vì Mao hô hào «làm phản có lý» nên mỗi đơn vị đều tổ chức những đội «làm phản». Mỗi phái quan điểm khác nhau. Ai cũng đều cho mình làm đúng theo lời hô hào của Mao và phái khác là sai lầm. Không ai chịu thua ai.

Rồi đến học sinh trung học và sinh viên đại học tổ chức những đội «Vệ binh đỏ» với danh nghĩa là bảo vệ Mao. Chúng đi đến đâu là phá đến đấy. Những thứ gì chúng cho là bốn cũ, tức là văn hóa cũ, tư tưởng cũ, phong tục cũ, tập quán cũ là chúng phá không tiếc tay, nhất là học sinh từ miền bắc tới. Thí dụ, ở đây có những nhà cũ, phần nhiều mái nhà có chữ «phúc», thế là chúng đập tan, mặc cho những người đang ở bị dột. Khi chúng vào những xưởng làm đồ sứ, nơi đây những nhân vật lịch sử như Gia Cát Lượng, Lã Vọng..., những lọ hoa bình cổ chạm trổ rồng phượng rất tỷ mỹ cốt để bán ra ngoại quốc, chúng đập tan hết không tiếc tay khiến công nhân không có việc làm. Công viên Tổ Miếu có hai con rồng lớn, chạm trổ rất công phu cũng bị chúng đập tan, còn bắt ông thị trưởng vác đầu rồng đi riêu phố !

Chúng tôi là giáo viên, cũng nhân cơ hội tổ chức «làm phẫn», được cơ quan hàng tỉnh cấp tiền làm lộ phí và cả phiếu gạo nữa để đi «công dư». Chúng tôi đều là những công chức đứng tuổi nên giữ vững nguyên tắc và kỷ luật chỉ đi những vùng gần trong tỉnh này như : Huyện Cửu Giang, Tân Hội, Tây Triều, Tây Nam, Giang Môn... tới đâu chúng tôi cũng được nhà đương chức của địa phương tiếp đón chu đáo. Họ thu xếp chỗ ăn, chỗ ở, giới thiệu huyện này có gì đặc sắc...

Nhân cơ hội này, chúng tôi đi thăm nhiều thắng cảnh như động Thất Tinh. Động này nhỏ hơn động Thất Tinh của tỉnh Quảng Tây nhiều. Đi thuyền len qua những hốc đá, ngắm những hình do thạch nhũ kết thành rất lạ và đẹp. Ở đây có cái trống đá, chúng tôi đã dùng những sợi rom kết thành một hình vuông, đập mạnh xuống quả là nghe có tiếng «thùng thùng», như tiếng trống thật.

Chúng tôi có tới «Bách điều quy sào» tại huyện Tân Hội. Nơi đây trước kia chỉ là một đảo nhỏ hoang vu. Chính giữa đảo có một cây si, lâu ngày rễ cây rủ xuống mặt đất thành những cây nhỏ. Rồi không biết trải qua bao ngày tháng trở thành rừng toàn là những cây si. Cây cối um tùm không một bóng người, không một lối đi. Dần dần những con hạc trắng, những đàn chim bay tới đây là để làm tổ. Những con chim béo tốt, ai

mà chẳng muốn bắt về làm thịt. Cũng may lúc đó dân chúng còn mê tín cho những con chim này sẽ đem lại thịnh vượng và may mắn cho dân ở chốn đó, nên không ai bắt chúng. Đạo đó vùng này còn có tên là «thiên đàn của loài chim». Sau này thì chính quyền ra lệnh cấm săn bắn, nên chim càng ngày càng đông và tới nay đã thành một thắng cảnh của tỉnh Quảng Đông.

Cứ mỗi buổi sáng và chiều, hàng ngàn con chim bay đi khắp nơi kiếm ăn rợp cả một góc trời. Buổi chiều khi chim về tổ cũng là một cảnh lạ đặc biệt mà ít người có cơ hội được trông thấy. Nhiều người hiếu kỳ đã tới nơi danh thắng này cũng chỉ vì cảnh lạ này. Những con chim quả là đã đem lại tài lộc tới cho vùng đất này. Họ còn có truyền cho du khách thuê đẽ vòng quanh đảo xem lúc chim lớn đi kiếm ăn và những con chim non kêu chiu chít, đợi bố mẹ về mớm đồ ăn...

Sau khi đi «ngao du», và trả tiền chi tiêu đầy đủ, còn thừa tiền và phiếu gạo bao nhiêu chúng tôi đều trao trả lại phân minh, không lấy thêm một xu nào.

Cả nước các trường đều nghỉ học để học sinh làm «cách mạng». Bọn Vệ binh đỏ tha hồ đi công du các nơi. Chúng đi đâu đều không mua vé, nếu anh tài xế không chịu chở, chúng đập tan chiếc xe ngay tức khắc. Còn xe lửa thì mọi cửa kính đều bị phá vỡ để chúng

chui vào cho tiện. Chúng chiếm cả chỗ để hành lý để nằm. Trị an không ai quản vì theo lệnh của Mao thì các ban lãnh đạo phải «đứng sang bên». Không ai dám ngăn cản hay can thiệp.

Có người chính mắt trông thấy những vụ đánh đập người rất tàn nhẫn hay giết người mà cũng không dám can thiệp vì sợ vạ lây. Những phần tử xấu nhân cơ hội này cũng đeo dấu hiệu «vệ binh đỏ» để đi ăn cướp, tống tiền hoặc trả tư thù, giết tróc lẫn nhau. Quân đội được lệnh đến ngăn cản, nhưng vì không được lệnh bắn, nên cũng bị chết rất nhiều. Có nơi chém giết lẫn nhau, người chết bị ném xuống nước, máu chảy thành sông, hàng dãy phố bị đốt. Cả nước lâm vào cảnh hỗn loạn...

Đầu năm 1967, nhà trường được lệnh khai trường, nhưng không có sách. Học trò lớn nhỏ đều phải học «cuốn sách đỏ» của Mao. Tại trung học thì cho học sinh đến công xưởng làm việc, gọi là «học công». Đến mùa gặt thì cho học sinh đi nông thôn lao động gọi là «học nông».

Lúc này ngoài đầu tổ những người lãnh đạo, lại thấy đem cả những người địa chủ tư bản ra đầu tổ. Chúng bắt những người này đeo những tấm bảng lớn đề tên tuổi và «tội trạng». Mọi người đứng chung quanh mắng chửi, thậm chí đấm đá. Những người này phần nhiều là già

nua ôm yếu, có người vì không chịu nổi ôm chết hoặc tự tử cũng nhiều.

Vì muốn hấp dẫn người tới xem, chúng bắt người đi riều phở phải đội mũ đen, vừa đi vừa đánh kiềng hô to. Những chiếc mũ này càng ngày càng cao lại thêm mấy mảnh giấy gió thổi phát phơ để dụ dân chúng đổ ra xem. Mọi người chỉ trở chiếc mũ nào cao nhất, lạ nhất, còn người đội là ai, mãi rồi không ai thèm để ý đến vì nhiều quá đâm nhàm.

Một anh hát tuồng có tiếng ở tỉnh này vì lương cao hơn mọi người, nên bị ghen tỵ, gán cho tội «đi theo con đường tư bản» bị lôi đi riều phở. Anh ta vừa đi vừa đánh kiềng hô to : «tôi... có... tội» y như ở trên sân khấu. Mọi người đều đổ ra xem vì dân chúng cũng muốn nhìn mặt anh diễn viên có tiếng này, còn việc anh ta có tội gì thì chả ai thèm chú ý vì ai cũng biết thừa là... bị vu cáo !

Bà thị trưởng của thành phố này cũng bị giải đi riều phở, ngực đeo bảng, còn kèm theo một đôi giày cao gót mua tại Hồng Kông, dùng khi tiếp đãi phái đoàn ngoại quốc tới thăm.

Đầu năm 1968, hai phái vẫn còn cãi cọ nhau không sao giải quyết được. Một phái ủng hộ ban lãnh đạo cũ, một phái có ý kiến bất đồng, tư tưởng tự do hơn. Đảng

cộng sản phái quân đội đến khuyên can cũng không được. Cuối cùng họ dùng chiến thuật «bể người» tức là phái công nhân tới với số người gấp năm, sáu lần tóm hết những người đứng đầu của phái «làm phản». Việc này làm cho mọi người sững sốt ! Lại thêm một lần nữa bị mắc lừa, vì chính Mao hô hào mọi người làm phản. Kỳ thực Mao chỉ muốn lợi dụng để làm âm mưu riêng.

Mao lợi dụng uy tín của mình giữa quần chúng để trừ khử bọn Lưu Thiếu Kỳ và tay chân của ông ta. Lưu đã nắm chính quyền trên toàn quốc. Vì chính sách của Lưu ôn hòa nên được dân chúng ủng hộ hơn. Nay Lưu đã bị hành hạ đến chết. Đạt được mục đích rồi, Mao mới chịu «thu binh».

Trong thời kỳ văn hóa cách mạng hỗn độn này vì không có tiêu chuẩn về pháp lý nên nhiều người bị xử oan mà không có người biện cãi hộ. Một lần có toán học sinh từ Quảng Châu tới, chúng đang đi tìm trại lính để cướp súng. Vì không thạo đường nên chúng phải đi hỏi dò, một anh công nhân trẻ tuổi nhanh nhẩu tự đảm nhận người dẫn đường. Bọn học sinh cướp súng, nhưng có lẽ vì không thạo, nên một cô học sinh lỡ tay bắn chết một anh đại tá. Tòa án quân sự đem việc này ra xử, tuyên án bọn học sinh vô tội, nhưng tòa lại xét hậu quả tai hại của việc này chính là anh công nhân. Tòa tuyên

án anh ta tử hình !

Một anh công nhân trẻ tuổi, bố trước kia bị xử tử, mẹ anh bị bỏ đói chết trong thời kỳ cải cách ruộng đất. Bà chị anh ta cũng bị buộc tội «phản cách mạng» và bị đem ra xử bắn. Tới khi văn hóa cách mạng, chúng lại đem anh ta ra đấu tố, anh ta uất ức không chịu được hô to đả đảo Mao !

Thế là đủ điều kiện để kết tội «phản cách mạng» và chịu chung số phận như bố mẹ và chị anh khi xưa. Anh ta bị đưa đi xử bắn nốt !...

Bọn cán bộ đã dùng máu của người dân để tỏ ra mình trung thành với Mao. Người dân ở đây sợ nhất là phạm tội trong lúc vận động chính trị, vì lúc đó dù có tội nhẹ cũng có thể thành ra tội nặng được.

Đây là một cuộc tranh giành quyền lợi lớn nhất, tàn khốc nhất trên lịch sử Trung Quốc. Biết bao mạng người đã chết oan, bị tử tội và hàng bao nhiêu gia đình bị tan nát. Nhiều người phải trốn ra nước ngoài và cho tới nay, nhiều thanh niên bị mất tích mà gia đình vẫn không có tin tức gì.

Trong đời tôi có hai lần phải đốt. Một lần là trước khi quân Nhật tiến vào Việt Nam, tôi đã đốt hết tài liệu

kháng Nhật. Lần thứ hai là thời kỳ cách mạng văn hóa. Tôi phải đốt hết những trang nhật ký, ảnh và cả tem cũ nữa. Tất cả những gì mà chúng có thể lấy làm chứng có thể gán cho mình tội nọ tội kia là tôi phải đốt. Và có rất nhiều người cũng đã phải làm như tôi.

Tài liệu và đối tượng hai lần khác nhau, nhưng chỗ giống nhau là sau khi đốt, tôi đã khóc vì... tiếc. Tôi biết những vật đó sẽ không bao giờ trở lại với tôi nữa...

Có người hỏi, tôi không phải là đảng viên mà họ để tôi sống được bình thường không bị làm khó dễ như những người trí thức tại Việt Nam ?

Vì tôi là Hoa Kiều xuất thân là học sinh tư tưởng tiên bộ, từ nước ngoài vào.

Nên nhớ, tỉnh Quảng Đông chỗ chúng tôi cư ngụ là cửa ngõ miền nam Trung Quốc. Tại đây từ trăm năm về trước, có rất nhiều người vì đói kém, vì loạn lạc, đã chạy tới những nước lân cận như Việt Nam, Cam Bốt, Thái Lan hay các nước Đông Nam Á, thậm chí tới Hoa Kỳ và các nước Tây Âu để sinh sống. Hàng năm Hoa Kiều gửi về quê nhà một số ngoại tệ đáng kể, có lợi cho nền kinh tế tại tỉnh này. Ở đây có rất nhiều trường học, xa lộ, cầu cống cũng là do Hoa Kiều gửi tiền về kiến thiết. Nhiều nơi còn có «làng Hoa Kiều» toàn là những

biệt thự sang trọng của Hoa Kiều xây, mà được chính phủ bảo hộ. Vì thế từ chế độ cũ đến chế độ Cộng Sản đều có chính sách ưu đãi Hoa Kiều, cởi mở hơn «không tín nhiệm, nhưng không bỏ rơi». Hoa Kiều muốn vào đảng rất khó vì có quan hệ giai cấp phức tạp, nhưng về mặt tư tưởng, họ nhẹ tay hơn, không khắt khe lắm, trong những vận động chính trị.

XXI. Lên Núi Xuống Đồng

Năm 1968, sắp kết thúc «đại cách mạng văn hóa», đại đa số phần tử trí thức cán bộ đều phải đến công xưởng làm việc hay đến nông trường lao động. Chúng tôi «tự hào» với danh nghĩa cao cả là «tiên phong» về công việc cải tạo tư tưởng trong giới trí thức thế giới do Mao đề xướng. Việc này cũng là để «giáo dục lại» bọn trí thức - hay nói một cách khác là «tẩy não» họ.

Trong số người đi này, phần nhiều là những người xuất thân ở gia đình tư sản hoặc có những ý kiến bất đồng. Tôi thuộc cả hai diện này nên cố nhiên là phải đi, tuy lúc đó tôi có con nhỏ. Kỳ đi thì vô hạn định, tôi có thể xin ở lại với lý do gia đình đông con, có con nhỏ dưới hai tuổi và chồng là người ngoại quốc, nhưng tính tôi bướng bỉnh, nên họ muốn tôi đi là đi thôi, không cần nhờ vả ai cả.

Nông trường mà chúng tôi tới là nông trường «Ngũ Thất» (mùng 7 tháng 5, ngày Mao khởi xướng), cách thành phố chỗ chúng tôi ở 40 cây số. Đây là nơi tụ họp của các cán bộ đủ mọi ngành, phần nhiều là những người đứng tuổi, đã từng sinh trưởng ở xã hội cũ, họ cho rằng phải cho bọn này lao động chân tay. Những

người này phần đông là những người ương ngạnh, có ý kiến bất đồng với ban lãnh đạo, những người lãnh đạo mới vẫn cần phải dựa vào họ và trong số những người này có nhiều đảng viên đảng cộng sản.

Họ đưa ra khẩu hiệu «Cải tạo tư tưởng là chính, lao động là phụ», nên mọi người đều phản đối làm việc cả ngày. Ban lãnh đạo bắt buộc phải đồng ý để chúng tôi sáng ra đồng, chiều học tập chính trị. Ngày ba bữa đã có người nấu ăn. Đa số những người tới nông trường đều là những người «làm phản», nên có sự gì không đồng ý là phản đối ngay, vì ở đây có một số cán bộ kỳ cựu làm hậu thuẫn nên không sợ. Trước kia học chính trị, mọi người phải ngồi nghiêm nghị, toàn nghe những lời ca tụng, không một lời phản đối. Nay thì tha hồ mà nói, lại nói toàn những chuyện đầu đầu, nói cho hả dạ. Nhiều khi cả bọn đều ôm bụng lăn ra cười... Tôi chưa từng học ban chính trị nào mà thoải mái như vậy !

Ở đây là nông thôn, khí hậu tốt, ăn toàn là đồ ăn tươi : rau ra đồng hái, cá vớt dưới ao, lợn ra chuồng bắt, lại được tha hồ ăn, không phải hạn lượng như ở tỉnh. Còn việc làm thì không nặng nhọc lắm vì những công việc chuyên nghiệp đã có công nhân của nông trường phụ trách. Chúng tôi thường nhổ cỏ, phơi hạt giống... vừa làm việc, vừa chuyện trò vui vẻ. Vào những ngày cuối

tuần thì ở đây rất náo nhiệt, các đoàn văn công ở tỉnh tới để «ủy lạo». Ở đây lại rất hào phóng, tiếp đãi ân cần (vì là của công), nào nấu cháo cá, nào luộc những bắp ngô tươi lớn để thết. Những món này ở tỉnh thành lúc đó khó mà có để hưởng thụ được.

Có khi vừa được tin Mao tuyên bố một câu nói gì, bất luận ngày hay đêm, bọn này lập tức tập hợp xếp hàng vừa kèn trống, vừa đi vừa hô to lời nói của Mao. Trong lúc đêm khuya, nhất là những đêm rét mướt, dân làng đang ngủ không khỏi giật mình tỉnh dậy, nhưng không ai dám phàn nàn câu nào, chỉ một tội «phản cách mạng» cũng đủ sợ.

Cứ mỗi hai tuần, chúng tôi về thăm nhà một lần. Ai nấy đều «vơ vét» gà, vịt, tôm cá vì dù sao ở đây cũng rẻ và tươi hơn ở tỉnh. Công ty xe hơi cũng cho chạy thêm mấy chuyến đặc biệt vào chiều thứ sáu chuyên chở chúng tôi về thăm nhà vì ông ty trưởng cũng ở ngay đây, chỉ nói một câu là xong.

Ở đây cũng có những kỷ niệm thú vị mà tỉnh thành không sao có được. Một lần trong khi mọi người đang làm việc ở ngoài đồng bỗng trời đổ mưa to. Từ đây về đến chỗ ở khá xa, nhất là phải đi qua một chiếc cầu tre ọp ẹp. Cầu này làm đã lâu, lại đơn sơ, bề ngang chỉ độ 40 phân tây, trên đặt những miếng ván lệch lạc. Ngay

lúc thường chúng tôi bước qua cũng phải rất là thận trọng, phải bước từng bước một vì nó cứ lung lay hoài. Nay lúc mưa to gió lớn, ván lại trơn. Nhưng đó là con đường duy nhất trở về chỗ ở, mọi người đều đứng lại lo ngại, bỗng có một anh cán bộ cởi luôn chiếc áo khoác may bằng bao tải quăng lên mặt cầu. Mọi người như vừa sức tỉnh lập tức làm theo... thế là bọn phụ nữ dút dút như chúng tôi được an toàn bước qua chiếc cầu nguy hiểm này ! Bữa cơm hôm đó mọi người đều phấn khởi và không quên khen anh chàng cán bộ này thông minh.

Chúng tôi đều là những bà chủ gia đình, khi ở tỉnh thành nhiều việc nội trợ phải quán xuyến, nay tới đây mỗi ngày chỉ phải làm việc có bốn tiếng đồng hồ, cơm không phải thổi, tôi lại được ngủ sớm, lương vẫn lãnh đủ như thường, nên mọi người đều thấy nhàn nhã hơn ở tỉnh nhiều. Người nào người nấy đều «phá kỷ lục» về ăn, mỗi ngày tôi ăn được hơn nửa ký gạo, ai nấy đều lên cân... Tôi không có thói quen ngủ trưa, nên thường lợi dụng thời gian này để đan áo, hoặc vá áo các con, cho khỏi phí thì giờ.

Hè năm năm 1969, tôi từ nông thôn trở về tỉnh, rồi từ trường số 3 đổi tới trường số 1. Tôi đã làm việc ở đó hai mươi năm trời, có thể nói là thời kỳ quý báu đáng ghi nhớ nhất trong đời giáo viên của tôi, nên không khỏi

bùi ngùi luyện tiếc những học trò mà tôi đã dạy, những người đồng sự đã cùng sống với tôi trong những ngày nghịch cảnh !

Có người nói tôi tốt số, mọi sự đều may mắn thuận lợi. Tôi được phân phối nhà mới, các con không phải đi nông thôn, lại vừa được đổi sang một trường tương đối tốt hơn... Nhưng họ có biết đâu, đây là một «bí quyết» mà tôi vừa học được tại trường «Ngũ Thất» - «cứng sẽ thắng, mềm sẽ bại !»

Nên nhớ trường «Ngũ Thất» tại tỉnh Quảng Đông - một tỉnh ở cửa ngõ của Trung Quốc, nơi dân chúng có nhiều cơ hội tiếp xúc với ngoài thế giới, một tỉnh giàu có hơn mọi nơi, dân chúng có tư tưởng cởi mở hơn, nên chúng tôi mới được sống trong không khí phóng khoáng hơn.

Trong khi những phần tử trí thức phải đi nông thôn cải tạo tư tưởng, thì những thanh niên ở tỉnh thành cũng phải đi nông thôn để «học lại». Nếu theo lý luận ở trên thì chính sách này rất hay. Thanh niên tại tỉnh thành sẽ đem tư tưởng mới, kỹ thuật mới giúp cho nông thôn tiến nhanh hơn. Nhưng trong thực tế vì mức sống ở tỉnh thành so với nông thôn cách xa nhau quá xa. Nông thôn lại phong kiến lạc hậu quá, với một số ít thanh niên như vậy làm sao xoay chuyển được ? Trái lại thế lực phong

kiến còn ảnh hưởng ngay đến chính người thanh niên đó, tạo ra nhiều mâu thuẫn và nhiều bị kịch không ngờ.

Những cô gái ngây thơ vào tuổi 16, 17 được đưa đến những làng hẻo lánh để sinh sống. Vì dân làng sợ bọn người trẻ này vô ý làm cháy nhà thì họ sẽ bị sạt nghiệp, nên họ làm những nhà tranh ở cách làng khá xa, cửa bằng tre chỉ đập một cái là tan. Nhiều cô gái đêm ngủ phải ôm đòn gánh, có cô phải để con dao ở đầu giường để phòng thân. Có cô bị đưa đến ở chung với một anh bần cố nông vừa góa vợ. Cô thì bị cả bọn anh bần cố nông cố ý dùng mọi cách trêu chọc, chế diễu để ép cô ta lấy một anh bần cố nông vừa ở tù ra³. Có cô vừa tốt nghiệp cao cấp trung học vì sợ phải đi xa nên vội vàng lấy một anh nông dân gần tỉnh thành. Vì văn hóa và phong tục tập quán quá chênh lệch, cô ta bị sống như giam cầm, mất tự do ngay sau ngày cưới.

Vì mức sống quá chênh lệch, những thanh niên đang vào tuổi đầy sức lực nay đi làm đồng ruộng bần lay vất vả, lao động suốt ngày chỉ được vài chục không đủ để mua một lạng thịt. Có nhiều thanh niên bị đưa tới đảo Hải Nam để lấy nhựa cao su. Mỗi người phụ trách một khu hàng mấy chục cây, đều cách xa nhau. Các cô gái mới lớn, quen sống ở tỉnh thành tới đây đều

3 Người dân nào có tiền án rất khó lấy được vợ.

cảm thấy khủng khiếp với chốn hoang vu này. Ba giờ sáng phải dậy làm việc khi trời còn tối thui, người thì ít, nhiều cô phải đành lòng tiếp nhận một người bạn trai để cùng hợp tác, đồng hành và để bảo vệ an toàn nữa. Kết quả là sau này đã xảy ra nhiều cuộc hôn nhân bất hạnh !

Nhiều thanh niên xuất thân «xấu», gia đình không đủ năng lực tiếp tế, chỉ còn nước liều mạng đi vượt biên để tìm tự do và có cơ hội đi các nước khác. Lúc đầu quân đội được lệnh bắn, máu chảy đầy mặt sông, không biết là bao nhiêu thanh niên đã bị vùi thây dưới biển ! Một cô gái vừa bơi vừa đẩy xác người yêu vào bờ Hồng Kông, được mọi người đồng tình giúp đỡ, thành đầu đề một chuyện tình của một cuốn phim nổi tiếng lúc đó ! Thật là một bi kịch của thời đại, đã chôn vùi biết bao thanh niên ngây thơ, chỉ vì tuân theo mệnh lệnh vô trách nhiệm của những người cầm quyền.

XXII. Trong Gia Đình Tôi

Trong những thời kỳ chính trị nóng bỏng ở đất này, nhiều người chỉ vì bị nghi ngờ dù không đủ chứng cứ mà vẫn bị giam cầm tra vấn, hoặc mang ra đấu tố như thường. Nhiều người vì tuổi già sức yếu, hoặc có người tuy ít tuổi nhưng vì bị đánh đập nhiều, nên thường bị ngất ngay tại chỗ. Trong những trường hợp này, nhiều bác sĩ vì sợ liên lụy không dám đến cấp cứu, nhưng anh Bách không sợ bị uy hiếp, bị liên lụy mà vẫn làm đúng chức vụ của mình, đến cứu chữa cho những người này bất chấp là ai.

Một lần anh tới cấp cứu, thì té ra lại là ông bí thư đảng bộ ở tỉnh này. Ông ta đang bị một toán Vệ Binh Đỏ bao vây chặt vấn và bị ngất xỉu. Lúc đó chắc thân nhân ông ta đang thầm cảm ơn anh Bách vì anh vô tình đã giải vây cho ông ta !

Trong những năm cách mạng văn hóa tôi bời, như một trận gió lốc lớn, không một chỗ nào, một gia đình nào thoát khỏi trận tai ương tràn ngập này. Mỗi buổi sáng trước khi đi làm việc, ai nấy đều phải nhẩy múa, hát những bài hát ca tụng lãnh tụ. Trước khi ăn cơm cũng phải nói ba câu cảm ơn lãnh tụ Anh Bách bao giờ cũng giữ vững lập trường, không tham gia chính trị.

Vì là ngoại kiều, anh không ca tụng ai cả. Anh tới làm việc rất đúng giờ, nghĩa là vừa lúc mọi người nhảy múa xong là lúc anh bước vào phòng làm việc. Hành động này trái với một số ngoại kiều sinh sống ở đây, họ cũng phải làm giống mọi người, như ý muốn của nhà cầm quyền để được yên thân.

Trong thời kỳ này, chỉ vì quan điểm bất đồng mà đã làm tan nát không biết bao nhiêu gia đình. Nhưng trong gia đình chúng tôi chuyện này đã không xảy ra, vì từ trước đến nay, chúng tôi đều tôn trọng ý kiến riêng của mỗi người. Cảm tình giữa chúng tôi trước sau như một, không hề bị ảnh hưởng. Anh có thể làm những gì anh muốn làm. Đôi khi có ý kiến bất đồng, nhưng chúng tôi vẫn làm theo ý của mình. Lúc trẻ chúng tôi vẫn thường hay tranh luận về vấn đề «nam nữ bình quyền», nay là lúc được thực hiện trong gia đình. Đó đúng là một thử thách giữa lý luận và thực tế, nói suông hay làm thực !

Ngoài giờ làm việc và đọc sách, anh thường chơi cờ tướng với những người hàng xóm, già có trẻ có, mà thường là thắng nhiều hơn là thua, trước sự ngạc nhiên của mọi người, vì họ nghĩ rằng anh chỉ biết có khám bệnh mà thôi. Mỗi tối thứ bảy, gia đình chúng tôi thường hay đi xem chớp bóng để cho đầu óc được thanh thoi, tuy lúc đó chiếu toàn những phim giáo điều khô khan.

Đời sống của anh rất giản dị, bữa cơm đơn giản không cầu kỳ. Quần áo đủ thay đổi hàng ngày, cần nhất là phải sạch sẽ và thơm mát. Anh sống rất có quy củ, anh thường dậy sớm và không thức khuya lắm. Anh không có thói quen ngủ trưa vì anh cho là phí thì giờ.

Anh Bách không hút thuốc, không nghiện rượu và cũng không thích cờ bạc. Sáng và tối, anh thường uống cốc cà phê Pháp hay Việt Nam mà anh tự pha lấy. Sau này anh chỉ uống cà phê vào buổi sáng vì thứ cà phê mà anh uống quen ở đây lại rất hiếm. Thỉnh thoảng anh cũng uống chút rượu bia, hay thứ rượu nho hạng nhẹ cho vui thôi.

Trong nhà tuy có người giúp việc coi con nhỏ, nhưng vào những ngày cuối tuần, anh thường cùng các con dọn dẹp, lau chùi nhà cửa cho gọn gàng sạch sẽ thoải mái hơn, cốt để luyện cho các con từ thuở nhỏ quen lao động, quen sạch sẽ và ngăn nắp. Từ nhỏ đến lớn, tôi chỉ biết vui đùa vào sách vở, đến khi ra trường trở thành cô giáo, tôi cũng ít tiếp xúc ngoài xã hội nên những việc nội trợ hay điều kiện làm một người «vợ thảo», «mẹ hiền» đối với tôi đều xa lạ. Ở đất này Tết đến lại có tục lệ là nhà nào cũng phải có mấy thứ bánh để thết khách tượng trưng cho may mắn. Gia đình chúng tôi con đông nếu mua thì rất tốn kém, nên bắt buộc tôi phải tự làm

lấy, nhất là thứ bánh rán thì tất phải có cũng như bánh chung bên ta vậy. Sau này năm nào tôi cũng gói mấy chục chiếc bánh chung nhỏ, vì nồi bé, tôi phải chia ra nấu nhiều lần. Suốt đêm, tôi cùng anh Bách thay phiên nhau dậy để thêm than. Tuy bánh gói không được vuông vắn đẹp mắt, nhưng những người bạn tới nhà chúc tết đều khen ngon, có lẽ vì mùi vị Việt Nam lạ miệng ?

Tôi còn nhớ lúc đó trong nhà có chiếc máy chữ cũ mà tôi thường dùng, anh Bách nhất định mang ra Hồng Kông trao trả cho người bạn. Anh nói đó là của công, mình không nên giữ lại, kỳ thực máy đó ở đây thì hiểm, nhưng ở Hồng Kông thì chỉ là rác !

Sau ba năm đói kém, không những tiền để dành đã tiêu hết, vật giá lúc đó cũng chưa hạ lắm và tiền lương cũng không được tăng nên mọi chi tiêu lúc đó không sao thẳng bằng được. Nay chỉ có cách không mượn người giúp việc nữa. Mọi việc trong nhà đành để các con phân công đảm nhiệm.

Vừa lúc đó tôi có người cháu họ ở Pháp sang thăm bà mẹ và có tới thăm nhà chúng tôi. Sau khi trở về Pháp, anh ta có tìm được tin tức các anh chị Hùng, Việt, Thoa, Hồng. Nhờ vậy chúng tôi được các anh chị bên đó giúp đỡ, tuy chỉ một lần dù ít dù nhiều nhưng trong lúc khó khăn thì thực là quý hóa vô cùng.

Một lần ngẫu nhiên tôi viết mấy chữ hỏi thăm vì không biết địa chỉ nên tôi viết :

Mr. Nguyễn Tường Thụy

Nhờ Bru Điện Sài Gòn chuyển.

Không ngờ bức thư này lại đến tay anh Thụy, vừa lúc bà cụ mẹ anh Bách mất đúng một tháng. Mọi người đều nói là bà cụ thiêng nên mới được tin gia đình chúng tôi mọi người đều bình an mạnh khỏe, qua được nạn đói khủng khiếp.

Tháng 7 năm 1963, chúng tôi đột nhiên nhận được điện tín của anh Vũ Văn Đức từ Thượng Hải đánh xuống cho biết dưới áp lực của bọn cầm quyền, anh Tam đã tự hủy mình ! Tin này do anh Đức nghe đài BBC của Anh và đọc báo Nhân Đạo của Pháp mà biết, vì trường anh là trường học ngoại ngữ, nên mới có cơ hội nghe đài và đọc báo ngoại quốc. Được tin này, chúng tôi đau lòng vô hạn, nhớ lại những ngày đã cùng anh sống gian nan trên đất này. Lần đầu tiên tôi thấy anh Bách khóc nhiều như vậy, suốt mấy hôm, hai mắt đỏ hoe. Có đêm anh thức dậy khóc, anh thương cho người anh xuất chúng, suốt đời đã vì công việc chung quên mình, nay cuối cùng đã phải tự hủy mình ! Lại nhớ đến cái chết đột ngột của anh Long, mười mấy năm trước tại đất khách

189 | Nguyễn Tường Bách Và Tôi

quê người, anh lại ngậm ngùi về đời sống lưu vong,
ngậm ngùi vì bao đau thương dồn dập...

XXIII. Yêu Chuộng Thể Thao

Yêu chuộng thể thao là một thói quen của anh Bách. Sau giờ làm việc nếu không bận, anh thường đến hồ bơi ở gần chỗ làm việc. Anh bơi một mình theo chiều dọc hồ, cứ bơi đi bơi lại nhiều lần để rèn luyện thân thể. Vào những ngày nghỉ cuối tuần, anh thường không quản ngại đưa các con đi tập bơi. Trong những ngày nghỉ hè, người ta không khỏi cười anh khi thấy sau anh là năm cô con gái từ hồ bơi bước ra, cảnh này có lẽ chỉ có một không hai ở đất này.

Thỉnh thoảng anh cũng đánh bóng bàn với những người đồng sự. Anh Bách cũng được liệt vào loại đánh khá. Anh rất mê xem đá bóng tuy lúc đó trình độ đá bóng ở đây rất thấp. Mỗi khi có cuộc đấu bóng, anh đều tới xem, không quản ngoại khí trời nóng hay lạnh. Sau này trong nhà có TV thì anh trở thành một khán giả trung thành với những loại đấu bóng, vì ngoài bóng đá, anh còn thích xem bóng rổ, bóng chuyền, quần vợt... Anh thường bình luận lối đánh của đội này, đội kia như thế nào. Tôi thường trêu anh là «người trọng tài trên mặt giấy» !

Ngày Quốc Khánh Trung Quốc năm 1956, anh Bách cùng các con tới công viên Trung Sơn để xem biểu diễn bóng bàn. Đấu thủ không phải là người xa lạ mà chính là tôi. Lúc đó tôi đã ngoài 30 tuổi và là mẹ của bốn đứa con. Tôi được tuyển làm đại diện của thành phố này sau mấy tháng chọn lọc và huấn luyện. Vì đã qua một thời gian luyện tập, tôi đánh thạo tay trở lại. Nhờ trước kia tôi đã từng đoạt được nhiều giải thưởng về bóng bàn vì thế tôi quen đánh trước công chúng. Hôm đó là ngày nghỉ lễ, công viên rất náo nhiệt. Mấy trăm khán giả vây quanh bàn đánh bóng, được cái mọi người đều rất có trật tự. Đối thủ là một cô cán bộ trẻ tuổi do các vùng lân cận tuyển ra. Cô ta khỏe mạnh hơn tôi, nhưng xem ra thì thiếu kinh nghiệm. Sau mấy vợt để dò lối đánh của đối phương, tôi bắt đầu tấn công vào chỗ yếu. Bị động, cô ta không kịp tấn công trở lại. Cứ mỗi lần đánh bật được đối phương, tôi được một tràng pháo tay hoan hô nhiệt liệt. Cuối cùng tôi thắng với tỷ số 3:0.

Anh Bách cùng các con đứng về phía sau lưng. Vừa là khán giả, vừa là nhóm ủng hộ, anh cùng các con đều cảm thấy vui mừng vì được đích tại nghe thấy quần chúng bình luận về lối đánh bóng của vợ mình !

Đây là lần đầu tiên có cuộc biểu diễn thể dục ở thành phố này, nên được mọi người chú ý.

Mấy chục năm sau. Sau khi đã về hưu, tôi có tham dự những cuộc đấu bóng bàn chuyên cho những người lớn tuổi, tôi vẫn hân hạnh giữ chức quán quân ! Hôm phát thưởng, người cán bộ cao cấp quản trị cả một khu lớn này, lại chính là học trò cũ của tôi. Trước mặt mọi người, người học trò này đã nâng cốc chúc mừng tôi, trong bữa tiệc ăn mừng

XXIV. Đời Sống Giáo Viên

Nhờ được sự hợp tác và phân công, anh Bách đã san sẻ được trách nhiệm trong gia đình để tôi dành được thời gian làm việc xã hội mà không bị ảnh hưởng bởi gia đình đông con. Nhưng với bản năng phụ nữ, ngoài giờ làm việc, những công việc lặt vặt trong nhà tôi đều phải quán xuyến và còn nuôi con mọn nữa. Phụ nữ ngày nay có thể nói là không những bình quyền mà còn gánh vác nặng nhọc hơn cả nam giới nữa. Tôi kiêm nhiệm ba chức : công việc xã hội, «quản gia» và «vú em».

Gia đình đông con, mức sống lại thấp, nhưng lúc nào tôi cũng tận tâm làm việc vì công việc giáo viên là điều mơ ước của tôi từ thuở nhỏ. Trong những ngày cuối tuần tôi thường dành thời gian tới thăm nhà học trò để hiểu biết đời sống gia đình của chúng. Vì mỗi trẻ có một đặc tính riêng, tôi sẽ dùng phương pháp giáo dục khác nhau để dạy chúng. Vì tôi cho rằng bốn phần của người thầy giáo không chỉ giáo dục về văn hóa mà còn phải dạy chúng về phẩm cách con người.

Làm giáo viên trong thời kỳ này không phải là dễ. Tôi thường dạy những lớp học sinh vào tuổi 11, 12, với số quy định cho mỗi lớp từ 54-56 học sinh. Khi tới 13

tuổi, chúng sẽ phải dự một cuộc thi thống nhất của tỉnh để được xếp vào các trường trung học. Khi đó, ở trên sẽ thống kê thành tích của mỗi trường và cũng là thành tích của mỗi giáo viên. Vì thế dạy những lớp này có thể nói là nặng nhọc hơn cả.

Lúc đó thay vào những Đốc Học cũ toàn là những hiệu trưởng mới, những thanh niên xuất thân từ công nông. Trình độ học vấn chỉ tốt nghiệp trung cấp sư phạm, nhưng vì họ là đảng viên hay đoàn viên, là những phần tử được cho rằng trung thành, đáng tin cậy !

Lúc đó cấp trên yêu cầu giáo viên rất cao. Từ ngôn hạnh cho đến phục sức, giáo viên bao giờ cũng phải là gương mẫu của học sinh. Người Hiệu Trưởng có quyền vào lớp nghe thầy giáo giảng bài, có quyền kiểm soát thầy giáo chuẩn bị bài vở như thế nào - dùng bao nhiêu thời gian để giảng bài, để học sinh làm bài, hỏi những câu gì với học trò nào. Nghĩa là trong 40 phút giờ học phải viết giáo án tường tận và phải chuẩn bị trước một tuần. Thời gian này tôi thường dạy Quốc Văn và Toán, vì thế ngày chủ nhật gần như bị «bóc lột» hết thời gian vào việc chuẩn bị bài vở này. Vì đông học trò nên ở trường tôi không sao làm hết việc được, tôi thường phải mang bài vở về nhà chấm. Ngoài ra giáo viên còn phải học chính trị, học chính sách giáo dục vào chiều thứ

bây hay buổi tối. Nếu có «vận động chính trị» thì giờ học lại nhiều hơn, có khi còn cho học trò nghỉ để giáo viên học. Lắm khi học tới khuya và cả chủ nhật cũng không được nghỉ. Bài thi chỉ toàn là học lý luận Mác-Lê và tư tưởng Mao, không ai dám có ý kiến ngược lại.

Ở trên còn yêu cầu thầy giáo dạy Quốc Văn mỗi năm phải đọc bốn cuốn sách văn nghệ Trung Quốc hay Liên Xô. Nhờ ở đó tôi đọc được nhiều tác phẩm của Tolstoi và những tác phẩm tả những anh hùng trong thời thế chiến của Soloklov... Tôi càng đọc càng thấy say mê cũng như khi những tác phẩm đó được đóng thành phim. Nhưng gần thập niên 70, tất cả đều bị cho là «xét lại», dần dần những cuốn sách và phim ảnh của Liên Xô biến mất trên đất này. Do đó hứng thú đọc tác phẩm Nga Xô của tôi cũng theo đó mà mờ nhạt...

Ở trường tôi thường phụ trách phòng đọc sách của thầy giáo và học sinh. Mỗi ngày tôi phải cập ba tờ báo và một tờ tạp chí mà cấp trên quy định phải mua. Tờ báo của thành phố này thì có nhiều người đọc, tờ báo của tỉnh Quảng Đông thì ít người đọc, báo «Nhân Dân» ở Bắc Kinh vì toàn là những chỉ thị, những bài lý luận vừa dài, vừa khô khan nên chẳng ai đặng tới, còn tờ tạp chí thì chỉ dùng nó trong giờ họp chính trị, đem ra đọc thôi.

Những tờ báo «Nhân Dân» đầy cộm mới tinh mà ngày ngày tôi treo trên tường không được ai lưu ý cả. Có lẽ vì «tiếc», nên thỉnh thoảng tôi cũng giở ra xem những đầu đề. Nếu thấy lạ thì cũng đọc chơi. Một lần tôi thấy có đầu đề «Phê phán chủ nghĩa xét lại của Liên Xô». Có lẽ vì tò mò và chút hứng thú tôi lấy ra đọc.

Sau đó không lâu, trong một buổi học chính trị có nói tới chủ nghĩa «xét lại». Tôi nghiêm nghị phát biểu :

«Đảng cộng sản Liên Xô đã biến chất. Tại tỉnh thành, những ông chủ tịch xưởng đã lấy của công làm của tư, bóc lột công nhân, ăn uống phè phỡn, nhậu nhẹt phí phạm trong lúc dân chúng sống còn khó khăn thiếu thốn. Tại nông thôn, những ông chủ tịch Hợp tác xã lấy vợ bé, dùng xe hơi của công làm của tư, đời sống xa hoa chẳng khác gì địa chủ trước kia. Còn đoàn thanh niên thì lấy danh nghĩa sinh hoạt đoàn ăn uống, nhẩy đầm chơi tới khuya, rồi từng cặp từng cặp đưa nhau vào rừng... (nguyên văn trong tờ báo đảng.)»

Mọi người nghe xong đều sững sốt vội hỏi tôi lấy tin đó ở đâu ? Một cô giáo trẻ chỉ vì xuất thân bản nông nên được đưa lên ban lãnh đạo, quen thói hay vu khống người khác, nên vội hỏi tôi :

«Chắc là bà nghe tin này ở đài «phản động» ?»

«Các người không đọc báo lại còn vu khống người khác ? Tôi đọc ở báo đảng ngày X, tháng X, thứ X, trang X. Hiệu báo còn treo trên tường kia.»

Vì đã đoán biết có thể xảy ra chuyện này nên tôi đã chuẩn bị sẵn câu trả lời rất đồng dục.

Tất cả có lẽ cũng cảm thấy hơi ngượng với lời nói của tôi nên im miệng. Có bà giáo còn khen tôi là «quan tâm thời sự». Tuy miệng nói vậy nhưng cũng có người âm ức vì tôi hay phát biểu những tin mới mẻ và lại có một số người thích nghe. Mỗi lần có «vận động chính trị» là họ đều cố ý dò tôi có nghe đài ngoại không ? (lúc đó nghe đài ngoại là phạm tội). Lẽ cố nhiên là tôi phải rất thận trọng về việc này.

Anh Bách là ngoại kiều nên có quyền được nghe đài ngoại quốc. Nhưng vì nhà có con nhỏ, nếu để chúng nghe thấy và vô tình «tiết lộ thiên cơ», tuy không phải bị gán ngay là «tội phạm», cũng có thể sẽ đem lại nhiều sự tra xét phiền phức. Thành ra anh thường nghe đài vào lúc đêm khuya, khi các con đã ngủ say, và nghe với tiếng rất nhỏ thôi.

Đáng tức cười là những hiện tượng mà tôi đọc trên báo hồi đó, hai mươi năm sau lại tái diễn trên đất này, và còn trầm trọng hơn nữa vì biết bao cán bộ đã phạm

tội lớn chỉ vì đã lộng quyền và tham ô.

Tỉnh Quảng Đông là tỉnh đầu tiên dân chúng được xem TV và nghe đài Hồng Kông. Sau này, trào lưu điện tử vào Trung Quốc, thì chính sách «ngu dân» mới bắt đầu bị phá vỡ.

Một lần có phái đoàn dân biểu từ tỉnh Thiểm Tây⁴ tới thành phố Thẩm Chấn⁵. Khi thấy ở đây phần nhiều gia đình nào ở đâu cũng có tủ lạnh, TV... thì lấy làm ngạc nhiên lắm và hỏi :

«Đây có phải là đất của đảng cộng sản lãnh đạo không?»

Tôi nhớ một lần có «đội công tác» đến trường để chỉ dẫn giáo viên học chính trị. Những người này toàn là những công nhân tại các xưởng tuyển tới vì Mao cố ý nâng cao địa vị của công nông. Mao cho bọn trí thức chỉ biết nói mà không biết làm, lập trường lại ngang ngửa không kiên định bằng công nông. Bọn này vừa tới trường đem giáo viên chia làm hai toán :

4 Thiểm Tây - một tỉnh ở miền tây bắc Trung Quốc, còn chưa «mở cửa».

5 Thẩm Chấn - một thành phố giáp giới Hồng Kông, «mở cửa» sớm nhất của tỉnh Quảng Đông.

Một toán xuất thân từ công nông, một toán xuất thân tư sản. Thực là cực đoan, tự cô lập mình mà còn có tính cách chia rẽ nữa. Tôi vốn nóng tính không nhịn được nên trong một bữa họp, trước mặt mọi người tôi nói ngay :

«Xem người thì phải xem người đó làm việc có tận tâm không ? hiệu quả ra sao ? Nếu chỉ dựa vào những lời nói hay, hoặc phân biệt người ở chỗ xuất thân thì không công bằng, vì ai có thể tự chọn được chỗ mà mình đầu thai ?»

Sau này vì có nhiều người phản đối nên họ bắt buộc phải đổi lại.

Sau nhiều lần «vận động chính trị», Mao lại đưa ra khẩu hiệu «Phân tử trí thức lao động hóa» - hiệu triệu giới trí thức phải tới công xưởng hoặc nông thôn lao động chân tay thể nghiệm sinh hoạt.

Trường chúng tôi «kết nghĩa» với một xưởng dệt sợi để làm việc. Chúng tôi chia làm nhiều toán thay phiên nhau tới xưởng. Một lần khi chúng tôi tới, họ cho bọn chúng tôi học chính trị cùng với những phân tử «có vấn đề». Tôi đứng phất dậy cáo ốm ra về, trong lúc một bà giáo ngồi bên cạnh cứ lúi cúi nhìn tôi mà nói :

«Đừng làm thế mà đại ! Đừng làm thế mà đại...»

Nhưng tôi đã dứt áo ra đi. Sau đó tôi kháng nghị lên cấp trên, người phụ trách ở xưởng phải xin lỗi.

Chúng tôi tới xưởng làm việc cùng với công nhân từ những mớ sợi lớn chuyển sang nhiều thoi nhỏ để dùng khi dệt vải. Mỗi người coi 30 mớ sợi lớn. Máy chạy không ngừng, khi thoi đầy chỉ thì máy tự động dừng lại, công nhân thay thoi khác, khi sợi đứt thì phải nối lại... v...v... cứ thế làm suốt tám tiếng đồng hồ. Phiên là phải làm đến ba ca. Đến lượt mình làm ca đêm thì bữa cơm thất thường, sinh hoạt đảo ngược vì chúng tôi không quen ban ngày ngủ, đêm làm việc.

Chúng tôi còn phải tới nông thôn để thi hành chính sách «ba cùng» - «cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc». Trường chúng tôi chọn một làng cách tỉnh thành bảy, tám cây số để chúng tôi có thể đi bộ được.

Một ngày hè, chúng tôi gần ba chục người tới làng đó. Tôi và một bà giáo được chỉ định đến ở với một gia đình bần nông. Chủ nhà là một bà góa chồng ở với một cô con gái chừng 16, 17 tuổi. Bước vào nhà này, bên phải là chỗ nuôi hai con lợn nhỏ, bên trái là bếp có chậu rửa bát, có chum đựng nước làm cho chúng tôi cảm giác là ẩm ướt. Tiến vào sâu một tý nữa là giường

của cô con gái, cuối cùng là buồng của chủ nhà. Vừa bước vào buồng cảm giác chúng tôi như đang ở trong một nhà kho, tối om om, chồng chất bao nhiêu là đồ đạc. Ngoài những hòm xiềng ra còn những thùng đựng thóc gạo. Bên cạnh là một chiếc giường lớn với chiếc màn lụp xụp. Lại nhất là bên cạnh đầu giường để một hủ xanh tròn, lớn, trên có viên gạch làm nắp. Đó là hủ trữ nước tiểu ! Điều phiền là miệng bình nhỏ, nên tuy rất thận trọng chúng tôi vẫn làm rớt ra ngoài khiến chúng tôi có cảm giác như có lỗi gì với chủ nhà vậy. Cạnh đó còn có một chiếc vại để trữ phân !

Việc đồng áng thì theo mùa. Mùa xuân thì cấy mạ, mùa hạ thì gặt lúa. Dùng liềm mà gặt lúa thì không khó lắm, nhưng phải thận trọng vì vô ý có khi ngón tay út bị ngay chính mình cắt đứt. Mùa hè thì suốt ngày ở ngoài đồng nóng như lửa đốt, chúng tôi cứ phải cúi lom khom. Vì không quen nên thỉnh thoảng chúng tôi phải ngừng tay, đứng dậy cho đỡ mỏi. Chân thì thường bị sâu bọ hay đĩa cắn, cũng phiền hà lắm.

Tối đến, chúng tôi được bà chủ nhường chỗ cho chúng tôi nằm. Vì suốt ngày làm việc mệt nhọc, nên vừa đặt mình xuống giường là chúng tôi ngủ ngay. Nhưng không lâu, thấy ngứa ngáy trong người, chúng tôi vội lấy chiếc đèn nhỏ soi (lúc đó chưa có điện). Trời ơi !

thực là khủng khiếp, mấy chục con rệp béo tốt, bụng mọng đỏ, đang bò lổm ngổm ở một góc màn. Chúng tôi lấy tay giết, lấy đèn nướng. Nhưng vì quá nhiều, giết không xuể, nhất là khi soi vào những góc màn khác cũng thấy đầy những rệp như vậy... Lục đục suốt đêm, cũng đành bó tay. Nhất là khi nghĩ tới, nếu lỡ tay làm cháy nhà thì tai va lớn nên đành ngồi đến sáng vậy.

Sáng hôm sau, chắc bà chủ nhà biết ý, đưa chúng tôi tới một chỗ chuyên để rơm ở. Nhà này bỏ trống đã lâu, mọi cửa ngõ đều thô sơ, nhưng chúng tôi tránh được rệp cắn thì đã lấy làm mừng lắm rồi, vả lại lúc đó trị an rất nghiêm, chúng tôi là theo lời hiệu triệu của Mao mới tới đây, ai dám xúc phạm ?

Một lần vào mùa hè, một thành phố ở về phía nam chỗ thành phố chúng tôi ở, vị thế thấp nên thường bị lụt. Năm đó vừa lúc lụt đúng vào khi chúng tôi nghỉ hè, thế là phải đi giúp với danh nghĩa «lao động chân tay, rèn luyện tư tưởng». Chúng tôi được đưa đến một trường tiểu học trên một đồi nhỏ. Mọi người đều mừng thầm vì ở đây vị trí cao, nếu có vỡ đê chắc cũng không đến nỗi chết trước !

Ngày ngày chúng tôi mang quang gánh ra tận làng xa để lấy đất đem đến chỗ đê mà họ cho là nguy hiểm nhất. Ở đó đã có một số trai tráng trong làng đang dùng

những bao cát, bao đá vây quanh. Chúng tôi chỉ việc đổ đất vào chỗ chỉ định là được. Đi trên đê rung động này, nghe tiếng nước đổ ào ào vào đê, nhìn ra mặt nước mênh mông cũng đủ sợ. Nếu vỡ đê thì bọn phụ nữ đứng tuổi như chúng tôi tất là bị chết trước !

Suốt ngày chúng tôi cứ đi đi lại lại trên đê không ngừng, có nhiều đêm nghe nói có sự nguy cấp, họ đốt đèn lên để mọi người làm thêm giờ. Cứ như vậy suốt hơn nửa tháng trời mới có lớp sau tới tiếp tay. Trong lúc xếp hành lý có người dân làng cho biết, chỗ chúng tôi ở trước đây là bãi tha ma toàn chôn những người bị Nhật giết oan ! Chúng tôi bất giác thở một hơi dài như đã thoát nợ !

Với một lòng yêu nghề mỗi khi học trò có khó khăn gì xảy ra, tôi đều tận lòng giúp đỡ. Tuy lúc đó tôi cũng chẳng giàu có gì hơn. Một lần có một học trò bố vừa tự sát trong một «vận động chính trị». Họ hàng đều sợ liên lụy, không ai dám giúp đỡ gì cả, nó phải bỏ học đi bán hàng rong để kiếm ăn. Tôi tới nhà, khuyên nó đến trường, xin cho nó được học miễn phí và tìm cách giải quyết mọi vấn đề sách vở, giấy bút cho nó. Một lần vào buổi trưa, tôi thấy một học trò cứ tha thẩn ở trường nhưng không về nhà. Hỏi ra mới biết, bố mẹ nó bị nghi là địa chủ, sáng nào cũng phải ra ngoại thành bị đầu tó

và mãi đến chiều tối mới về. Tôi đưa nó về nhà.

Có một học sinh, bố vừa ốm chết, nó cũng lại vừa được tuyển vào hội thiếu nhi mà không có tiền mua khăn quàng. Tôi đã mua cho nó chiếc khăn ấy. Mấy chục năm sau, người học trò này đã thành một kỹ sư ở Úc, anh ta nói cho bạn học biết là mỗi năm cứ đến ngày Giáng Sinh tự nhiên nó nghĩ đến cô giáo dạy nó lúc tuổi còn nhỏ và không quên viết mấy lời hỏi thăm. Gần đây anh còn dự tính, một ngày sắp tới khi 60 tuổi về hưu sẽ cùng một số bạn học tại Hoa Lục Hồng Kông và các nơi khác tới Hoa Kỳ thăm tôi.

Tôi đã được tặng hai tấm huy chương. Một tấm là «mầm non», có ý kỷ niệm tôi đã phục vụ cho công việc đào tạo thanh thiếu niên. Còn một tấm kỷ niệm tôi đã làm việc 25 năm phục vụ cho công việc giáo dục. Tôi làm việc 37 năm, 60 tuổi mới về hưu. ⁶

Mấy chục năm sau, những học trò của tôi đã trưởng thành. Nhiều người đã giữ trọng trách trong xã hội. Có người làm thị trưởng, bộ trưởng, bác sĩ, thương gia... Nhưng chỗ quý nhất là chúng không quên tôi là thầy giáo đã dạy chúng khi còn nhỏ. Chúng nói, mỗi lần đến bên tôi là thấy mình trẻ ra. Những lúc ấy, tôi thấy hiện 6 Luật ở đây nữ giáo viên 55 tuổi về hưu. Nếu đã làm việc được 30 năm thì được ăn lương hưu 100 %.

cả một đời cho công cuộc giáo dục thanh thiếu niên không phải là phí ! Đã nhiều lần tôi không khỏi xúc động trước những tình cảm chân thực của học trò, dù chỉ một chiếc bánh nhỏ nhường cho tôi ăn trong những ngày đói khủng khiếp ! Một túi hoa quả, một bịch khoai lang do chính tay chúng trồng trong lúc chúng phải đi lao động ở những nông trường hay những làng mạc hẻo lánh xa xôi mà chúng nói phải đếm ngón tay từng ngày mới tới ngày nghỉ tết để được về thăm gia đình, bạn bè và tôi.

Có một lớp học sinh được tin tôi ở Hoa Kỳ bị ốm nặng, chúng tổ chức một cuộc họp mặt để tất cả đều nói chuyện với tôi, mong tôi sức khỏe chóng được khôi phục... Cuốn băng này gửi cấp tốc để hai ngày sau tới tay tôi. Đó cũng là một sự cố võ để giúp tôi chiến thắng với bệnh hiểm nghèo !

Còn một lớp tôi dạy chúng hồi năm 1950. Tới năm 2000, chúng cũng họp mặt và cũng đứng trước công viên chụp một bức ảnh. Hai bức ảnh cùng một chỗ, nhưng cách nhau nửa thế kỷ đã gửi tới tay tôi...

Khi tôi từ biệt đất này, học trò các lớp tôi dạy trước kia đã tổ chức những buổi tiễn biệt long trọng, còn quay phim, chụp ảnh, tặng quà kỷ niệm... và cho tới ngày nay, chúng vẫn còn liên lạc với gia đình chúng tôi.

Cảm tình nồng hậu của học sinh là điều an ủi lớn nhất
trong đời giáo viên của tôi !

XXV. Ca Nhạc Trong Gia Đình

Anh Bách thích âm nhạc, thường nghe âm nhạc Tây phương chứ không quen âm nhạc địa phương, kèn trống inh ỏi. Anh thường hay chơi đàn Violon réo rất làm nhiều khi tôi phải «kháng nghị» vì anh gây rối loạn trong lúc tôi đang bận chấm bài. Nhưng lúc anh chơi đàn Mandolin với những bài cổ điển du dương thì tôi lại vì mãi nghe mà quên cả những việc đang làm.

Khiếu thích nghe âm nhạc của anh đã trực tiếp ảnh hưởng đến các con. Dù ở trường hợp khó khăn như thế nào, chúng tôi cũng để cho các con có được những cây đàn mà chúng yêu thích.

Vào thập niên 60-70, Trung Quốc thịnh hành đàn Accordeon theo lối Liên Xô. Mỗi khi có biểu diễn âm nhạc, nếu trong đó có cây đàn này sẽ hấp dẫn khán giả hơn và đem lại một thú vui lạ đặc biệt cho khán giả. Các con chúng tôi đều ao ước có cây đàn này, tuy giá nó rất đắt, bằng cả tháng lương của tôi.

Lần đầu tiên chúng tôi mua cho các con một cây đàn Accordeon mới tinh, với màu xanh lá cây nhấp nhánh rất ngoạn mục. Một bà láng giềng trông thấy vội nói

ngay :

«Tôi thì thà mua mấy tạ gạo, ăn được cả năm !»

Nhưng chúng tôi xem âm nhạc là quan trọng, vì văn nghệ không thể thiếu được trong đời sống văn minh.

Các con quyết tâm tự học, tìm thầy giúp thêm. Chị dạy em, có con có giọng hát cao, có con thích nhảy múa... Lúc đó trình độ âm nhạc ở đây thấp, người chơi đàn không nhiều mà con gái chơi đàn thì lại càng ít.

Sau này anh Bách không phải chơi đàn một mình nữa, đã có các con họa theo vì chúng đã vượt qua bố. Mỗi cuối tuần thường có nhiều bạn tới chơi. Có khi trong phòng khách bé nhỏ, mà đầy đủ mọi thứ đàn. Trong đó không ít là những tay chơi đàn cự phách và ca sĩ có tiếng của thành phố này. Họ thích tụ tập ở đây vì thoải mái và dễ chịu hơn ở chỗ khác.

Chúng tôi thường chơi những bài cổ điển thế giới như : «Mộng ảo khúc» của Shuman, «Serenade» của Toselli, «La Paloma»... Nhưng cần thêm vào đó những bài «Cách mạng» trữ tình để dù có tay nào tò mò đi ngang qua cũng khó mà soi mói được. Như «Buổi chiều ngoại thành Mạc Tư Khoa» của Liên Xô, «Dưới bóng cây Táo» của Bắc Hàn, «Chân trời góc biển cũng như

gân» của Albany. Mấy cô Hoa Kiều Việt Nam hay thích hát những bài «Biệt Ly», «Con thuyền không bến», «Làng tôi»... Hầu như thành một dàn nhạc hiếm có ở đất này.

Sau giờ làm việc, hay những ngày cuối tuần, nếu có ai đi qua nhà chúng tôi, thường nghe tiếng đàn, tiếng hát lẫn với tiếng cười ròn rã đưa ra. Âm nhạc réo rắt du dương, hấp dẫn cả những khách qua đường vì họ ít có cơ hội được nghe những bản nhạc và bài hát hay như vậy. Nhiều khi có người dừng lại rất lâu hoặc trèo lên hàng rào để được nghe rõ hơn. Họ nghĩ đây là một gia đình yêu chuộng âm nhạc ít có ở thành phố này.

Hạnh phúc, yên vui là do chính mình tạo ra, vì nó không phải là độc quyền của những người giàu sang phú quý, hay những kẻ có quyền hành.

XXVI. Đối Với Các Con

Anh Bách rất thương yêu các con. Anh cho rằng vì mình mà các con phải sống trong một xã hội gò bó xa lạ này. Lại còn gặp phải những kỳ thị bất công. Thí dụ như các con đều học khá cả, nhưng không sao lên được đại học vì là gia đình ngoại kiều.

Lúc chúng còn nhỏ, trong những ngày nghỉ, chúng tôi thường đưa các con đến công viên Tổ Miếu ở gần nhà. Tổ Miếu là nơi danh thắng ở đây thờ ông Bắc Đế. Những ông hộ pháp lớn, toàn lớp bằng giấy bản. Đã mấy trăm năm mà còn giữ được đến ngày nay, không bị hư hỏng. Ngoài ra ở đây còn có một cổng lớn, xây từ năm, sáu trăm năm về trước. Họ sử dụng cách đóng các ngàm và khớp vào nhau mà không dùng đến một chiếc đinh nào cả. Trước mặt Tổ Miếu có một ao vuông, trong đó nuôi nhiều rùa nhỏ. Ở giữa có một con rùa đá lớn. Nghe nói để trấn nước triều để thành phố này khỏi lụt. Du khách đến thăm thường ném tiền xuống đây, họ cho rằng nếu ai ném trúng đầu rùa thì sẽ được phát tài !

Tới đây, các con tha hồ chạy nhảy trên bãi cỏ. Cuối cùng chúng được ăn bánh bao nóng bỏng ngon lành, mua ngay trong tiệm ăn ở đây.

«Đi công viên ăn bánh bao !»

Đó là câu nói khi các con còn nhỏ. Chúng thường nhắc đi nhắc lại suốt tuần, có vẻ thèm thuồng.

Chúng tôi thường ngồi trên ghế ở công viên, vừa chuyện trò, vừa ngắm cảnh và vừa coi trẻ vui đùa.

«Tại sao chúng mình lại đem nhau đến ngồi ở đây ?»

Câu hỏi này, ngay chính chúng tôi cũng thấy khó trả lời.

Lúc các con mới lớn, nhiều khi anh không quên đưa chúng đi xe bus, từ đầu thành phố đến cuối thành phố rồi lại trở về. Anh còn đưa chúng đến vườn bách thú, đáp tàu hỏa đi Quảng Châu. Lại còn chịu khó giảng cho chúng biết từng mỗi con vật. Nhưng chúng thích nhất vẫn là núi nuôi toàn khỉ. Con lớn, con bé, hàng trăm con. Ấn tượng này, mãi về sau các con vẫn còn nhớ.

Bao giờ anh Bách cũng đọc kỹ những giấy tờ mà nhà trường gửi về. Anh khen thành tích tốt của các con, nhưng cũng không bỏ qua những thiếu sót của chúng. Anh dùng phương pháp cổ võ để các con tiến nhanh hơn, chứ không bao giờ quát mắng chúng. Cuối tuần anh thường dành thời gian vui đùa với chúng.

Khi kết thúc «Cách mạng văn hóa» ở đây, nhiều thanh niên ở tỉnh thành phải đi nông thôn vô kỳ hạn. Lúc đó, anh vẫn giữ nguyên tắc «ngoại kiều không tham gia chính trị», không để các con đi, trong khi mọi người điên cuồng chạy theo «cách mạng thế giới» do Mao đề xướng. Sau một thời gian tranh luận với nhà đương cục, các con đều được ở lại làm việc tại tỉnh thành. Đây là một điều hiếm có vì nhiều con cái ngoại kiều ở đây đều phải đi nông thôn cả.

Cũng như những gia đình khác, các con trưởng thành và đều có công ăn việc làm. Có người làm công nhân, đứa làm y sĩ. Vì chúng đã trưởng thành, không thể chờ để Việt Nam sinh sống và lại chiến tranh liên miên, tình thế rối loạn, chúng chỉ có thể lập gia thất nơi quê mẹ.

Các con lần lượt lập gia đình, chúng tôi không theo tục lệ phiên phức ở đây như «thách cưới» chẳng hạn. Chúng tôi để hạnh phúc của chúng lên trên hết. Mỗi sau có nhiều Hoa Kiều Việt Nam chạy sang đây. Con thứ tư là Hứa Anh đã lấy chồng Hoa Kiều Việt Nam và sang định cư tại Hoa Kỳ, bắt đầu một giai đoạn mới. Các con tuy đã trưởng thành, nhưng đối với các con anh Bách vẫn cố gắng giúp đỡ để giúp chúng vượt qua những khó khăn về vật chất lẫn tinh thần. Các con chúng tôi đều biết gia đình chúng khác hẳn với những gia đình khác.

Chúng thường nói :

«Không có bố mẹ nào tốt hơn bố mẹ mình. Nhất là mẹ, bao giờ cũng quý mến bố.»

Anh Bách bao giờ cũng coi tôi như người em gái, như hồi còn là học sinh tại Hà Nội. Là người duy nhất chung một đời anh. Ở bên anh, tôi thấy học suốt đời vẫn không sao đuổi kịp được học thức của anh. Trước sau tôi vẫn coi anh như một người anh thân, một người chồng tốt, một người cha mẫu mực.

XXVII. Danh Thắng Trung Quốc

Học sinh Trung Quốc mỗi năm được nghỉ hè sáu tuần, nghỉ rét ba tuần.

Nếu không có «vận động chính trị» thì giáo viên được nghỉ một nửa thời gian, còn một nửa phải học chính trị hoặc làm những công việc khác. Trong thời gian nghỉ hè, chúng tôi thường tổ chức đi thăm các nơi danh thắng. Nhà trường trợ cấp tiền lộ phí và ở trọ, tiền ăn thì phải tự trả vì họ cho rằng để giáo viên ra ngoài, tầm mắt được nhìn rộng hơn, giảng bài sinh động hơn. Tôi là một trong số những người thích đi du lịch.

Lúc đầu chúng tôi thường đi những nơi danh thắng trong tỉnh Quảng Đông như núi Liên Hoa, động Bầy Sao, suối nước nóng, quê Tôn Dật Tiên, Thảm Chấn... Càng về sau càng đi xa hơn, như đến thăm quê Mao tại tỉnh Hồ Nam, Quế Lâm, Quế Huyện, Nam Ninh tại tỉnh Quảng Tây, Hàng Châu, Tô Châu, Thượng Hải tại tỉnh Triết Giang. Rồi đến Hán Khẩu, Bắc Kinh.... Trong đó Quế Lâm có những núi và động đẹp. Hàng Châu, Tô Châu có những công viên lạ và đẹp. Bắc Kinh thì có nhiều di tích cổ từ hàng ngàn năm về trước. Những nơi này có thể nói là tiêu biểu cho những danh lam thắng cảnh của Trung Quốc.

Thành phố Quế Lâm ở tỉnh Quảng Tây, cạnh tỉnh Quảng Đông. Ai mới đặt chân đến đất này là thấy ngay đặc sắc nổi bật ở đây. Ngay trong thành phố đã thấy những cảnh đẹp như núi Lạc Đà, núi Phục Ba, núi Diệp Thái. Núi Mũi Voi, trông từ xa y như mũi voi đang hút nước. Núi cao trăm thước thành một tiêu biểu của thành phố này. Chung quanh có nhiều dòng sông nên thơ, nước trong xanh, những ngọn núi đổ bóng xuống mặt nước tạo nên cảnh thơ mộng khác thường. Những con sông lại mang những tên lãng mạn nên thơ như sông Tùng Hoa, sông Tương Tư, sông Ly... Những hang động ở đây lớn rộng vô cùng, có thể dung nạp hàng ngàn người. Nghe nói trong thời kỳ kháng chiến, những hang động này là chỗ trú ẩn rất kiên cố. Động Thất Tinh, động Xuyên Sơn, động Sáo Lau⁷, bên trong có nhiều cảnh thiên nhiên và nhiều thạch nhũ trở thành những hình thù lạ mắt. Thí dụ ở đây có hình con sư tử lớn. Đứng xa tường đá lại thấy hình đàn sư tử nhỏ nên có tên là «Đàn sư châu triều». Rồi tới một nơi toàn là đá trắng, trông như thác từ trên cao đổ xuống, nên được gọi là «Cao hạc thác bay» Ngoài ra còn có một chiếc cầu xây từ đời nhà Tống, mưa nắng qua cầu không sợ vì cầu này có mũi. Tên chiếc cầu này là «Cầu Hoa».

7 Động Sáo Lau - vì chung quanh động có một thứ cỏ có thể thổi thành tiếng sáo.

Phong cảnh chính ở đây là ngôi du thuyền trên sông Ly, từ Quế Lâm đến một thành phố nhỏ - Dương Sóc. Đạp thuyền đi trên sông này, hai bên toàn là núi với những hình lạ. Hai bên sông cây cối um tùm, đổ bóng trên mặt nước tạo cho cảm giác như đang đi trong một bức tranh thủy mặc nên thơ. Ở đây có nhiều núi với nhiều hình như núi Rùa, núi Mâm Xôi, núi Mũ... có tiếng là «Núi Tranh». Đó là một bức tường đá bề ngang độ 10 mét, trông ra mặt sông. Trên bức tường này hiện ra một bức tranh màu với những con ngựa. Mỗi con một dáng trông rất thực. Đó là mấy trăm năm về trước, những họa sư tài hoa đã trèo lên núi đá cao này để khắc lên đá những hình này. Chỗ dưới hang đá là chỗ để ngựa nghỉ chân uống nước.

Trung Quốc có ca dao rằng :

«Trên có thiên đàn, dưới có Tô-Hàng» ⁸

Hàng Châu, Tây Hồ có tiếng là đẹp nhất Trung Quốc. Ở đây có những cây cầu gỗ quanh co, những cửa sổ chạm trổ những hình chim, hoa, cây cảnh... Dưới đầm trông toàn là sen trắng và đỏ, thêm một thứ sen thấp gọi là «thùy liên» vì hoa nở nằm trên mặt nước, khác với những thứ hoa sen thường. Có nơi nuôi toàn cá chép vàng, chỉ trông chúng nhảy cao đón mồi cũng đủ đẹp

8 Ý nói Tô Châu và Hàng Châu.

mắt. Có câu «Đoạn Kiều» trong chuyện «Thanh Xà - Bạch Xà». Tương truyền đây là nơi Hứa Tiên gặp Bạch Nương. Còn nhiều nơi phong cảnh nổi tiếng như Ba đầm án nguyệt, Cô Sơn, Bình Hồ Thu Nguyệt... Cũng có nhiều suối nước mát lại trong veo, ngày đêm chảy không ngừng. Mỗi suối là một huyền thoại riêng, như Suối Ngọc, Suối Rồng, Suối Hồ Chạy. Nghe người ở đây kể rằng : Mấy trăm năm về trước, ở đây có đại hạn. Một đêm có người dân nằm mơ thấy một con hổ chạy đến dẫn đường. Tới một chỗ nọ, hổ dừng lại cào đất. Sáng hôm sau, người này mang cuốc tìm đến chỗ đất đó và đào lên thì thấy một suối nước. Từ đó dân ở đây đặt tên là suối «Hổ chạy».

Tại đây còn có chùa Linh An xây từ 1500 năm về trước, nghe nói do một nhà sư Ấn Độ đến xây. Đã có hàng ngàn vị sư tu ở đây. Một điện có Phật Di Đà, cõi áo hở ngực cười tươi như đang hoan nghênh du khách đến thăm. Đứng sau có bốn Thiên Vương theo châu rất uy nghiêm.

Điện chính có hình Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sen. Nghe nói điện này rất thiêng, nên có nhiều phái đoàn ngoại quốc tới lễ. Tượng Phật cao 20 mét, mạ vàng nhấp nhánh rất trang nghiêm. Từ trước tới nay, tôi chưa hề thấy bức tượng Phật nào đẹp như vậy ! Đằng sau

tượng Phật này có bức tường khắc năm mươi chuyện Phật trong Tây Du Ký. Ở đó có thể tìm thấy Tôn Ngộ Không thành Phật.

Ngoài núi có hơn ba trăm tượng Phật, lớn nhỏ khác nhau đúc vào núi từ đời nhà Nguyên. Giữa núi có tượng A Di Đà, cao hai mét. Tượng cỡi trần, đầu to, vai lớn, vai đeo túi vải, ngồi xếp chân trông có vẻ ung dung nhàn nhã. Hơn một ngàn năm trước, người ta đã đúc được những tượng Phật như vậy, da thịt và túi vải trông như thật. Chung quanh có mười tám vị La Hán châu. Có ông ngồi, ông đứng, ông vác xích trượng, ông đọc kinh, vây quanh Phật Di Đà thành một bức tranh tuyệt vời !

Ở đây còn có đền thờ Nhạc Phi. Trong đền có tượng Nhạc Phi cao gần sáu mét. Mộ ở giữa có bốn tượng đúc bằng sắt quỳ trước mộ. Đó là những tên đã hại Nhạc Phi, trong đó có Tần Cối.

Ngoại thành còn có tháp Lục Hòa, cao gần 60 mét. Ngày xưa họ dùng tháp này để chống nước triều sông Tiền Đường. Trong chuyện «Thủy Hử» có hòa thượng Lỗ Trí Thâm và Võ Tòng. Nghe nói sau này họ mất ở đây. Sông Tiền Đường mỗi năm âm lịch 15-18 tháng 8 có nước triều lên thành một cảnh đẹp hiếm có, hấp dẫn rất nhiều du khách tới xem.

Buổi chiều xuống thuyền đi trên sông Đào. Vua Tùy Dương xuống Giang Nam, bắt dân đào sông này để thuyền rồng qua lại. Ven sông thẳng tắp, bề ngang rộng như nhau, chỉ vừa đủ để chèo hai chiếc thuyền nhỏ qua lại. Ngủ một đêm trên thuyền sáng hôm sau là tới Tô Châu.

Tô Châu có tám công viên, xây từ năm trăm năm trước. Mỗi nơi kiến trúc một vẻ. Có nơi toàn là núi đá quanh co. Có nơi lại toàn là những hành lang chạm trổ. Có nơi có đình, có nước chảy róc rách trông như một bức tranh thủy mặc lớn. Có nơi kiến trúc y như trong chuyện Hồng Lô Mộng đã tả. Lại những lâu đài rộng lớn, lộng lẫy mà những cửa sổ đều kiến trúc khác nhau, cửa hình lá chuối, hình cành hoa hoặc bình nước. Trông rất lạ mắt.

Đáng chú ý nhất là ở đây có chùa Tây Nguyên, xây từ đời nhà Nguyên. Vừa vào trong chùa thì thấy ngay tượng Phật A Di Đà cỡ trần rất lớn, đằng sau cũng có hai vị Hộ Pháp đứng hầu. Vô trong thì có bốn ông Kim Cương đứng châu hai bên. Giữa có Phật Quan Âm ngàn mắt ngàn tay, cao hàng chục mét khắc trên một khúc gỗ cổ thụ. Nghệ thuật thực là cao siêu vì những tay ấy cho đến ngày nay vẫn còn giữ được nguyên vẹn. Nghe nói tượng này do hai nhà điêu khắc có tiếng thời ấy

dùng hai năm trời mới khắc xong. Chùa có năm trăm vị La Hán. Mỗi tượng đều lớn hơn hình người. Mỗi hình khác nhau. Có ông ba đầu, có ông sáu tay, có ông bốn mắt... Cuối cùng là Đường Tăng. Ngoài ra còn có tượng Tể Công. Đứng bên này trông thì thấy ông cười nhưng sang phía bên kia thì rõ ràng là ông đang khóc...

Tại đây có mộ Ngô Vương. Sau khi chôn thường thấy có hồ lui tới nên còn gọi là «Gò Hồ». Mỗi khi trời mưa, có nước đỏ chảy ra, dân làng bảo là máu của những người xây mộ bị giết oan, cùng chôn tại

đó. Nghe đồn có 3000 bảo kiếm chôn cùng, nên sau này Tần Thủy Hoàng, Tôn Quyền đều phái người đến đào mộ lên định lấy kiếm, nhưng không sao tìm thấy. Cho tới ngày nay, vẫn là một chuyện bí ẩn. Tại đây cũng còn rất nhiều tháp cổ.

Bắc Kinh có một số kiến trúc mới như quảng trường Thiên An Môn, đài kỷ niệm liệt sĩ, viện bảo tàng nhân loại - trong có bày áo ngọc của hoàng đế bằng mấy trăm viên ngọc dùng chỉ vàng khâu thành. Tượng binh mã của Tần Thủy Hoàng. Ngoài ra còn có những phát minh từ đời thượng cổ như dùng giọt nước để tính giờ, tiên đoán động đất... Hội đồng nhân dân có thể dung nạp hàng vạn người đến dự họp... Những kiến trúc cao lớn rộng rãi, đều là lối kiến trúc hiện đại.

Tử cấm thành tức cung vua. Đây là cả một thành nơi vua ở. Kiến trúc từ năm 1407 đời nhà Minh. Nhà Thanh có 24 Hoàng Đế đã từng ở đây trên 500 năm lịch sử. Mái vào là sân châu rộng lớn, lát toàn là đá trắng, cả chỗ vịn tay cũng là đá trắng, lại còn chạm trổ rồng phượng rất công phu. Nơi này là chỗ để các quan quỳ châu vua. Tại đây có 9000 cung thất. Có điện Khánh Hòa, chỗ vua lên ngôi. Điện Trung Hòa là chỗ vua nghỉ ngơi. Điện Bảo Hòa là chỗ thi cử. Điện Dưỡng Tâm là chỗ Từ Hy Thái Hậu «thị chính sau màn». Mỗi cung bày biện rất sang trọng, xa hoa. Có những chậu hoa làm bằng vàng bạc, châu báu. Những lọ lục bình cao hơn một mét. Có bày cả chiếc kiệu bà Từ Hy dùng phải 48 người khiêng, và mỗi cán có chỗ cho 12 người đứng. Đủ biết là chiếc kiệu này dài và lớn đến dường nào !

Ngọ Môn bây giờ sạch sẽ và yên tĩnh, không còn dấu vết gì về nơi đã từng giết người có tiếng nữa.

Cuối cùng là vườn hoa để vua dạo chơi, ở đây có nhiều cây cổ thụ cao ngất và rất nhiều hoa thơm cỏ lạ. Đây là những cung chính ở giữa. Nếu xem cả các cung hai bên thì phải ba ngày mới đi hết với điều kiện phải đi từ sáng đến chiều.

Thiên Đàn là nơi để vua cúng bái tổ tiên trời đất. Toàn dùng gỗ quý làm thành. Trên trần và bốn cột đều

chạm trở rồng phượng mạ vàng rất đẹp mắt. Ở đây còn có tường Hồi Âm dài 10 mét. Đứng bên này nói, bên kia nghe thấy. Có tường Cửu Long khắc chín con rồng đủ mọi màu quần quýt lẫn nhau, trông rất ngoạn mục. Lại có cây bách trồng từ sáu trăm năm về trước, cao mấy chục mét.

Vạn Lý Trường Thành kiến trúc trên núi quanh co, toàn dùng những miếng đá hình chữ nhật lớn xây thành. Không có bậc lên xuống, hai bên chỗ vịn tay cũng bằng đá, khi lên người ta phải cúi lom khom và khi đi xuống thì phải uốn mình ra đằng sau mới tiện đà. Đứng đây người ta không khỏi ngậm ngùi nghĩ tới biết bao mạng người đã bỏ mình tại chốn này.

Đình Linh là chỗ chôn 13 vua đời nhà Minh. Chỗ chúng tôi đến xem là chỗ chôn Chu Du Côn, vua thứ mười và hai hoàng hậu ở đây. Mộ kiến trúc bằng những miếng đá chữ nhật lớn bằng nhau, xây dưới hầm sâu độ ba tầng nhà, có bậc thang lên xuống. Hầm lớn độ 100 mét vuông. Ở đây có một quan tài lớn gấp sáu, bảy lần thứ thường. Có bày những đồ vật như quần áo, vàng bạc, châu báu là những vật chôn cùng với vua. Khi xây xong, vì sợ bị tiết lộ, nên những người xây mộ đều bị giết hết.

Bắc Kinh có nhiều di tích lịch sử. Còn nhiều chùa cổ làm từ đời nhà Minh như chùa Ngũ Hoa Sơn bên trong có tượng Phật nằm dài năm, sáu mét, đúc bằng đồng nặng 50 tấn. Tượng này nằm chống tay trông có vẻ an nhàn lắm. Chỗ vua Sùng Trinh thắt cổ tự vẫn trên cây Hoài ở núi Cảnh...

Bắc Kinh là một nơi có nhiều di tích lịch sử nhất của những vua chúa hàng mấy trăm năm về trước. Đây là một nơi để ta ôn lại lịch sử rất có giá trị.

XXVIII. Mắc Bệnh Không Ngờ

Cuối năm 1980, con gái thứ tư của chúng tôi là Hứa Anh theo chồng sang định cư tại California, Hoa Kỳ. Cả gia đình chúng tôi đều ra tiễn chân. Vừa bước lên xe, Hứa Anh đã khóc nức nở vì là lần đầu tiên phải xa gia đình. Mọi người xung quanh đều lấy làm lạ, đến khi có người khám vé mọi người mới biết cô sẽ sang định cư tại Hoa Kỳ, nơi mà biết bao người bản xứ đều mơ ước !

Mới đặt chân lên đất Mỹ xa lạ này, cả hai vợ chồng đều phải đi tìm việc làm để sinh sống. Mọi việc khởi đầu đều khó khăn, mỗi tối lại còn phải đi học vì đó là con đường duy nhất cho những người mới tới muốn tiến thân. Con rể phải dùng xe đạp suốt một năm trời, phần Hứa Anh thì kiếm được một chỗ may đồ, cũng đủ tạm sống qua ngày.

Không ngờ năm 1983 thì chúng tôi được tin Hứa Anh mắc phải bệnh ung thư máu ! Cả nhà đều sửng sốt bàng hoàng. Anh Bách lo nghĩ nhiều hơn cả. Ngày đêm tìm sách thuốc đọc, viết thư hỏi các bạn bè về cách chữa mới nhất về căn bệnh này. Tóc anh bạc hẳn ra, riêng tôi đêm nào cũng khóc thầm, ướm sưng cả gối mà không dám cho ai biết vì sợ buồn lây ! Tại sao tai họa lại giáng

xuống gia đình chúng tôi ? Nay xa cách vạn dặm, chắc con tôi cũng khóc hết nước mắt trên xứ người rồi !

Cách chữa mới nhất là dùng phương pháp ghép tủy. Phải dùng phương pháp thử máu đặc biệt H.L.A. xem có hợp với người bệnh không thì mới ghép được. Và thường thì người hợp máu tỉ lệ cao nhất là những người thân trong gia đình. Đầu năm 1984, Linh và Chân lên Thượng Hải thử máu⁹. Kết quả Chân hợp với Hứa Anh. Thực là mừng vì không ngờ may mắn quá, vì tỷ số hợp lệ rất hiếm.

Tháng 8 Chân mang hộ chiếu và giấy của bác sĩ đến lãnh sự quán Mỹ tại Quảng Châu xin đi cứu chị. Có lẽ lối chữa trị này đang trong thời kỳ thí nghiệm ít người biết đến, nên việc xin giấy tờ bị làm khó dễ. Họ cần phải có giấy chứng minh thêm. Một tháng sau khi có giấy chứng minh của hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ, họ cũng vẫn làm khó dễ. Tôi vội báo cho Hứa Anh biết.

Nhà thương gọi lên bộ ngoại giao Hoa Kỳ tại thủ đô. Rất nhanh sau đó, Quốc Vụ Hoa Kỳ trực tiếp báo cho lãnh sự quán tại Quảng Châu phải cho Chân đi ngay. Thế là Chân được ký giấy vào Hoa Kỳ.

9 Lúc đó Quảng Châu chưa có lối thử này.

Lúc đó trong thâm tâm tôi thực là đầy mâu thuẫn. Một mặt tôi không muốn xa con, mặt khác tôi lại muốn Chân sang cứu chị ngay, sớm ngày nào hay ngày ấy. Thôi thì đành phó mặc cho «mệnh vận» !

Trước đây vào một buổi sáng sớm mùa đông gió lạnh, cả gia đình chúng tôi ra tiễn Hứa Anh sang Mỹ. Tuy là nó đi theo hạnh phúc trong tương lai, nhưng nước mắt tôi đã tràn xuống như mưa... Bốn năm sau, cũng vào lúc tờ mờ sáng, mùa đông lạnh buốt, chúng tôi lại tiễn đưa đứa con thứ hai lên đường. Ngoài đường vẫn còn yên tĩnh, không một bóng người, xe hơi thì đã đợi ở ngoài ngõ...

Tháng 5, năm 1985, Hứa Anh vào bệnh viện City of Hope - Thị Trấn Hy Vọng tại California, chạy điện liên tiếp 10 ngày để bạch huyết cầu xuống tới «0». Chân vào nhà thương gây mê để lấy tủy. Hai giờ sau, khi tỉnh dậy, bác sĩ cho biết đã chuyển tủy vào chị nó rồi.

Hứa Anh vào phòng đặc biệt để ngày ngày tiếp máu. Một tuần sau số bạch huyết cầu lên được 80. Tuy là số nhỏ, nhưng nó có nghĩa là ca ghép tủy đã thành công. Tất cả mọi người đều vui mừng ! Sau hai tháng tĩnh dưỡng, Hứa Anh trở về nhà, sức khỏe dần dần hồi phục.

Dùng cách ghép tủy để chữa bệnh ung thư máu lúc đó còn ở trong thời kỳ thí nghiệm nên mọi khoản chi phí đều được miễn cả. Thực là may mắn không ngờ ! Và chỉ có tại Hoa Kỳ mới có những sự may mắn như thế. Chi phí ít nhất cũng phải hơn hai trăm ngàn đô la Mỹ !

Tin vui này đã tới gia đình chúng tôi. Tất cả mọi người trong nhà đều khóc vì quá xúc động ! Mấy năm qua, gia đình chúng tôi bị nỗi đau buồn lo lắng bao phủ, nên không sao gắng gượng để tìm vui vẻ được.

Riêng tôi thì thực là quá vui mừng ! Cảm ơn Trời Phật, Tổ Tiên. Cảm ơn những người thân xa gần. Cảm ơn chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ. Khoa học tiến bộ của Mỹ đã cứu con tôi !

Chân ở lại Mỹ và sau đó không lâu cũng lập gia đình tại đó. Thế là chúng tôi có hai người con định cư tại Hoa Kỳ - đó cũng là số phận không ai ngờ đến.

XXIX. Trở Lại Với Văn Nghệ

Anh Bách thường nói :

«Bác sĩ là chức nghiệp, cách mạng là sự nghiệp, nhưng văn nghệ mới là ước nguyện chính»

Ở nước ngoài vì sinh sống, vì nặng lòng với tương lai đất nước, đầu óc anh không bao giờ được thanh thoi để ngồi viết. Vả lại cũng chưa có hoàn cảnh thuận tiện, và dù có viết cũng không biết bao giờ tác phẩm mình mới có thể tới tay độc giả được !

Sau khi về hưu. Vừa bỏ ống nghe xuống, anh cầm bút tranh thủ thời gian viết. Anh viết rất hăng say, chẳng khác gì khi còn trẻ, phải cái thỉnh thoảng anh phải tạm ngừng bút hoặc xem TV chốc lát, hoặc chạy vào bếp giúp một tay...

Mấy chục năm qua như mới xảy ra ngày nào. Cầm bút viết, anh trầm ngâm nhớ lại thời kỳ niên thiếu với cảnh đẹp quê nhà, đời sống sinh viên lãng mạn, những ngày say mê làm báo viết văn, rồi đến những ngày gian truân, nguy hiểm vào sinh ra tử nơi chiến trường và những cảnh lưu vong chật vật nơi xứ người...

Cuốn hồi ký xuất bản năm 1980 tại Canada anh chỉ viết trong sáu tháng. Cuốn sách này viết trong một hoàn cảnh đặc biệt, có nhiều hạn chế và thiếu sót, nhưng đó là tiếng nói đầu tiên của anh sau mấy chục năm im hơi lặng tiếng. Tuy chưa có thể nói ra được hết, nhưng đó cũng là kết quả của sự học hỏi và nghiên cứu không ngừng với trí nhớ sáng suốt của anh sau mấy chục năm qua.

Cũng trong năm 1980, anh viết một bài bình luận chính trị, «Một vài ý kiến về vấn đề Việt Nam» gửi ra nước ngoài để đồng bào tham khảo. Vì hoàn cảnh đặc biệt, không tiện để tên thực, tôi đề nghị anh dùng bút hiệu «Viễn Phương» ý là ở phương xa. Nhưng sau anh đổi ra là «Viễn Sơn». Không ngờ bài này được nhiều độc giả tán thành, có đồng cảm và đã giúp vào việc kết hợp các tổ chức sau này...

Tiếp đến anh bắt đầu viết một cuốn tiểu thuyết dài, miêu tả thời đại lịch sử của xã hội Việt Nam từ hồi Pháp thuộc, thế chiến thứ hai, dân chúng Việt Nam đã vùng dậy như thế nào... Rồi đến nội chiến và cuối cùng sự thất bại của phái Quốc Gia, dựa theo đời sống của một số nhân vật và gia đình trong thời đại đó. Những thanh niên yêu nước, có ý thức dân tộc, hoài bão mong ước được sống trong hoàn cảnh của một xã hội tự do bình

đảng, hòa bình. Đó chẳng qua chỉ là một ước vọng tối thiểu của người dân. Họ đã từng cầm bút, từng chiến đấu với thực dân, từng trải qua bao gian nan hiểm trở, nhưng cuối cùng vì «mệnh vận» họ bị xô đẩy vào sự xung đột với một chế độ độc đoán. Họ thất bại với bao tang tóc ngậm ngùi, phải bỏ nước ra đi, sống đời lưu vong nơi góc biển chân trời !...

Anh viết rất say mê, nhưng thận trọng. Có khi anh viết xong một chương dài, tôi vừa đánh máy xong. Đọc lại thấy không vừa ý, thế là anh cho luôn vào thùng rác. Đoạn nói về việc xung đột giữa Việt Minh và phái Quốc Gia, anh suy nghĩ rất lâu vì anh cho rằng viết nhiều quá về chiến tranh giết chóc không phải là chủ đích của cuốn sách này.

Khi xong bản thảo, chúng tôi có tranh luận về đầu đề cuốn sách này. Lúc đầu anh định lấy tên «Bên giòng thác lũ», nhưng tôi thấy phải có một tên nào khiến cho độc giả vừa đọc đến là biết ngay bối cảnh của Việt Nam. Sau anh đề nghị dùng tên «Bên sông Hồng», nhưng tôi lại thấy có vẻ êm đềm quá, không phù hợp với nội dung của cuốn sách này. Chợt nhớ tới «Trên sông Đôn êm đềm», một cuốn sách mà chúng tôi đã từng đọc. Và cuối cùng chúng tôi đồng ý dùng «Trên sông Hồng cuộn cuộn» làm tên cuốn sách này.

Quyển sách này là một thiên hùng ca hay một bi kịch của thời đại ?

Đúng là một thiên hùng ca cho những người đã dấn thân vào công việc chống thực dân và chống độc tài - nhưng cũng là một bi kịch lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam với nỗi đau thương trùm lên cả đất nước sau khi họ thất bại.

XXX. Di Dân Sang Hoa Kỳ

Tháng 3 năm 1988, chúng tôi kết thúc quãng đời hơn 40 năm sinh sống tại Trung Quốc, lên đường sang Mỹ đoàn tụ với hai con. Hứa Anh và Hứa Chân đã sang Hoa Kỳ từ trước.

Trước hết tôi phải làm giấy tờ xuất cảnh. Theo thông cáo của tòa lãnh sự Hoa Kỳ, tôi phải chuẩn bị nhiều giấy tờ, trong đó tôi không có giấy khai sinh và giấy hôn thú. Giấy khai sinh của tôi là quốc tịch Pháp, tôi đã xé bỏ khi tôi quyết định không trở về khu Pháp chiếm. Còn giấy hôn thú trước kia vì mới tới nơi xa lạ không biết đi lấy ở đâu. Hai nữa là ở thời kỳ loạn lạc mà lại lấy giấy hôn thú Trung Quốc thì thấy không cần thiết lắm, nên chúng tôi đã chẳng để ý đến thủ tục này.

Tôi tới chỗ chuyên làm giấy hôn thú của khu phố chúng tôi ở định hỏi thủ tục ra sao, vì theo chỗ tôi biết là làm giấy hôn thú phải hai vợ chồng cùng tới ký giấy, rồi còn cần thêm giấy tờ gì nữa tôi không rõ lắm, nên cần tới hỏi trước để chuẩn bị. Không ngờ khi tới nơi, người phụ trách ở đây lại chính là người học trò cũ của tôi. Thấy tôi ngỏ ý, anh ta không để tôi nói lời thứ hai, đưa tôi đến phòng một cô chức viên bảo làm ngay cho tôi. Thế là không đầy mười phút làm xong thủ tục. Anh

ta còn bảo tôi mang về để anh Bách ký, miễn cho anh ấy khỏi đến, vì hôm ấy trời lạnh lại thêm mưa phùn.

Còn việc lấy giấy khai sinh thì tôi phải tới cơ quan chuyên làm giấy tờ đối ngoại làm. Ở đây họ yêu cầu phải có một người hơn tôi ít nhất là mười tuổi và sinh tại Việt Nam để làm nhân chứng !

Nghĩ mãi mới ra rằng tôi có một người bạn học lớp trên, chồng bà ta có lẽ lớn tuổi hơn tôi. Khi nhân viên cơ quan này đến phỏng vấn, thì mới biết anh ta chỉ hơn tôi có sáu tuổi thôi. Đến phần hỏi tên bố mẹ tôi, anh ta nói không ra. Quả thật là một yêu cầu vô lý vì mấy chục năm rồi, có khi chính tên bạn học cũng còn quên, huống hồ gì là tên của bố mẹ bạn học !

Tôi nói trước sau tôi khai lý lịch đều là sinh tại Việt Nam, đâu có phải là người khai man. Nhưng họ nói là làm theo quy định của cấp trên.

Tôi biết họ cố tình làm khó dễ, nhưng vì những điều tôi khai đều là sự thực, nên tôi không cầu họ mà chỉ làm theo thủ tục công khai. Và lại ở trên có thông báo không được hối lộ cán bộ. Tôi biết luật mà làm trái, nếu họ «cắn» lại là mình sẽ trở thành phạm tội ngay. Tôi quyết định không biếu xén gì cả (Lúc đó hối lộ còn vào thời kỳ giấu giếm, «đi cửa sau» chưa có công khai).

Lần này chúng tôi thực nghĩ nát óc. Mỗi sau anh Bách mới nghĩ ra có một bệnh nhân đã từng cho anh biết là mẹ anh ta sinh tại Việt Nam. Tôi có tới thăm mới biết bà cụ này đã ngoài tám mươi tuổi, trí nhớ kém... Thế là bắt đầu từ hôm đó, bà cụ cả ngày cứ phải lẩm bẩm tên bố mẹ tôi. Nhờ sự may mắn đó, tôi mới lấy được tờ giấy khai sinh gian nan trắc trở này.

Kỳ quặc nhất là chúng tôi làm việc chính thức ở đây đã gần bốn mươi năm mà không thấy ai đòi hỏi giấy khai sinh gì cả ? Hai chúng tôi lấy nhau cũng gần năm mươi năm và sinh được đến sáu người con mà cũng chẳng ai thắc mắc gì đến hôn thú của chúng tôi bao giờ. Nếu không có việc sang Mỹ thì đâu có sự kỳ cục như thế này.

Mang theo toàn bộ tài sản với số quy định lúc đó là sáu tháng lương với số tiền giá một vé máy bay. Từ đời sống Trung Quốc nay lại sang định cư tại Hoa Kỳ càng cách xa quê hương cũ.

Thấm thoát nửa thế kỷ đã qua, trên thế giới đã xảy ra bao nhiêu sự kiện mà trước kia chúng tôi không tài nào tiên đoán nổi. Nhưng chúng tôi lúc nào cũng tin tưởng ở tương lai, dù đang cảnh tha hương.

Tuy xa cách Việt Nam cả một Thái Bình Dương và một mỗi sau mười mấy giờ ngồi máy bay, nhưng khi tới thành phố Los Angeles, miền Nam California, tôi cũng không thấy xa lạ quá khi vừa đặt chân xuống sân bay, dưới ánh nắng vui tươi và ấm áp không ngờ.

Đầu tháng 4 năm đó, vừa đúng là mùa hoa đào nở rộ bên sông Potomac, thủ đô Washington. Đất này yên bình làm sao ! Ở Virginia, nhà cửa mọi người thật là khang trang. Nhà nào cũng có vườn hoa và bãi cỏ rộng lớn, khác hẳn với những phố xá nhà cửa chật hẹp và bụi bặm như ở Trung Quốc hay ở Việt Nam.

Trùng phùng với những người thân sau hơn 40 năm xa cách. Tất cả mọi người đều nhiệt tình đón tiếp và giúp đỡ khiến chúng tôi vô cùng vui mừng và xúc động! Bây giờ chúng tôi đang đứng trước tượng Lincoln, cách Hà Nội hàng muôn dặm. Chúng tôi còn đi thăm những nơi danh lam thắng cảnh như tòa Bạch Ốc, nhà Quốc Hội, Lầu Ngũ Giác, Viện Bảo Tàng...

Tại đây tôi có gặp lại gia đình bác sĩ Trần Đình Đệ - là bạn học bấy năm y khoa cùng lớp với anh Bách. Tuy xa cách mấy chục năm, mỗi người có một cuộc đời khác hẳn, nhưng tình bạn vẫn còn thân.

Anh Đệ đã nhiều lần thân tới đón chúng tôi. Trên đường về nhà anh còn pha trò nói tôi thực là oai, có một bác sĩ làm hộ vệ, một bác sĩ làm tài xế !

Về tới nhà chúng tôi đều cùng ôn lại những ngày vui tại Hà Nội. Anh Đệ không quên bắt tôi phải đấu bóng cùng anh và phải tính điểm ping pong như chính quy. Kết quả tôi thắng anh với tỷ số 3:0. Anh Đệ không phục cứ lắm bầm, lần sau phải nhất định thắng tôi. Nhưng lúc đó tôi thấy chân anh không được bình thường, sợ anh ham thắng mà bị ngã, nên tôi cáo mệt từ chối không đấu với anh lần thứ hai nữa.

Sau bữa cơm chúng tôi cùng bơi thuyền trên hồ nhỏ sau nhà anh. Đây là bơi thuyền tại thủ đô Hoa Kỳ, chứ không phải tại Hồ Tây Hà Nội trước kia, khi còn là sinh viên trường thuốc.

Một tháng sau, từ già người thân, chúng tôi lên đường đi New York để thăm gia đình cháu Nguyễn Tường Giang ở đó. Nhờ vậy chúng tôi được tự mình chính mắt thấy thủ đô khét tiếng phồn thịnh trên thế giới với những tòa nhà chọc trời. Ở đây cũng có «China town», tới đây y như đang đi trên đất Thượng Hải hay Quảng Châu của Trung Quốc.

Nhưng có ý nghĩa hơn cả là chúng tôi đáp tàu đến thăm tượng Nữ Thần Tự Do trên hòn đảo nhỏ. Đây là đất tự do, nhưng cảm giác trong lòng chúng tôi lúc nào cũng băng khuâng không biết bao giờ Việt Nam và Trung Quốc mới được tự do, dân chủ ? Trước mặt Nữ Thần Tự Do, chúng tôi đã vô cùng xúc động !

Tuy là di dân mới, nhưng chúng tôi không cảm thấy thiếu thốn nghèo nàn, mà trái lại thấy thật đầy đủ, về mặt tinh thần, chúng tôi đã từng làm việc hơn 30 năm trời, gây dựng được một gia đình đầm ấm, con cháu đầy đàn và lòng tự tin về cách sống, về sự nghiệp của mình, tuy rất nhỏ bé.

Khi đặt chân lên đất này, anh Bách như cá gặp nước. Anh đã đi thăm những người thân và các bạn hữu ở rải rác trên nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ, kể cả Canada. Anh còn đi thăm nhiều danh lam thắng cảnh khác như Nigara Falls, Grand Canyon, Las Vegas...

Trong lúc mới tới, mọi sự đều bỡ ngỡ, anh đã tìm cách học hỏi, quan sát để mau hiểu biết và chóng hội nhập vào xã hội này.

Có lẽ điều quý nhất là anh được mọi người tin cậy và dù ở trong bất cứ một hoàn cảnh nào, không có một khó khăn nào có thể làm làm anh khuất phục.

Ở đất tự do này, anh có thể làm theo ý nguyện mình. Anh vẫn ham viết, và hình như không biết gì là mệt mỏi. Anh viết ra những y kiến, những kinh nghiệm và các bài bình luận của anh được đăng trên các báo ở đây và Tây Âu. Anh tiếp tay làm những công việc chung có ích lợi cho đất nước và công việc văn hóa. Tuy tuổi đã cao, nhưng anh không bao giờ thấy thất vọng, mặc dầu có khi thành công, có khi thất bại, nhưng giá trị con người là ở chỗ vô tư và cố gắng ! Chúng tôi vẫn được an ủi vì lòng triu mến của người thân và các bạn hữu có lòng ở khắp nơi trên thế giới. Đó là món quà vô giá nhất !

Từ lúc còn nhỏ, anh Bách đã ôm ấp một lý tưởng. Anh ao ước sẽ thành một nhà văn chân chính. Nay vui mừng nhất ở đất này là anh đã có cơ hội thực hiện giấc mơ của mình.

Trong đại gia đình Nguyễn Tường tại Việt Nam, tôi chỉ được gặp gia đình anh chị Tam, anh chị Long và anh Hoàn ở nhà báo. Rất tiếc là tôi chưa có dịp gặp bà cụ mẹ anh Bách cùng các anh chị Thụy, anh chị Cẩm, anh chị Lân và chị Thế.

Sau này thì có hai con của anh chị Thụy là Lưu ở Úc và Vũ ở Canada sang Trung Quốc thăm chúng tôi.

Khi sang tới Hoa Kỳ, tôi mới có dịp gặp chị Thế. Các con của anh chị Thụy là Hùng, Bá, Nguyệt, Lưu, Yên, Quí, Hồng và Cường (Vũ đã mất). Con của anh chị Cẩm là Tâm. Các con của anh chị Tam là Việt, Thiết, Triệu, và Thoa. Các con của anh chị Long là Minh Thu, Ánh, Lan và Từ Dung. Các con của anh chị Lân là Nhung, Đăng và Giang. Các con của chị Thế là Tuấn, Dũng, Tuyết, Liễu và Sơn (Châu đã mất). Cũng còn một vài cháu mà tôi chưa có dịp gặp.

Khi tới Hoa Kỳ, miền đất hoàn toàn xa lạ này, trong lúc anh Bách bận rộn với những công việc chung, tôi không thấy cô đơn vì tôi tự tìm ra những thú vui riêng như tìm việc làm, đọc sách báo, quan tâm thời sự ... Thỉnh thoảng cùng các con đi chơi những nơi danh thắng ở đây như Disney Land, Sea World, Las Vegas... Ngoài ra tôi vẫn quen sống có giờ giấc, tiêu pha có kế hoạch nên trong lúc đầu tôi không thấy thiếu thốn gì cả.

Chẳng bao lâu tôi thấy mình cần phải hội nhập vào xã hội này thì ngôn ngữ là việc cần thiết nhất. Tuy trước kia, tôi có học nhiều năm Anh Văn tại Hà Nội, nhưng vì đã quá lâu, vả lại lúc đó tôi chỉ biết viết mà không biết nói, nên tôi thấy cần phải học lại. Tôi tới trường Westminster High School học ban ESL vào mỗi buổi tối. Tôi không ngờ vẫn còn hứng thú đi học như vậy.

Ngoài Anh Văn, tôi còn học được nhiều thứ rất cần thiết cho người mới tới như luật lệ giao thông, viết chi phiếu, những thói quen và thường thức trên đất này... Tôi lại có thêm một số bạn bè mới. Có người hỏi tôi :

«Bác đã lớn tuổi, nay chỉ ngồi chờ lĩnh tiền già là được rồi, việc gì mà phải đi học cho vất vả ?»

Nhưng tôi thấy đi học là một thú vui, được học hỏi và hiểu biết nhiều thứ và tôi cũng không thấy khó nhọc gì cả. Vào những ngày mùa đông giá lạnh hay những đêm mưa to gió lớn, tôi vẫn tới trường không hề quản ngại.

Một tối có cô học sinh lần đầu tiên tới lớp này, thấy có chỗ trống bèn ngồi vào, nhưng thầy giáo lại mời cô ta ngồi sang bàn khác, với lý do người học sinh thường ngồi bàn này sắp tới. Vừa lúc thì tôi tới cửa lớp, các bạn học tôi không ai bảo ai, bất giác vỗ tay hoan hô, làm tôi hết sức ngạc nhiên ! Sau đó mới biết mọi người đang lo cho tôi tối hôm ấy có thể vì lẽ gì mà tôi không tới trường.

Sau hai năm học, tôi hoàn tất bốn lớp căn bản Anh Văn cho những người mới tới. Nhà trường cấp cho tôi một tấm bằng làm kỷ niệm. Tôi có viết một bài nói về cảm nghĩ trong hai năm học. Sau đó tôi tới ban nhập tịch để ôn lại lịch sử và hiến pháp Hoa Kỳ. Tôi đọc

thuộc 100 câu hỏi về những thường thức nhập tịch. Sau khi nhập tịch, tôi tới sở di trú tự làm giấy xin cho các con ở Trung Quốc sang đoàn tụ gia đình. Sau này chúng sang định cư hay không là do chúng tự định đoạt.

Ngoài được gặp những người thân, tôi không quên liên lạc với những bạn học trước kia ở Hà Nội. Cuộc chiến đã làm mọi người tan tác phiêu bạt khắp mọi nơi trên thế giới ! Chúng tôi ôn lại những ngày tuổi thơ xa lắc. Những lúc cùng học một trường, một lớp, sốt sắng tuyên truyền chống Nhật... Chúng tôi cùng ôm bụng cười vì lúc đó tuy chúng tôi có nhiều bạn thân khác phái, nhưng quả thực ở thời đó, những hành vi nhỏ như đụng tay nhau cũng chưa hề xảy ra. Chúng tôi luyến tiếc những tình cảm trong trắng trong thời kỳ học sinh và cũng không quên những người bạn học đã vì nước mà nằm xuống. Họ đã ra đi trong lúc còn son trẻ ! Những ngày đó đã quá xa, hơn nửa thế kỷ rồi, nhưng trong ký ức tôi vẫn chưa hề phai nhạt...

Bước vào sinh sống trên đất Hoa Kỳ xa lạ, với đôi chút ngậm ngùi trong lòng, tôi ao ước có một ngày khi Việt Nam thanh bình, tôi sẽ có dịp được trở về thăm nơi sinh ra và trưởng thành, ngắm lại phố cũ đường xưa, ngôi nhà tôi đã ở, ngôi trường tôi học và đứng trước mộ những người thân đã khuất... Tôi tin rằng những ngày

hòa bình tự do tốt đẹp đó sẽ tới, nhất định sẽ tới. Lúc đó gia đình, thân hữu chúng ta sẽ cùng sum họp trong một hoàn cảnh thanh bình hạnh phúc !

Nghĩ lại, khi tôi còn là cô bé ngây thơ, ngày ngày tung tăng cắp sách đến trường, vô lo vô lự trong sự trìu mến của bà và mẹ, tôi lại xúc động không nguôi !

Những ngày tuổi thơ đó, nay không còn nữa, không bao giờ trở lại nữa...

Trích Ý Kiến Từ Đại Gia Đình Và Thân Hữu

Cháu đã nhận được bản thảo cuốn hồi ký của thím. Cháu đã đọc say mê và vội viết ngay thư này. Phải nói ngay là cốt chuyện rất ly kỳ và hấp dẫn. Cháu chưa thấy có một cốt truyện nào hấp dẫn như chuyện của thím. Hấp dẫn ở điểm chú thím đã trải qua một cuộc đời trôi nổi Việt, Trung & Mỹ...

Cháu nghĩ sách của thím có tương lai rất lớn. Chú Tam có nói «văn hóa thì phải tuyệt hảo !» (only the best). Sách của thím đã có một cốt chuyện «tuyệt hảo» nay chỉ cần thêm chi tiết, thêm tình cảm, thêm nhiều hình ảnh là xong.

Nguyễn Tường Bá

Tập hồi ký thím viết, cháu đã đọc một mạch không ngừng. Chị Thu Nga (cựu giáo sư viết văn ở Gia Long cùng với cháu) có nói - và đây cũng là ý kiến cháu - lối văn của thím rất mạnh và lối viết rất lôi cuốn, hành văn mạch lạc, hấp dẫn người đọc, phải đọc cuốn sách từ đầu đến cuối không ngừng. Cháu nghĩ, thím cũng nên in ra, hoặc đăng báo vì rất nhiều độc giả muốn biết về chú, cá tính chú, và cuộc đời tình cảm của chú, xin thím thử

ngĩ lại. Tất nhiên cũng như các tác phẩm khác không thể nào không có những khuyết điểm, nhưng đó chỉ là rất nhỏ, so với toàn bộ cuốn hồi ký này có giá trị về văn chương, cũng như về tài liệu.

Thu Nga nói với cháu rằng, qua tập hồi ký con người của thím đã hiện ra rất rõ rệt với cá tính mạnh mẽ, một người đàn bà đáng phục, chắc đã giúp đỡ cho chồng không ít trong đời.

Nguyễn Minh Thu

Cháu đã đọc hồi ký của thím. Cháu đã đọc đi đọc lại nhiều lần mà còn muốn đọc mãi. Tập sách tuy gia đình nhưng nhân vật trong cốt truyện lại quá hay. Thím ơi ! Trong tập truyện thím viết có những đoạn rất bi ai, cháu cảm thấy xót xa trong lòng, không ngờ khi xưa chú thím lại vất vả quá như vậy !

Thật đáng khen phục thím vô cùng, thím thương chú và tất cả. Cháu cảm xúc bao nỗi niềm của những bậc tiền bối đã chịu vất vả và hy sinh vì đất nước mà quên mình. Thím tả tình tiết lâm ly, văn của thím chân thực, tình cảm và đã lôi cuốn người đọc, có những đoạn như đi vào thế giới thần tiên tại Hà Nội và của nước Trung

Hoa cỏ xưa.

Vết thương của chú Long, và sự vất vả của chú thím. Đọc đến đâu, cháu hồi tưởng những nỗi niềm không có bút nào tả hết. Với thời gian xa xưa và thân phụ cháu qua đời trong hoàn cảnh bi đát ! Chú thím ơi ! Cháu xúc động ngập tràn như xưa nhỏ bé !

Chú thím tuy đông con, nhưng không thấy bận bịu, đây là đáng khen, một khối óc có sự ngăn nắp gia đình, tổ chức chu đáo, nên mới có một đời sống tươi vui và lành mạnh, đó là điều khó ai bằng.

Chú có bốn sĩ : bác sĩ, chiến sĩ, văn sĩ và nhạc sĩ nữa. Còn cái phụ là tề gia, làm một người cha gương mẫu !

Nguyễn Thị Kim Thoa

Chúng cháu vừa đọc xong tập hồi ký của thím viết, vội viết vài hàng tới thăm. Cháu thích đọc cuốn của thím viết, nhất là những người trong họ, thì lại thấy những gì thím viết gần gũi hơn. Đọc về trường hợp cái chết của chú Long năm 1948, thốt nhiên cháu thấy lạnh người. Đọc những đoạn tả những kỷ niệm với cậu cháu lúc đó, mắt chiếc nhãn «đã nghèo mà lại gặp ma !» Cháu không thể tưởng tượng, đây là lần cuối cùng, chú

thím và cậu cháu gặp nhau trên cõi đời này.

Những nhân vật mà thím tả trong cuốn hồi ký, chú thím đã chẳng có dịp gặp lại sau năm 1949. Nhưng có một số thì cháu đã được gặp lại ở Miền Nam. Cố nhiên là cháu gặp thím Long nhiều lần, nhưng có một lần mà cháu nhớ nhất là vài tháng trước khi thím mất, lúc đó thím đã bị cưa một cánh tay, thím nói với cháu :

«Đời các anh phẳng lặng quá, đối với chúng tôi sóng gió hơn nhiều.»

Đọc xong cuốn hồi ký của thím, cháu mới càng thấy thấm thía câu nói của thím Long. Không phải chỉ có cuộc đời của cậu cháu, của chú Long, chú Bách mới sóng gió, mà sóng gió đã còn trôi phăng đi cả các bà vợ. Sự hy sinh của những bà vợ này thật vô bờ bến mà lịch sử, văn học sử không một dòng đề cập đến. Thật là bất công !

Ngoài thím Long, cháu còn gặp vài nhân vật khác ở Miền Nam. Bác Nguyễn Gia Trí, Vũ Hồng Khanh, Xuân Tùng... Thím có nhận xét của một nhà văn khi thím tả về ông Xuân Tùng «lúc nào cũng thấy anh vội vàng vàng», hình như có nhiều việc đang đợi anh làm, không sao ngồi yên được. Về sau này thì cháu gặp ông ấy vẫn vậy, nghĩa là vội vàng cả đời ! Vợ cháu rất

phục, là với tuổi của thím, mà còn có trí nhớ tuyệt vời !

Nguyễn Tường Thiết

Cháu rất thích thiên hồi ký nhỏ của thím. Thím viết rất chính xác và điều này sẽ làm người đọc thích thú như họ đã say mê đọc cuốn hồi ký của chú.

Nguyễn Tường Thạch

Nhà cháu lại thích đọc tập hồi ký của thím. Nhà cháu cho là thím viết hết sức giản dị, lưu loát như người ta kể chuyện, hết sức tâm tình, nhẹ nhàng và êm đềm với những nhật xét tỉ mỉ, dí dỏm, nhiều khi còn có vẻ khinh đời. Chắc có như vậy thím mới sống nổi trong thời đại đó.

Nguyễn Tường Lưu

Lúc bác trai ra mắt cuốn sách «Bên sông Hồng cuộn cuộn», cuốn sách vừa có tính cách lịch sử vừa có tính romantic, chúng con đã nghĩ rằng chỉ có bác trai mới có tài viết văn như những người trong dòng họ Nguyễn

Tường đã từng cống hiến cho đất nước biết bao văn nhân lừng danh như bác Nhất Linh, Hoàng Đạo...v.v... nên có mấy ai lại nghĩ đến những nội tướng của các bác có thể viết được, dù chỉ là một phần của bác trai và thật là bé cái lắm, vừa phạm tội «kỳ thị» cho đến khi được đọc toàn bộ bản thảo cuốn hồi ký của bác gái Bảo Liên - Nguyễn Tường Bách thì thấy quả tình bác gái có lối viết rất súc tích, cẩn thận trong từng câu, từng chữ khi diễn tả, tuy nhiên vẫn không làm cho người đọc cảm thấy khô khan mà ngược lại càng đọc càng bị cuốn hút qua lối hành văn vừa chân thật vừa khách quan như người viết sử.

Con ngạc nhiên về việc bác gái đã cố gắng viết và đã hoàn thành cuốn hồi ký trên giường bệnh, trong lúc sức khỏe vô cùng yếu kém, nên đã tạo trong lòng con một sự xúc động khó tả do đó con cảm thấy trong người làm sao ấy nếu như con «bình chân như vại» không phụ với bác gái một tay để phổ biến đến mọi người, chính vì thế con đã liều mạng «rờ bụng mà không một chữ gì» về việc này vì trước đến giờ con đâu có biết layout sách cho ai đâu. Những câu chuyện bác kể suốt thập niên 40 này, con đọc qua như nghe chuyện cổ tích, với những nhân vật đã đi vào huyền thoại cùng theo sự nổi trôi của vận nước. Ngoài ra với sự mô tả tự nhiên và khéo léo của bác làm cho con có cảm tưởng như các bác Khải

Hung, Hoàng Đạo, Nhất Linh, những người đã khai sinh ra Tự Lực Văn Đoàn đầu tiên của Việt Nam hay các nhân vật lịch sử như bác Nguyễn Gia Trí, Vũ Hồng Khanh, Tôn Thất Tùng...v.v... tuy các vị này đã khuất bóng nhưng vẫn còn phảng phất đâu đây.

Con không nghĩ cuốn hồi ký của bác gái chỉ gói ghém về chuyện riêng tư của gia đình bác hay của dòng họ Nguyễn Tường mà là một tài liệu rất thực và rất có giá trị về lịch sử và là một món quà tặng giá trị cho những thế hệ sau khi nghiên cứu về một giai đoạn đau thương của dân tộc vào thế kỷ thứ 20 để giúp cho họ có một cái nhìn khách quan cần thiết khi phê phán lịch sử.

Lâm Ngọc Chiêu

Từ lâu cháu vẫn cảm thương bác trai, một người giỏi, có lòng, mà lại lưu lạc truân chuyên nơi xứ người gần hết cuộc đời. Nay đọc hồi ký của bác gái, cháu đã yên tâm. «Tha hương ngộ cố tri», bác trai đã có bác gái làm bạn đường, bạn đời khăng khít nên dù có gian nan hoạn nạn, bác cũng không cô đơn.

Cháu nỗ lực phục bác gái ở thái độ bình dị cầu tiến, lúc nào cũng khắc phục hoàn cảnh để vươn lên, không than

văn, sâu muộn hay yếu đuối, buông xuôi dù ở vào những tình thế, hoàn cảnh gay go nhất.

Bác gái đã có được một nền học vấn, kiến thức hiếm có trong thời điểm mà phụ nữ còn bị hạn chế việc học hỏi ở nhà trường, vì thế bác đã hỗ trợ và chia sẻ với bác trai hữu hiệu hơn.

Cháu chỉ biết tặng bác gái những đóa hoa đẹp để nhất tưng đáy lòng để tỏ lòng ngưỡng mộ một vị anh thư thầm lặng.

Nguyễn Diệu Liên Hương

Tôi đã đọc ba, bốn lần cuốn hồi ký «Nguyễn Tường Bách và Tôi», điều ngạc nhiên đầu tiên là tôi không ngờ chị viết chữ Việt hay đến thế. Trước kia tôi đã nghe phong phanh về chị do anh Nguyễn Tường Bá cho biết - hồi còn là sinh viên trường thuốc anh Bách vừa học giỏi, đẹp trai... Nhưng anh lại thành hôn với một tình Việt-Hoa, thật là «duyên tiền định».

Hồi ký có nhiều sự kiện lịch sử. Hồi ông Nguyễn Tường Tam bỏ sang Trung Hoa đã có tin đồn ông mang theo mấy triệu đồng của bộ ngoại giao, nhưng đời sống thiếu thốn khắc khổ của các ông Tam, Long, Bách qua

những giòng hồi ký đã mặc nhiên cải chính những lời đồn, tin đồn cố ý tung ra để bôi nhọ. Đoạn chị mô tả về cái chết của ông Nguyễn Tường Long, chị phải đi bộ, vừa đi vừa chạy tới nhà người bạn vay số tiền để lo chôn cất cho một đồng chí bị chết thảm trong cuộc đời lưu vong, gây nhiều xúc động.

Phạm Ngọc Lũy

Tôi đã từng đọc nhiều hồi ký của các nhà văn Việt Nam cũng như thế giới. Tôi thấy phần nhiều nặng về văn chương, do đó tính chân xác bị xút giảm. Dưới ngòi bút mộc mạc nhưng mặn mà mà có duyên của Hứa Bảo Liên, nghĩ sao viết vậy, sự việc thế nào trình bày đúng như thế, tôi cho đây là một điều đặc sắc.

Gia đình Nguyễn Tường ở Việt Nam là một danh gia. Cuộc đời của cụ Nguyễn Tường Bách là một bác sĩ kiêm văn sĩ, kiêm chiến sĩ cách mạng nổi tiếng đầy gian truân. Cuộc tình lãng mạn, trong sáng, bền vững là một cái gì vô cùng đẹp, vô cùng trân quý trong cuộc đời tầm thường nhiều xấu xa. Ngòi bút Hứa Bảo Liên đã ghi lại một cách xúc động toàn bộ bối cảnh gắn bó một đôi bạn đời chung thủy tận tụy.

Lịch sử Việt Nam trong suốt nửa thế kỷ bị giằng xé bởi nhiều thế lực, hết sức phức tạp, cũng được ghi lại một cách sắc nét. Hứa Bảo Liên đúng là một cây bút có tài, tuy bà không có ý định làm văn chương. Một cuốn sách đáng để cho con cháu tìm đọc, để hiểu biết về lịch sử cha ông, lịch sử đất nước ở một giai đoạn đầy bi kịch.

Nguyễn Chí Thiện

... văn chị viết rất thật. Nhất là chuyện chị kể về Côn Minh - thấy nhớ Côn Minh quá. Sau khi Côn Minh lọt vào tay cộng, tôi từng đi bán bánh mì tại khu lầu Đại Quan. Cứ sáng sớm dân trong thành phố đổ đến lầu Đại Quan vì sợ bom cạ Tưởng ném xuống thành phố. Bởi dân chạy loạn nên mới có chuyện bán bánh mì.

Đọc xong cuốn hồi ký của chị, thấy chị viết rất có «cá tính», mà là cá tính tốt... Với lối viết dễ hiểu và chân thật của chị, cuốn thứ nhì của chị nhất định là hay.

Viết cũng là cách đóng góp tốt về mặt nào đó cho cuộc sống của nhân loại. Rất mong chị tiếp tục viết truyện ngắn, truyện dài...

Kính.

Lê Hung¹⁰

21-5-02

PANTA ANA, Jan. 1st - 1990
Kính gửi Chị Bêch,

Đã nhận thiệp của chị -
Cảm ơn chị lắm.

Chúng tôi cũng xin chúc chị
và anh Bêch mọi sự tốt
lành trong năm 1990 và cần
thiết là luôn luôn khỏe mạnh.

Cứ gần đến Tết âm lịch rồi
xin chúc chị và anh Bêch
một năm AN KH NGUYỄN được
"Vạn sự như ý" và khỏe.

Kính chúc:

Phạm Bêch Tâm

10 Anh Lê Hung là một trong ban lãnh đạo của Việt Quốc. Suốt đời anh đã lặng lẽ một lòng cho công việc chung. Tôi nhận được bức thư của anh không lâu thì anh đã qua đời vì tai nạn xe cộ.

Hơn Nửa Thế Kỷ Bao Táp Của Cách Mạng Việt Nam

... Tôi thăm Đại Học Văn Nam, cảnh trí vẫn y như vậy, giống như mô tả trong hồi ký gia đình, «Nguyễn Tường Bách và Tôi» của Hứa Bảo Liên : « Đây là một trường đại học lớn nhất của tỉnh này, chiếm cả một ngọn đồi lớn. Trên đồi toàn là những cây thông cây bách cao lớn, những con sóc nhảy từ cây nọ sang cây kia nhanh như cắt. Mỗi khi vào trường mọi người phải leo lên 99 bậc thang đá. Trong trường có nhiều kiến trúc đẹp và kiên cố toàn dùng những miếng gạch đỏ xây thành.»

Vẫn có đó những bước nhảy chân sóc nhanh như cắt ấy, vậy mà đã hơn nửa thế kỷ bao táp đã qua đi của một thời kỳ cách mạng Việt Nam với những tháng ngày bôn ba của những tên tuổi như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách...

Ngô Thế Vinh

Tường Trình từ Văn Nam, 09 / 2002